



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số & SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - Số 631 / Kỳ I - 10/2022



KINH TẾ 9 THÁNG NĂM 2022
NHIỀU ĐIỂM SÁNG VÀ HY VỌNG VỀ KỊCH BẢN
TĂNG TRƯỞNG CAO NĂM 2022



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG
ĐẦU NĂM 2022 VÀ ÁP LỰC
LẠM PHÁT TRONG THỜI GIAN TỐI



NGÀNH Y TẾ TẬP TRUNG THÁO GỠ
KHÓ KHĂN THỰC HIỆN TỐT
SỨC MỆNH BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC
SỨC KHỎE NHÂN DÂN



TỔNG QUAN DỰ BÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI
QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2022

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 10/2022 (631) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BÙI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại Công ty TNHH In Tân Thăng Long

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Hợp báo kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022
3. Tổng cục Thống kê tổ chức khai giảng Khóa đào tạo thống kê nông nghiệp trong khuôn khổ Dự án Hàn Quốc năm 2022

KINH TẾ - XÃ HỘI

4. Kinh tế - xã hội cả nước quý III và 9 tháng năm 2022 khởi sắc ở hầu hết các lĩnh vực
9. Kinh tế 9 tháng năm 2022 nhiều điểm sáng và hy vọng về kịch bản tăng trưởng cao năm 2022

Lê Trung Hiếu

11. Chỉ số giá tiêu dùng 9 tháng đầu năm 2022 và áp lực lạm phát trong thời gian tới

Nguyễn Thu Oanh

13. Sản xuất công nghiệp vẫn là động lực tăng trưởng của nền kinh tế

16. Nhìn lại 45 năm mối quan hệ hợp tác giữa Việt Nam - Liên hợp quốc

Bích Ngọc

19. Tăng tốc chuyển đổi số quốc gia

Nguyễn Trang

22. Tập trung hoàn thiện quy hoạch hệ thống cảng hàng không

Ngọc Linh

25. Phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030

Duy Hưng

28. Khu công nghiệp sinh thái: hướng phát triển khu công nghiệp xanh và bền vững tại Việt Nam

TS. Bùi Thành Khoa

31. Việt Nam hướng tới phát triển nông nghiệp xanh

Thu Hương

34. Ngành Y tế tập trung tháo gỡ khó khăn thực hiện tốt sứ mệnh Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân

Quang Vinh

37. Tin địa phương

KẾT QUẢ TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021

39. Tổng điều tra kinh tế năm 2021 - Cơ sở trực thuộc cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp phát triển khá

QUỐC TẾ

40. Những xu hướng công nghệ giúp ngành bán lẻ toàn cầu vượt "bão giá"

Tiến Long

42. Tổng quan dự báo tình hình kinh tế thế giới quý III và cả năm 2022

THÁI BÌNH THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN

45. Tiền Hải phát triển nhanh, bền vững

Nghĩa Thủy

47. Thái Bình - Đẩy mạnh Phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với Xây dựng nông thôn mới

Nguyễn Mạnh Khương

48. Vũ Thư chuyển dịch kinh tế - xã hội toàn diện

N.T

50. Đông Hưng: Tập trung phát triển công nghiệp đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Thanh Hà

51. Đông Lâm Hướng tới xây dựng thành công xã Nông thôn mới kiểu mẫu

Trọng Nghĩa

Giá: 27.000 đ

Họp báo kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022



Sáng ngày 29/9/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức Họp báo công bố số liệu thống kê kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng đầu năm 2022 bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến. Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương chủ trì buổi Họp báo.

Tham dự buổi họp báo tại điểm cầu trực tiếp có các Phó Tổng cục trưởng TCTK: Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu; lãnh đạo, chuyên viên các đơn vị thuộc TCTK; đại diện các cơ quan thông tấn báo chí và các bộ, ngành. Tại các điểm cầu trực tuyến có lãnh đạo, công chức thuộc 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2022 của nước ta khởi sắc ở hầu hết các lĩnh vực. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý III/2022 tăng trưởng mạnh mẽ. Nhiều ngành đã khôi phục và đạt mức tăng trưởng cao hơn trước khi dịch Covid-19 xảy ra như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; xuất khẩu hàng hóa...

Cụ thể, tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng cao ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,24%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,91%; khu vực dịch vụ tăng 18,86%.

GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,99%, đóng góp 4,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,44%, đóng góp 41,79%; khu vực dịch vụ tăng 10,57%, đóng góp 54,17%.

Khách quốc tế đến Việt Nam đạt 1.872,9 nghìn lượt người, gấp 16,4 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 85,4% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa có dịch Covid-19. vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 9 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 558,52 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13%. Cán cân thương

mại hàng hóa 9 tháng năm 2022 ước tính xuất siêu 6,52 tỷ USD.

Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%.

Để tiếp tục triển khai hoạt động kinh tế xã hội quý IV năm 2022 đạt kết quả, TCTK cũng đã đưa ra một số giải pháp chủ yếu như: Tiếp tục thực hiện nhất quán phương châm sống chung an toàn với dịch Covid - 19; Thực hiện hiệu quả chính sách an sinh xã hội, lao động việc làm; Quyết liệt triển khai nhanh, hiệu quả nhiệm vụ dự án đầu tư thuộc chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 - 2023; chủ động điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ kết hợp với chính sách tài khóa vừa ổn định kinh tế vĩ mô kiểm soát hàng hóa, vừa hỗ trợ doanh nghiệp đáp ứng được các nhu cầu vốn của nền kinh tế; đẩy mạnh sản xuất trong nước; nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo điều hành các ngành, các cấp, siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính...

TCTK cũng đã dành nhiều thời gian giải đáp thỏa đáng câu hỏi của các nhà báo về các vấn đề liên quan đến tình hình kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2022./.

M.T

Chiều ngày 29/9/2022, tại Trụ sở Liên minh Hợp tác xã Việt Nam ở Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) có buổi làm việc và trao đổi với Liên minh Hợp tác xã Việt Nam về tính đúng, tính đủ đóng góp vào GDP của khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã.

Tham dự buổi làm việc có Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu, đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc Tổng cục; đại diện Cục Phát triển Hợp tác xã thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Về phía Liên minh Hợp tác xã Việt Nam có ông Lê Văn Nghị, Phó Chủ tịch, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Liên minh HTX Việt Nam, thành viên Ủy ban Kiểm tra Kiểm tra Liên minh HTX Việt Nam và các thành viên Tổ điều tra thống kê GDP.

Tại buổi làm việc, các đại biểu tập trung thảo luận 3 nội dung chính: (1) Đối tượng thống kê của kinh tế HTX theo thông lệ quốc tế, trên cơ sở đó thống nhất về đối tượng thống kê của kinh tế

TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI LIÊN MINH HỢP TÁC XÃ VIỆT NAM

tập thể, hợp tác xã Việt Nam để tổng hợp tính toán phần đóng góp vào GDP của KTTT, HTX hàng năm, xem xét tổ chức điều tra thống kê bổ sung phần đóng góp vào GDP năm 2021. (2) Phương pháp, lộ trình xây dựng dự thảo Thông tư ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê đối với KTTT, HTX để trình Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (3) Quy trình điều tra thống kê; tổng hợp, xây dựng báo cáo số liệu về KTTT, HTX hàng năm.

Trao đổi về các vấn đề trên, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu và đại diện lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ TCTK cho biết, hiện TCTK tính chỉ tiêu GDP theo chuẩn quốc tế, phù hợp với khuyến nghị năm 2019 của ILO. TCTK không có

cuộc điều tra riêng về HTX, các chỉ tiêu HTX được thực hiện lồng ghép trong các cuộc điều tra của TCTK. Hàng năm, TCTK phối hợp với Cục Phát triển Hợp tác xã, Cục Quản lý đăng ký kinh doanh (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư) để tổng hợp và xuất bản ấn phẩm Sách trắng Hợp tác xã, từ đó có cái nhìn tổng quan về sự phát triển HTX. Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu nhất trí đề xuất Liên minh HTX Việt Nam thành lập tổ kỹ thuật riêng để xác định phạm vi, đối tượng tính toán chỉ tiêu HTX và sẽ tiếp tục có những trao đổi cụ thể để hỗ trợ Liên minh HTX Việt Nam tính toán số liệu thống kê về HTX, từ đó có bức tranh rõ nét hơn về khu vực KTTT, HXT Việt Nam./.

B.N

Tổng cục Thống kê làm việc với Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF

Chiều ngày 26/9/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) làm việc với Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF.

Tham dự buổi làm việc có Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu; đại diện lãnh đạo một số đơn vị thuộc TCTK; Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF.

Tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương bày tỏ sự vui mừng khi TCTK được làm việc với Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, đồng thời cảm ơn các chuyên gia IMF

đã có nhiều hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính cho TCTK trong thời gian qua. Tổng cục trưởng cũng cho biết, TCTK sẽ sẵn sàng cung cấp các thông tin và giải đáp các câu hỏi mà Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF quan tâm.

Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF đã đưa ra một số vấn đề và mong muốn được TCTK làm rõ như: Đánh giá về tình hình tăng trưởng kinh tế của Việt Nam, đặc biệt là trong quý III/2022; chỉ số CPI, lạm phát, thất nghiệp; tình hình hoạt động của các doanh nghiệp; đánh giá về xu hướng tiêu dùng tư nhân

có sự gia tăng không; đánh giá về sự phục hồi trên thị trường lao động tại Việt Nam; áp lực tăng lương trong bối cảnh tăng giá...

Các vấn đề Đoàn cán bộ của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF quan tâm đã được Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương, Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu và lãnh đạo các đơn vị nghiệp vụ thuộc TCTK trả lời thỏa đáng; cũng như cung cấp các thông tin và số liệu thống kê mà TCTK đã và đang thực hiện.

Kết thúc buổi làm việc, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương mong rằng trong thời gian tới, TCTK sẽ tiếp tục nhận được nhiều sự hỗ trợ về kỹ thuật và tài chính từ phía IMF và sẽ có nhiều sản phẩm phối hợp giữa TCTK và IMF trong tương lai./.

Thu Hường

Tổng cục Thống kê tổ chức khai giảng Khóa đào tạo thống kê nông nghiệp trong khuôn khổ Dự án Hàn Quốc năm 2022



Sáng ngày 26/9/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) đã tổ chức khai giảng Khóa đào tạo thống kê nông nghiệp trong khuôn khổ Dự án Hàn Quốc năm 2022. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến và Tiến sĩ Hong Eun Pyo, Quản đốc Dự án tham dự và đồng chủ trì Lễ Khai giảng. Tham dự Lễ Khai giảng về phía TCTK có lãnh đạo, công chức các vụ liên quan, các học viên thuộc cơ quan TCTK. Về phía Hàn Quốc có các chuyên gia và giảng viên Viện Xúc tiến Thống kê Hàn Quốc (KSPI); đại diện Viện Thông tin Thống kê Hàn Quốc (KOSII). Lễ Khai giảng được kết nối trực tuyến tới 30 điểm cầu của 27 Cục Thống kê tỉnh, thành phố, Trường Cao đẳng Thống kê, Trường Cao đẳng Thống kê II và Viện Thống kê Khoa học Thống kê.

Phát biểu khai mạc Lễ Khai giảng, Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến cho biết: Năm 2022, Tổng cục Thống kê tiếp nhận Dự án hỗ trợ kỹ thuật "Hỗ trợ Tổng cục Thống kê cải thiện chất lượng số liệu thống kê chính thức, xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia và đào tạo cán bộ" do KOSTAT

trực tiếp tài trợ trong thời gian 4 năm. Từ đầu năm đến nay, Dự án đã triển khai được 02 Khóa đào tạo tại Hàn Quốc cho 15 học viên của Tổng cục Thống kê. Đây là Khóa đào tạo thứ 3 được tổ chức tại Việt Nam, tại phòng học 20 máy tính do Cơ quan Thống kê Hàn Quốc tài trợ cho Tổng cục Thống kê.

Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến bày tỏ kỳ vọng với sự truyền đạt của các chuyên gia, giảng viên thống kê giàu kinh nghiệm của KSPI sẽ truyền đạt những kiến thức hữu ích từ cơ bản đến chuyên sâu về lĩnh vực thống kê nông nghiệp giúp nâng cao kiến thức, tăng cường năng lực cho công chức, viên chức của Tổng cục Thống kê để từ đó vận dụng vào thực tiễn Việt Nam, cung cấp dữ liệu thống kê ngày càng kịp thời, có chất lượng cao. Qua đó, Phó Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp, tạo điều kiện tốt nhất trong quá trình tổ chức lớp đào tạo tại Việt Nam để lớp đào tạo đạt chất lượng cao. Đồng thời đề nghị các học viên không chỉ coi khóa bồi dưỡng này là sự trau dồi kiến thức một chiều, mà cần tích cực trao đổi qua lại

kiến thức, kinh nghiệm đã có trên cương vị công tác của mình để 2 nước Việt Nam, Hàn Quốc cùng trao đổi học hỏi, nâng cao hiểu biết trong lĩnh vực thống kê.

Phát biểu khai mạc Lễ Khai giảng, Tiến sĩ Hong Eun Pyo cho biết: Trong quá trình thực hiện dự án hỗ trợ năng lực cho TCTK Việt Nam thời gian qua, thành quả lớn nhất của dự án đó chính là chất lượng của Thống kê Việt Nam được nâng lên. Cơ quan Thống kê Hàn Quốc chuẩn bị khóa học thống kê lần này với mục đích góp phần nâng cao chất lượng Thống kê Việt Nam. Kết thúc khóa học, sự hợp tác của 2 cơ quan thống kê của 2 nước sẽ vẫn được duy trì và phía Hàn Quốc sẽ xây dựng thêm các dự án để tiếp nối hợp tác trong tương lai.

Tiến sĩ Hong chúc các học viên tham dự khóa học lần này sẽ thu hoạch được nhiều kiến thức, học hỏi được nhiều và chia sẻ những kiến thức đã học được cho các đồng nghiệp của mình.

Khóa học triển khai từ ngày 26/9 đến ngày 30/9/2022 với 20 học viên tham dự trực tiếp và 30 học viên tham dự trực tuyến./.

Thu Hiền



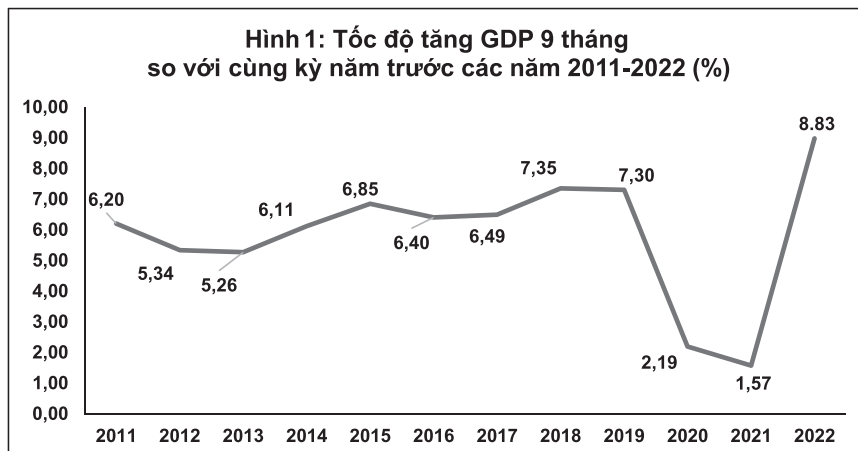
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CẢ NƯỚC QUÝ III VÀ 9 THÁNG NĂM 2022

I. TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng khá cao ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,24%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,91%; khu vực dịch vụ tăng 18,86%.

GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng, chính sách phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả. Trong mức tăng chung của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,99%, đóng góp 4,04%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,44%, đóng góp 41,79%; khu vực dịch vụ tăng 10,57%, đóng góp 54,17%.



Về cơ cấu nền kinh tế 9 tháng năm 2022, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 11,27%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,69%; khu vực dịch vụ chiếm 41,31%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 8,73%.

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản 9 tháng năm 2022 vẫn duy trì tăng trưởng ổn định mặc dù chịu ảnh hưởng bởi thời tiết diễn biến thất thường từ đầu quý II/2022 và giá vật tư đầu vào tăng cao. Sản lượng một số

cây lâu năm trọng điểm tăng so với cùng kỳ năm trước; chăn nuôi phát triển ổn định; hoạt động khai thác gỗ triển khai tích cực. Nuôi trồng thủy sản phát triển khá do nhu cầu và giá xuất khẩu các sản phẩm thủy sản trọng điểm như cá tra, tôm nuôi tăng; tuy nhiên khai thác thủy sản biển gặp nhiều khó khăn do giá nhiên liệu ở mức cao.

3. Sản xuất công nghiệp

Sản xuất công nghiệp quý III/2022 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 12,12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69%.

Giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2022 ước tính tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 7,16%; quý II tăng 9,51%; quý III tăng 12,12%). Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 61 địa phương và giảm ở 02 địa phương trên cả nước.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực 9 tháng năm 2022

tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Bia tăng 35,8%; thủy hải sản chế biến tăng 20,4%; linh kiện điện thoại tăng 17,3%; ô tô tăng 16,5%; thép thanh, thép góc tăng 15,4%; quần áo mặc thường tăng 13,2%; thuốc lá điếu tăng 11,4%; giày, dép da tăng 10,2%; sơn hóa học tăng 10,1%; bột ngọt tăng 9,6%.

Chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tháng 9/2022 tăng 2,3% so với tháng trước và tăng 8,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, chỉ số tiêu thụ toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,7% so với cùng kỳ năm 2021 (cùng kỳ năm 2021 tăng 2,8%).

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ước tính tại thời điểm 30/9/2022 tăng 7,3% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 13,4% so với cùng thời điểm năm trước (cùng thời điểm năm trước tăng 28,2%). Tỷ lệ tồn kho toàn ngành chế biến, chế tạo bình quân 9 tháng năm 2022 là 76,4% (bình quân 9 tháng năm 2021 là 81,1%).

4. Hoạt động của doanh nghiệp

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động 9 tháng năm 2022 đạt 163,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm nay là 3.908,2 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường là 112,7 nghìn doanh nghiệp, tăng 24,8% so với 9 tháng năm 2021. Theo kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo cho thấy, doanh nghiệp lạc quan về tình hình sản xuất kinh doanh trong quý IV/2022 với 82,6% doanh nghiệp

đánh giá sẽ ổn định và tốt hơn so với quý III/2022.

5. Hoạt động dịch vụ **Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng**

Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng Chín phục hồi và phát triển tích cực với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 2,9% so với tháng trước và tăng 36,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tăng 21% so với cùng kỳ năm trước, trong đó quý I tăng 5% và quý II tăng 20,1% và quý III tăng 41,7%.

Vận tải hành khách và hàng hóa

Quý III/2022, vận tải hành khách gấp 3,9 lần về vận chuyển và gấp 5,3 lần về luân chuyển so với cùng kỳ năm trước; vận tải hàng hóa tăng lần lượt là 65,5% và 63,7%. Tính chung 9 tháng năm 2022, vận chuyển hành khách tăng 40,7% và luân chuyển tăng 59,4% so với cùng kỳ năm trước; vận chuyển hàng hóa tăng 24,4% và luân chuyển tăng 31% so với cùng kỳ năm trước.

Viễn thông

Doanh thu hoạt động viễn thông quý III/2022 ước đạt 79,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,1% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,8%). Tính chung 9 tháng năm 2022, doanh thu hoạt động viễn thông ước đạt 248,5 nghìn tỷ đồng, tăng 7,1% so với cùng kỳ năm trước (nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,6%).

Khách quốc tế đến Việt Nam

Khách quốc tế đến Việt Nam tháng Chín đạt 431,9 nghìn lượt người, giảm 11,2% so với tháng trước và gấp 45,4 lần so với cùng kỳ năm trước do Việt Nam đã mở cửa du lịch, các đường bay quốc tế được khôi phục trở lại. Tính chung

9 tháng năm 2022, khách quốc tế đến nước ta đạt 1.872,9 nghìn lượt người, gấp 16,4 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 85,4% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa có dịch Covid-19.

II. ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ, KIỂM SOÁT LẠM PHÁT

1. Hoạt động ngân hàng, bảo hiểm, thị trường chứng khoán

Tăng trưởng tín dụng đạt khá, hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế 9 tháng năm 2022. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm ổn định, đảm bảo quyền lợi người tham gia bảo hiểm. Thị trường chứng khoán chịu ảnh hưởng từ thị trường chứng khoán toàn cầu khi nhiều quốc gia thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, trong đó mức vốn hóa thị trường cổ phiếu tính đến ngày 16/9/2022 giảm 17,1% so với cuối năm 2021.

Tính đến thời điểm 20/9/2022, tổng phương tiện thanh toán tăng 2,49% so với cuối năm 2021 (cùng thời điểm năm 2021 tăng 4,95%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 4,04% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 4,28%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 10,54% (cùng thời điểm năm 2021 tăng 7,17%).

Thị trường ngoại tệ duy trì ổn định, tỷ giá USD/VND diễn biến linh hoạt và trong tầm kiểm soát, phù hợp với điều kiện thị trường, cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ. Thanh khoản thị trường về cơ bản vẫn được đảm bảo. Hoạt động thanh toán trong nền kinh tế diễn ra an toàn, hiệu quả, khuôn khổ pháp lý cho hoạt động thanh toán tiếp tục được hoàn thiện, thanh toán không dùng tiền mặt được đẩy mạnh.

Thị trường bảo hiểm tiếp tục đạt mức tăng trưởng ổn định. Tổng doanh thu phí toàn thị trường bảo hiểm quý III/2022 ước tăng 18% so với cùng kỳ năm trước.

Tính đến ngày 16/9/2022, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt 6.437 nghìn tỷ đồng, giảm 17,1% so với cuối năm 2021. Trong tháng 9/2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 16.394 tỷ đồng/phiên, giảm 12% so với tháng trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị giao dịch bình quân đạt 22.743 tỷ đồng/phiên, giảm 14,5% so với bình quân năm trước.

2. Đầu tư phát triển

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng năm 2022 theo giá hiện hành ước đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng này phản ánh đà phục hồi mạnh mẽ của hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt 15,4 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ, đạt mức cao nhất 9 tháng của các năm từ 2018 đến nay.

Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý III/2022 theo giá hiện hành ước đạt 833,8 nghìn tỷ đồng, tăng 18,1% so với cùng kỳ năm trước. Ước tính 9 tháng năm 2022, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành đạt 2.130,3 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/9/2022 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 18,75 tỷ USD, giảm 15,3% so với cùng kỳ năm trước.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 9 tháng năm 2022 ước tính đạt 15,43 tỷ USD, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 9 tháng năm 2022

có 80 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 347,4 triệu USD, gấp 2,3 lần so với cùng kỳ năm trước; có 15 lượt dự án điều chỉnh vốn với số vốn điều chỉnh tăng 50,9 triệu USD, giảm 87,9%. Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 398,3 triệu USD, giảm 30,4% so với cùng kỳ năm trước.

3. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước 9 tháng năm 2022 ước tăng 22% so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách Nhà nước ước tăng 5,4% so với cùng kỳ năm 2021, đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý Nhà nước, thanh toán các khoản nợ đến hạn cũng như chi trả kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ

Xuất nhập khẩu hàng hóa

Trong tháng Chín, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 58,74 tỷ USD, giảm 11% so với tháng trước và tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 558,52 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13%. Cán cân thương mại hàng hóa 9 tháng năm 2022 ước tính xuất siêu 6,52 tỷ USD.

Xuất, nhập khẩu dịch vụ

Trong quý III/2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 3,8 tỷ USD, tăng 174,6% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 34,2% so với quý trước; kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 6,9 tỷ USD, tăng 36,7% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,4% so với quý trước.

Tính chung 9 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 8,2 tỷ USD, tăng 118,4% so với

cùng kỳ năm 2021, trong đó dịch vụ du lịch đạt 1,9 USD (chiếm 24,1% tổng kim ngạch), tăng gấp 18 lần so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ vận tải đạt 3,7 tỷ USD (chiếm 45,8%), tăng 164,1%.

5. Chỉ số giá

Chỉ số giá tiêu dùng

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2022 tăng 0,4% so với tháng trước chủ yếu do giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào và một số địa phương tăng học phí năm học mới 2022-2023. So với tháng 12/2021, CPI tháng Chín tăng 4,01% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,94%.

CPI bình quân quý III/2022 tăng 3,32% so với quý III/2021. Bình quân 9 tháng năm nay, CPI tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 1,88%.

Chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 25/9/2022, bình quân giá vàng thế giới ở mức 1.702,79 USD/ounce, giảm 4,74% so với tháng 8/2022 khi Mỹ thắt chặt chính sách tiền tệ. Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 9/2022 giảm 1,71% so với tháng trước; tăng 1,34% so với tháng 12/2021; tăng 4,06% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 6,22%.

Đồng đô la Mỹ trên thị trường thế giới tăng trong tháng 9/2022 do Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục tăng lãi suất để chống lạm phát. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 9/2022 tăng 0,53% so với tháng trước; tăng 2,87% so với tháng 12/2021 và tăng 3,45% so với cùng kỳ năm trước; bình quân 9 tháng năm 2022 tăng 0,7%.

III. ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

Lao động, việc làm

Tình hình lao động, việc làm quý III/2022 tiếp tục đà phục hồi, lực lượng lao động, số người

đang làm việc và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm giảm so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm 2022, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên là 51,6 triệu người, tăng 1,2 triệu người so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ tham gia lực lượng lao động 9 tháng năm 2022 ước đạt 68,5%, tăng 0,9 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 9 tháng năm nay, lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc là 50,5 triệu người; tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 2,35%, trong đó khu vực thành thị là 2,88%; khu vực nông thôn là 2,02%.

Tính chung 9 tháng năm 2022, thu nhập bình quân tháng của lao động làm công hưởng lương ước tính là 7,5 triệu đồng/tháng, tăng 805 nghìn đồng so với cùng kỳ năm trước.

Đời sống dân cư và bảo đảm an sinh xã hội

Theo kết quả sơ bộ từ Khảo sát mức sống dân cư trong 9 tháng năm 2022, tình hình đời sống của hộ dân cư đã ngày càng cải thiện. Tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập

trong tháng không thay đổi và tăng lên so với tháng cùng kỳ năm 2021 là 83,2%; tỷ lệ hộ đánh giá có thu nhập giảm là 16,8%.

Trong 9 tháng năm nay, có 25,4% hộ gia đình nhận được sự trợ giúp từ các nguồn hỗ trợ khác nhau. Công tác an sinh xã hội được các cấp từ Trung ương đến địa phương quan tâm thực hiện. Theo báo cáo từ địa phương, giá trị quà tặng cho các đối tượng bảo trợ theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP là 2,1 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền, quà thăm hỏi và các hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo là gần 1,5 nghìn tỷ đồng; trị giá tiền và quà cho các đối tượng ưu đãi là người có công, thân nhân người có công với cách mạng là 3,4 nghìn tỷ đồng...

Bên cạnh đó, gói hỗ trợ do ảnh hưởng dịch Covid-19 của Chính phủ tiếp tục được thực hiện. Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, tính đến ngày 22/9/2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 3.539 tỷ đồng hỗ trợ cho hơn 5 triệu người lao động tại 120.295 doanh nghiệp.

Tính chung 9 tháng năm nay, Chính phủ cấp xuất tổng số hơn 23,3 nghìn tấn gạo hỗ trợ

cho 471.343 hộ với 1.558,8 nghìn nhân khẩu.

Đến ngày 26/8/2022, có 5.842/8.225 xã (chiếm 71%) đạt chuẩn nông thôn mới (NTM); có 837 xã đạt chuẩn NTM nâng cao và 105 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu.

Giáo dục, đào tạo

Năm học 2022-2023, cả nước có 15.329 trường mầm non, bao gồm 12.071 trường công lập và 3.258 trường ngoài công lập; 25.741 trường phổ thông. Cũng trong năm học này, cả nước có 5,1 triệu trẻ em đi học mầm non; 18,1 triệu học sinh phổ thông.

Kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2021-2022, cả nước có số thí sinh tham dự thi là 989,9 nghìn thí sinh, bằng 98,7% so với số thí sinh đăng ký dự thi. Tỷ lệ tốt nghiệp trung học phổ thông năm học 2021-2022 đạt 98,62%.

Tính chung 8 tháng năm 2022, các cơ sở dạy nghề trên địa bàn cả nước đã tuyển sinh được 1.462,3 nghìn người, đạt 70,1% so với kế hoạch năm 2022. Trong đó, các trường cao đẳng và trung cấp nghề tuyển sinh được 162,3 nghìn người, đạt 31%; sơ cấp nghề và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác tuyển sinh 1.300 nghìn người, đạt 83,5%.

Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 9 tháng năm nay, thiên tai làm 134 người chết và mất tích; 86 người bị thương; 202,1 nghìn ha lúa và 44,8 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; hơn 253,2 nghìn con gia súc và gia cầm bị chết; gần 19,2 nghìn ngôi nhà bị sập đổ, cuốn trôi và bị hư hỏng. Tổng giá trị thiệt hại về tài sản do thiên tai gây ra trong 9 tháng năm 2022 ước tính gần 6.617 tỷ đồng, gấp 4,9 lần cùng kỳ năm trước.

Khái quát lại, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị thế giới biến động khó lường, không thuận lợi, nhưng tình hình kinh tế - xã hội



9 tháng năm 2022 của nước ta đã đạt được kết quả tích cực ở hầu hết các lĩnh vực. Đó là do sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt, sát sao của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và Nhân dân cả nước. Nền kinh tế đạt mức tăng 8,83%, đây là mức tăng trưởng rất ấn tượng so với các nước trong khu vực và trên thế giới; kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp. Cung cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, hoạt động mua sắm hàng hóa, tiêu dùng và xuất khẩu tăng cao. Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản có mức tăng trưởng khá cao khẳng định chuyển đổi cơ cấu ngành đã phát huy hiệu quả, bảo đảm nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu. Công nghiệp chế biến, chế tạo tiếp tục giữ vai trò động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tiến độ giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện rõ rệt, tốc độ tăng vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước đạt mức cao, an sinh xã hội được quan tâm đảm bảo.

Bên cạnh những kết quả đạt được, bước sang quý IV, kinh tế - xã hội nước ta tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, do vậy, cần tập trung một số nội dung trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục thực hiện nhất quán phương châm “Sống chung an toàn với dịch Covid-19”; đẩy mạnh triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19. Chủ động ứng phó kịp thời với các biến chủng mới của dịch Covid-19, vi rút adeno và các loại dịch bệnh theo mùa. Bảo đảm nguồn cung về thuốc, trang thiết bị, vật tư, sinh phẩm y tế phục vụ khám, chữa bệnh và phòng chống dịch. Theo dõi chặt chẽ tình hình thời tiết,

chủ động phương án phòng chống thiên tai, cảnh báo mưa lũ, sạt lở, tác động của hạn hán, xâm nhập mặn nhằm hạn chế tối đa thiệt hại tới sản xuất và cuộc sống của người dân.

Hai là, thực hiện có hiệu quả các chính sách an sinh xã hội, lao động, việc làm. Thực hiện tốt công tác trợ giúp đột xuất, bảo đảm người dân khi gặp rủi ro, thiên tai được hỗ trợ kịp thời, khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống. Nâng cao hiệu quả kết nối cung cầu lao động - việc làm, nâng cao chất lượng đào tạo nghề, từ đó cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và tăng năng suất lao động nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI.

Ba là, quyết liệt triển khai nhanh, hiệu quả nhiệm vụ, dự án đầu tư thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội năm 2022-2023, tập trung vào các lĩnh vực cấp bách và có khả năng hấp thụ tốt, dự án có tính liên vùng, chương trình hỗ trợ, trợ cấp cho người lao động; khơi thông các điểm nghẽn, nút thắt về đất đai, thủ tục hành chính, thể chế để đẩy nhanh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, tháo gỡ khó khăn cho các dự án chậm thực hiện, đặc biệt là các dự án trọng điểm, quy mô lớn, có sức lan tỏa, nâng cao năng lực sản xuất của nền kinh tế; đẩy nhanh việc hoàn thiện và triển khai quy hoạch, tăng cường liên kết vùng để tạo sự đồng bộ, không gian mới và động lực mới cho sự phát triển của các vùng kinh tế - xã hội cũng như các địa phương trong vùng.

Bốn là, chủ động điều hành linh hoạt chính sách tiền tệ kết hợp với chính sách tài khóa, vừa ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát vừa hỗ trợ doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế.

Liên tục cập nhật kịch bản dự báo về tăng trưởng, lạm phát để chủ động điều hành ứng phó với các tình huống phát sinh. Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá các mặt hàng thiết yếu nhất là mặt hàng xăng dầu, xây dựng các phương án điều tiết nguồn cung, hạn chế việc tăng giá đột biến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng đến lạm phát đến đời sống người dân.

Năm là, đẩy mạnh sản xuất trong nước, nhất là các mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào để hạn chế nhập khẩu và chủ động nguồn cung. Triển khai hiệu quả các hoạt động xúc tiến xuất khẩu, kết nối cung cầu, tháo gỡ rào cản, tạo thuận lợi cho tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản; có chính sách thắt chặt các quy định về truy xuất nguồn gốc của các mặt hàng nhập khẩu, đa dạng hóa thị trường và hàng hóa xuất khẩu.

Tập trung triển khai sản xuất nông nghiệp bảo đảm trong khung thời vụ; thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm; tăng cường công tác quản lý khai thác thủy sản, đảm bảo an toàn cho ngư dân, tàu cá hoạt động trên biển.

Sáu là, nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các ngành, các cấp; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quản lý nhà nước trên các lĩnh vực; thực hiện nghiêm quy chế làm việc, kỷ luật phát ngôn; công khai, minh bạch, tạo môi trường sản xuất kinh doanh bình đẳng. Ngăn chặn, triệt phá các thông tin xấu, sai sự thật gây hoang mang dư luận; tăng cường thông tin, tuyên truyền các hình ảnh đẹp về đất nước và con người Việt Nam./.

(Nguồn: Lược trích Báo cáo Tình hình kinh tế - xã hội quý III và 9 tháng năm 2022 của Tổng cục Thống kê)

KINH TẾ 9 THÁNG NĂM 2022

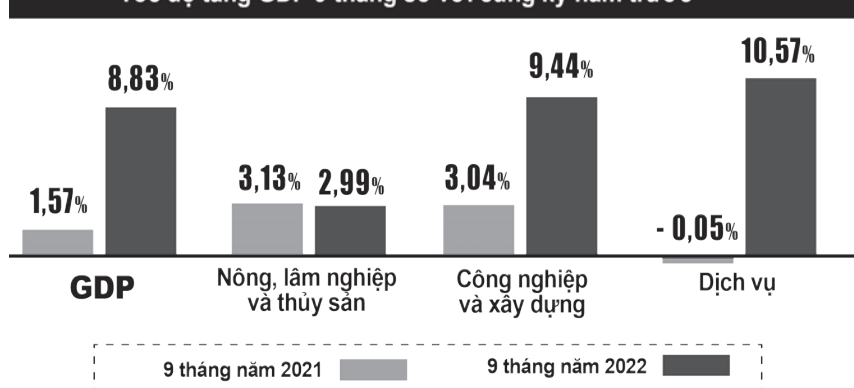
NHIỀU ĐIỂM SÁNG VÀ HY VỌNG VỀ KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG CAO NĂM 2022

Lê Trung Hiếu

Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2022 của nước ta khởi sắc ở hầu hết các lĩnh vực. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong quý III/2022 tăng trưởng cao, đặc biệt so với cùng kỳ năm trước. Nhiều ngành đã khôi phục mạnh mẽ và đạt mức tăng trưởng cao hơn trước khi dịch Covid-19 xảy ra như: Công nghiệp chế biến, chế tạo; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; xuất khẩu hàng hóa...

Tốc độ tăng GDP 9 tháng so với cùng kỳ năm trước



Điểm sáng nền kinh tế 9 tháng năm 2022

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2022 ước tính tăng cao, ở mức 13,67% so với cùng kỳ năm trước; tính chung GDP 9 tháng năm 2022 tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất của 9 tháng trong giai đoạn 2011-2022; Các

hoạt động sản xuất kinh doanh dần lấy lại đà tăng trưởng; Ổn định kinh tế vĩ mô được giữ vững, lạm phát được kiểm soát, các cân đối lớn được bảo đảm... Có thể khẳng định, đây là kết quả việc điều hành chính sách hợp lý, hiệu quả của Chính phủ trong thời gian vừa qua trong điều kiện nền kinh tế thế giới nhiều khó khăn, biến động.

Một số điểm sáng nổi bật của nền kinh tế có thể kể đến như:

Thị trường tiền tệ được đảm bảo, duy trì mặt bằng lãi suất, tỉ giá hợp lý để kiềm chế lạm phát; thu ngân sách 9 tháng ước đạt 1,3 triệu tỷ, bằng 94% dự toán, tăng 22% so cùng kỳ năm trước, tạo dư địa điều hành chính sách tài khóa, hỗ trợ chính sách tiền tệ.

Kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa tháng 9 đạt gần 559 tỷ USD, tăng 15,1% so với cùng kỳ; xuất khẩu tăng 17,3%; nhập khẩu tăng 13%; tính chung 9 tháng xuất siêu 6,52 tỷ USD.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh tiếp tục khởi sắc, nhiều ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi tốt, bảo đảm nguồn cung tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) 9 tháng tăng 9,6% so với cùng kỳ,

trong đó công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,4%.

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 52,7 điểm trong tháng Tám, tăng so với 51,2 điểm của tháng Bảy và báo hiệu sự cải thiện mạnh mẽ của sức khỏe lĩnh vực sản xuất của quý III.

Tình hình đăng ký doanh nghiệp tiếp tục tăng, phản ánh nền kinh tế đang phục hồi tích cực. Số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường 9 tháng đạt hơn 163 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước, biểu thị niềm tin mạnh mẽ của doanh nghiệp vào ổn định vĩ mô và phục hồi kinh tế nước ta.

Tiêu dùng trong nước phục hồi tốt, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng ước tăng 21% so với cùng kỳ (loại trừ yếu tố giá tăng 16,8%). Du lịch tiếp tục phục hồi tích cực, khách quốc tế 9 tháng đạt 1,9 triệu lượt (tăng cao so với năm 2000 và năm 2021 nhưng thấp hơn nhiều so với năm 2019: 9 tháng năm 2019 đạt 12,9 triệu lượt – bằng 15% so 2019).

Tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 9 tháng ước đạt 2,1 triệu tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ. Trong đó: Vốn khu vực Nhà nước ước đạt 544,9 nghìn tỷ đồng, tăng 16,1%; Vốn khu vực ngoài nhà nước đạt 1227,1 nghìn tỷ đồng, tăng 10,0% so với cùng kỳ; Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 358,3 nghìn tỷ đồng, tăng 16,3% so cùng kỳ.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9 tháng đạt 15,43 tỷ USD, tăng 16,3% so cùng kỳ, là mức vốn FDI thực hiện cao nhất của 9 tháng trong 5 năm qua.

Hy vọng về kịch bản tăng trưởng GDP cao năm 2022

Năm 2022, hoạt động kinh tế của Việt Nam diễn ra trong bối cảnh

thế giới đầy biến động: Căng thẳng địa chính trị ngày càng căng thẳng và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt; lạm phát tăng cao gây áp lực tăng giá ở hầu hết các nước, đặc biệt là giá xăng dầu và nhiên vật liệu. Trong nước, thách thức và cơ hội vẫn đan xen tác động đến nền kinh tế. Chính phủ đã ban hành các chính sách kinh tế nhằm khôi phục nền kinh tế, đối phó với diễn biến lạm phát tăng cao cũng như áp lực tăng giá. Kết quả, tăng trưởng quý III và 9 tháng đầu năm 2022 là một minh chứng cho sự phục hồi mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam trong 9 tháng qua và những triển vọng tích cực cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế 2022.

Tuy nhiên, bên cạnh cơ hội và triển vọng, những khó khăn, thách thức phải đối mặt cũng rất lớn. Đó là:

Ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn tiềm ẩn nhiều rủi ro, thách thức. Giá xăng dầu, lương thực, thép, phân bón... thế giới có dấu hiệu hạ nhiệt, nhưng khó dự báo; thiếu hụt lao động cục bộ, nhất là lao động có tay nghề trong các doanh nghiệp lớn; thiếu hụt, gián đoạn nguồn cung, chi phí sản xuất, vận tải toàn cầu gia tăng..., tạo áp lực lên lạm phát, giá cả hàng hóa trong nước. Có thể thấy rằng, những yếu tố này chưa thể giải quyết dứt điểm trong ngắn hạn, trong khi tình hình hạn hán tại Trung Quốc, EU có thể ảnh hưởng lớn đến nguồn cung lương thực, vật tư công nghiệp đầu vào trên thế giới và ảnh hưởng đến sản xuất điện tử thủy điện tại Việt Nam.

Điều hành tăng trưởng tín dụng cũng chịu sức ép lớn để kiểm soát lạm phát và nhu cầu vốn để phục hồi và mở rộng sản xuất, kinh doanh tăng cao, nhưng nhiều

doanh nghiệp vẫn gặp những khó khăn trong tiếp cận vốn vay.

Thu hút FDI gặp nhiều khó khăn, FDI đăng ký cấp mới, đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn mua cổ phần đạt 18,75 tỷ USD, giảm 15,3% so với cùng kỳ, ảnh hưởng đến tiềm năng mở rộng sản lượng của khu vực FDI, có thể tác động đến cán cân vãng lai, dự trữ ngoại hối, tỉ giá, thu hút công nghệ cao... trong trung và dài hạn.

Xuất khẩu đối mặt với thách thức không nhỏ, thị trường bị thu hẹp khi kinh tế Mỹ và nhiều nước phát triển có nguy cơ rơi vào suy thoái; số đơn hàng dệt may, gỗ, thủy sản... đi Mỹ và EU có dấu hiệu suy giảm; tồn kho gia tăng.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh còn gặp nhiều khó khăn. Thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản tiềm ẩn nhiều rủi ro. Dịch Covid-19 còn tiềm ẩn khả năng diễn biến phức tạp.

Căn cứ kết quả tăng trưởng 9 tháng năm 2022 và những khó khăn, thách thức nền kinh tế có thể gặp phải trong quý IV, Tổng cục Thống kê đã cập nhật kịch bản tăng trưởng cả năm theo 2 phương án:

Phương án 1: GDP tăng 7,5%, với phương án này, quý IV chỉ cần đạt mức tăng trưởng 4,14% (thấp nhất các quý trong năm);

Phương án 2: GDP tăng 8%, với phương án này, quý IV tăng 5,9% (cao hơn quý I (5,05%), thấp hơn quý II (7,83%) và Quý III.

Mặc dù quý IV còn có những khó khăn, tuy nhiên, do nền kinh tế đang đà phục hồi đặc biệt là các ngành dịch vụ (bán buôn, bán lẻ; lưu trú, ăn uống; vận tải kho bãi; hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ) nên nếu trong quý IV không có những biến động quá lớn thì khả năng cao nghiêng về kịch bản cả năm GDP đạt 8%./.

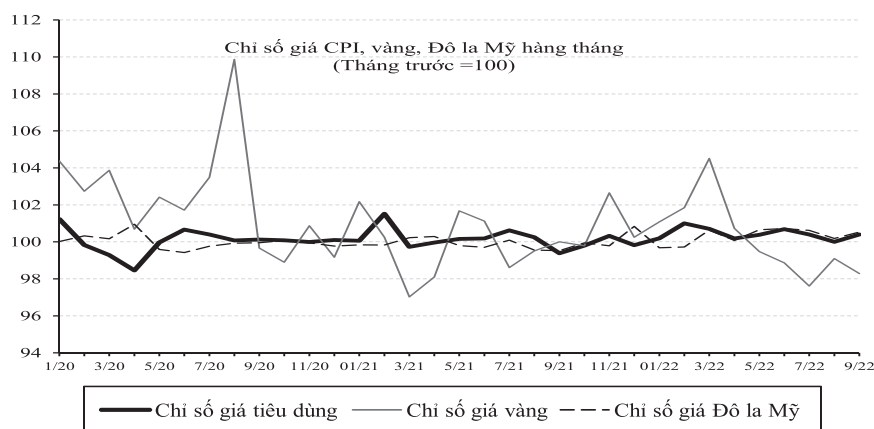


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2022 VÀ ÁP LỰC LẠM PHÁT TRONG THỜI GIAN TỚI

Nguyễn Thu Oanh

Vụ trưởng Vụ Thống kê Giá, Tổng cục Thống kê

Kể từ khi dịch Covid-19 bùng phát đến nay, thế giới đã phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, các yếu tố rủi ro, bất định gia tăng cùng với tốc độ thay đổi chính sách rất nhanh của các nền kinh tế lớn. Sang năm 2022, mặc dù tình hình dịch Covid-19 có xu hướng được kiểm soát nhưng vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, kết hợp với xung đột Nga - Ucraina và sự xuất hiện nhiều yếu tố mới đã làm tăng thêm khó khăn, thách thức như căng thẳng năng lượng, giá dầu và hàng hóa thế giới tăng cao; chuỗi cung ứng sản xuất, tiêu dùng tiếp tục bị đứt gãy sau khi đã rất trầm trọng trong thời gian dịch Covid-19 bùng phát toàn cầu; chính sách tài khóa, tiền tệ được nhiều nền kinh tế điều chỉnh theo hướng thắt chặt để kiểm chế lạm phát đã tác động tới khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế, một số nền kinh tế có dấu hiệu suy thoái; thiên tai, lũ lụt, hạn hán, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, gây nguy cơ mất an ninh lương thực, an ninh năng lượng... Tình hình lạm phát thế giới tăng cao, đặc biệt tại khu vực châu Âu. Trong tháng 8/2022, lạm phát của khu vực đồng Euro tăng lên mức cao kỷ lục 9,1% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát của Mỹ tăng 8,3%, tuy thấp hơn mức tăng 8,5% của tháng trước nhưng cao hơn kỳ vọng làm FED tiếp tục



tăng lãi suất, thắt chặt chính sách tiền tệ. Tại Châu Á, lạm phát tháng 8/2022 của Thái Lan tăng 7,9% so với cùng kỳ năm trước; Hàn Quốc tăng 5,7%; Indonesia tăng 4,7%; Nhật Bản tăng 3%; Trung Quốc tăng 2,5%. Việt Nam thuộc nhóm các nước có mức tăng lạm phát thấp so với mặt bằng chung, khi CPI tháng 9/2022 tăng 3,94% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, kinh tế phục hồi mạnh, nhu cầu sản xuất hàng hóa phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu cùng với tác động của giá hàng hóa thế giới đã đẩy giá hàng hóa và dịch vụ thiết yếu tăng lên nhưng nhìn chung mặt bằng giá cơ bản được kiểm soát. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng năm nay tăng 2,73% so với cùng kỳ năm trước. Đây là thành công lớn của Việt Nam, kiểm soát lạm phát góp phần ổn định kinh tế vĩ mô giữa bối cảnh kinh tế thế giới đang diễn biến phức tạp.

Một số yếu tố giúp kiểm chế lạm phát 9 tháng đầu năm 2022

Để chủ động ứng phó với áp lực lạm phát gia tăng, trong thời gian qua Chính phủ đã chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương ban hành kịp thời nhiều chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội. Các chính sách phù hợp cùng với sự quyết liệt, sát sao trong chỉ đạo, điều hành đã giúp giảm áp lực đáng kể lên mặt bằng giá, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của nhân dân. Một số chính sách rất hiệu quả như: Giảm thuế giá trị gia tăng với một số nhóm hàng hóa và dịch vụ từ 10% xuống 8% từ ngày 01/02/2022; giảm 50% mức thuế bảo vệ môi trường đối với nhiên liệu bay từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022; giảm mức thu 37 khoản phí, lệ phí trong 6 tháng đầu năm 2022; giảm thuế bảo vệ môi trường đối với xăng dầu;

thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động; quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động...

Các nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng có tác động lớn tới CPI được kiểm soát giá chặt chẽ. Trong năm học 2021-2022, nhiều địa phương thực hiện miễn, giảm học phí để chia sẻ khó khăn cho người dân trong đại dịch đã giúp chỉ số giá dịch vụ giáo dục 9 tháng đầu năm giảm 1,88% so với cùng kỳ năm trước, làm CPI chung giảm 0,1 điểm phần trăm. Đối với giá dịch vụ y tế, nếu thực hiện giá dịch vụ khám chữa bệnh theo đúng lộ trình thì năm 2021 phải hoàn thành việc tính đủ các loại chi phí theo quy định của pháp luật về giá. Tuy nhiên, việc điều chỉnh này đến nay chưa hoàn thành cũng góp phần kiểm chế tốc độ tăng của CPI. Thêm vào đó, EVN đã chủ động đề xuất chưa tăng giá điện trong năm nay mặc dù chi phí đầu vào của ngành này như giá xăng dầu, giá than đều đã tăng rất cao. Theo tính toán của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá nhóm điện trong CPI cứ tăng 10% sẽ tác động làm CPI tăng 0,33 điểm phần trăm.

Đồng thời, Chính phủ và các Bộ, ngành liên tục chỉ đạo các địa phương thực hiện quản lý giá trên địa bàn, nhiều doanh nghiệp tích cực tham gia chương trình bình ổn giá, bảo đảm đầy đủ các hàng hóa thiết yếu phục vụ nhu cầu của người dân, đặc biệt là mặt hàng lương thực, thực phẩm. Ngoài việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu tiêu dùng ở trong nước, xuất khẩu gạo của Việt Nam cũng đang tăng mạnh, trong quý III năm nay lượng gạo xuất khẩu đã tăng gần 27% so với cùng kỳ năm trước. Có lợi thế chủ động được về lương thực, thực phẩm

đóng vai trò quan trọng trong kiểm chế lạm phát ở Việt Nam.

Giá thịt lợn bình quân 9 tháng năm nay giảm 15,99% so với cùng kỳ năm trước cũng là yếu tố giúp kiểm chế tốc độ tăng của CPI. Tương tự như Trung Quốc, trong những năm 2018-2021, Việt Nam chịu ảnh hưởng của dịch tả lợn châu Phi, nguồn cung khan hiếm khiến giá thịt lợn tăng rất cao, sau đó giảm mạnh đã giúp giảm bớt áp lực của việc tăng giá nhóm thực phẩm. Cụ thể, bình quân 9 tháng đầu năm nhiều mặt hàng thực phẩm có chỉ số giá tăng cao như dầu ăn tăng 17,87%; trứng tăng 10,35%; rau tăng 10,4%; thủy sản tươi sống tăng 3,89%... nhưng riêng thịt lợn giảm giá đã tác động làm CPI giảm 0,54 điểm phần trăm.

Sức ép lạm phát trong thời gian tới

Kiểm soát tốt lạm phát trong 9 tháng đầu năm giúp Việt Nam có dư địa để đảm bảo thực hiện thành công mục tiêu kiểm soát lạm phát năm 2022 như Quốc hội đề ra. Tuy nhiên, hiện nay vẫn tiềm ẩn những yếu tố có khả năng tác động làm tăng CPI trong những tháng cuối năm 2022 và đặc biệt là năm 2023, cụ thể:

Giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới đang ở mức cao trong khi Việt Nam là nước nhập khẩu nhiều nguyên liệu phục vụ sản xuất nên việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí, giá thành, tạo áp lực cho sản xuất của doanh nghiệp và từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước tăng lên. Đồng thời, đô la Mỹ đang tăng giá càng làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên nhiên vật liệu, do đó sẽ càng gây sức ép lên mặt bằng giá trong nước. Bình quân 9 tháng đầu năm nay, chỉ số giá nguyên nhiên vật liệu dùng cho sản xuất tăng 6%

so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong vòng 10 năm qua; chỉ số giá nhập khẩu hàng hóa tăng 10,86%, cao nhất kể từ năm 2012 trong khi nhập khẩu tư liệu sản xuất chiếm tới 93,9% tổng kim ngạch nhập khẩu 9 tháng. Điều này cho thấy doanh nghiệp đang phải chịu sức ép rất lớn về chi phí sản xuất.

Giá xăng dầu dự báo vẫn biến động phức tạp và rất khó dự đoán, giá xăng dầu thế giới thời gian gần đây có xu hướng giảm trong ngắn hạn nhưng rủi ro tăng trở lại là khá cao do xung đột giữa Nga - Ukraine chưa chấm dứt và sự phục hồi kinh tế Trung Quốc có thể kéo nhu cầu năng lượng gia tăng.

Giá lương thực, thực phẩm, đồ uống, may mặc thường tăng theo quy luật vào các tháng cuối năm và dịp Lễ Tết. Ngoài ra, thiên tai và dịch bệnh có thể gây ảnh hưởng đến giá lương thực, thực phẩm tại một số địa phương bị ảnh hưởng, điều này cũng sẽ tác động làm tăng CPI. Trong đó, giá thịt lợn có thể tăng vào các tháng cuối năm nếu nguồn cung không được bảo đảm.

Kinh tế trong nước đang trong giai đoạn phục hồi rõ nét, cùng với các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có khả năng sẽ tiếp tục phục hồi nhanh trong các tháng cuối năm, khi đó cầu tiêu dùng hàng hóa trong dân sẽ tăng mạnh, các hoạt động dịch vụ cũng sẽ tăng cao như du lịch, vui chơi, giải trí, ăn uống ngoài gia đình, từ đó đẩy giá cả hàng hóa và dịch vụ lên cao. Việc tập trung đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công vào các tháng cuối năm có thể làm tăng giá các mặt hàng vật liệu xây dựng, qua đó tác động vào giá cả các hàng hóa khác và tạo nên áp lực lạm phát.

(Xem tiếp trang 38)

SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VẪN LÀ ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG CỦA NỀN KINH TẾ

Sản xuất công nghiệp quý III/2022 tăng trưởng khá do hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được duy trì và đang dần phục hồi, tốc độ tăng giá trị tăng thêm ước đạt 12,12% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 9 tháng năm 2022, giá trị tăng thêm ngành công nghiệp tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69%.



Sản xuất công nghiệp vẫn là động lực tăng trưởng của nền kinh tế

Thực hiện “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” theo Nghị quyết 128/NQ-CP của Chính phủ, các doanh nghiệp đã chủ động hơn về lao động và kế hoạch sản xuất kinh doanh, khắc phục khó khăn để phục hồi, mở rộng sản xuất... do vậy, sản xuất công nghiệp đã có bước phát triển với tốc độ cao, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng mức cao trong Tám tháng liên tiếp: Tháng 2 tăng 9,2%, tháng 3

tăng 9,1%, tháng 4 tăng 10,7%, tháng 5 tăng 9,5%, tháng 6 tăng 9,1%, tháng 7 tăng 9,5%, tháng 8 tăng 13,3% và ước tính tháng 9 tăng 13%. Sản xuất công nghiệp ước tháng Chín tiếp tục tăng cao, tăng 1,8% so tháng trước và tăng 13% so cùng kỳ (cùng kỳ năm trước nhiều tỉnh, thành phố phía Nam bị ảnh hưởng nặng của dịch covid-19).

Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng năm 2022 tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước. Mức tăng này cao hơn nhiều so với mức tăng 2,5% của cùng kỳ năm 2020,

mức tăng 3,9% của cùng kỳ năm 2021 và ngang bằng mức tăng 9,6% cùng kỳ năm 2019 (năm trước khi dịch Covid-19 xuất hiện). Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (ngành chiếm tới trên 73% giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp, quyết định chủ yếu đến tốc độ tăng trưởng toàn ngành công nghiệp và toàn bộ nền kinh tế), 9 tháng năm 2022 tăng 10,4% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,3%); có nhiều ngành công nghiệp trọng điểm trong ngành chế biến chế tạo tăng trưởng cao so với cùng kỳ như: Sản xuất đồ uống tăng 31,9%; sản xuất trang phục tăng 22,5%; sản xuất da, các sản phẩm có liên quan tăng 20,4%; sản xuất thuốc, hóa dược, dược liệu cùng tăng 18,3%; sản xuất máy móc thiết bị chưa phân vào đầu tăng 17,3%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 16,4%; sản xuất thiết bị điện 14,9%;... Tuy nhiên, một số ngành công nghiệp trọng điểm giảm như: Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic giảm 5,4%; sản xuất kim loại giảm 0,8%.

Theo địa phương, có 61/63 (chiếm 96,8%) tỉnh, thành phố

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/9/2022 tăng 1,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 21,8% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó: Lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 6,5%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,5% và tăng 17,4%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,4% và tăng 25,8%. Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng tăng 0,1% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 2,5% so với cùng thời điểm năm trước; ngành chế biến, chế tạo tăng 1,2% và tăng 23,5%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí không đổi và tăng 2,2%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,2% và tăng 5,5%.

trong cả nước có chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021, trong đó những tỉnh có tốc độ tăng sản xuất công nghiệp cao gồm: Bắc Giang tăng 44,2%; Cần Thơ tăng 30,9%; Quảng Nam tăng 30,3%; Vĩnh Long 28,9%; Đắk Lắk tăng 28,3%; Kiên Giang tăng 25,6%; Khánh Hòa tăng 25,4%;... Đặc biệt, TP. Hồ Chí Minh trung tâm công nghiệp cả nước đã có mức tăng 19,6% (cùng kỳ năm trước TP. HCM là tâm dịch Covid-19

giảm sâu). Có 2 tỉnh tăng trưởng âm: Trà Vinh -25,5% (chủ yếu do ngành sản xuất điện giảm 39,2%) và Hà Tĩnh -15,6% (chủ yếu do ngành sản xuất điện giảm 35,3%).

Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 9 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước các năm 2018-2022 của một số ngành công nghiệp trọng điểm

	2018	2019	2020	2021	2022
Sản xuất đồ uống	8,2	11,0	-6,2	-3,8	31,9
Sản xuất trang phục	10,9	8,4	-5,5	4,5	22,5
Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	10,5	8,9	-4,1	4,8	20,4
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	25,2	-2,8	32,2	-20,6	18,3
Sản xuất máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	2,4	12,4	-2,3	4,1	17,3
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	2,5	9,8	-5,6	3,2	16,4
Sản xuất thiết bị điện	7,5	10,4	0,4	-0,4	14,9
Sản xuất phương tiện vận tải khác	5,7	-5,8	-9,3	-2,7	11,4
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	5,2	4,0	7,4	-3,2	11,4
Sản xuất kim loại	19,7	36,7	4,6	27,5	-0,8
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	3,4	15,0	3,9	-1,8	-5,4

Chung lại, giá trị tăng thêm toàn ngành công nghiệp 9 tháng năm 2022 ước tính tăng 9,63% so với cùng kỳ năm trước (quý I tăng 7,16%; quý II tăng 9,51%; quý III tăng 12,12%). Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,69% (quý I tăng 7,85%; quý II tăng 11,07%; quý III tăng 13,02%), đóng góp 2,74 điểm phần trăm vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,71%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 7,03%, đóng góp 0,04 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 4,42%, đóng góp 0,15 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động tăng cao

Tính chung 9 tháng năm 2022, cả nước có 112,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký là 1.272,3 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 758,1 nghìn lao động, tăng 31,9% về số doanh nghiệp, tăng 6,4% về vốn đăng ký và tăng 16,8% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 9 tháng đạt 11,3 tỷ đồng, giảm 19,4% so với cùng kỳ năm trước. Nếu tính cả 2.635,9 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 38,7 nghìn lượt doanh nghiệp thay đổi

tăng vốn thì tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 9 tháng năm nay là 3.908,2 nghìn tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 50,5 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 56,1% so với 9 tháng năm 2021, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 9 tháng lên 163,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,6% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 18,1 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Theo khu vực kinh tế, 9 tháng năm nay có 1.543 doanh nghiệp thành lập mới thuộc khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, tăng 5,3% so với cùng kỳ năm trước; 27,9 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực công nghiệp và xây dựng, tăng 20,8%; 83,3 nghìn doanh nghiệp thuộc khu vực dịch vụ, tăng 36,8%.

Tính chung 9 tháng, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 62,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,7% so với cùng kỳ năm trước; 36,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 12,1%; 13,8 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 8%. Bình quân một tháng có 12,5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể 9 tháng năm 2022 phân theo một số lĩnh vực hoạt động

	Số lượng doanh nghiệp (Doanh nghiệp)		Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm trước (%)	
	Thành lập mới	Giải thể	Thành lập mới	Giải thể
Bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy	39.765	4.842	37,5	3,0
Công nghiệp chế biến chế tạo	14.391	1.635	30,5	11,0
Xây dựng	12.136	1.273	13,9	7,4
Kinh doanh bất động sản	7.124	870	31,9	36,8
Vận tải kho bãi	5.500	512	30,4	-10,3
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	4.840	668	67,4	-8,2
Sản xuất phân phối, điện, nước, gas	817	345	-15,0	27,8

Doanh nghiệp đánh giá xu hướng kinh doanh tốt lên trong quý IV

Kết quả điều tra xu hướng kinh doanh của các doanh nghiệp ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong quý III/2022 cho thấy: Có 38,6% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn so với quý II/2022; 36,0% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 25,4% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn¹. Dự kiến quý IV/2022, có 48,7% số doanh nghiệp đánh giá xu hướng sẽ tốt lên so với quý III/2022; 33,9% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh sẽ ổn định và 17,4% số doanh nghiệp dự báo khó khăn hơn. Trong đó,

khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước lạc quan nhất với 83,6% số doanh nghiệp dự báo tình hình sản xuất kinh doanh quý IV/2022 tốt hơn và giữ ổn định so với quý III/2022; tỷ lệ này ở khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp Nhà nước lần lượt là 80,9% và 79,1%.

Về khối lượng sản xuất, có 39,1% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất của doanh nghiệp quý III/2022 tăng so với quý II/2022; 35,3% số doanh nghiệp cho rằng ổn định và 25,6% số doanh nghiệp đánh giá khối lượng sản xuất giảm. Xu hướng quý IV/2022 so với quý III/2022, có 46,8% số doanh nghiệp dự báo khối lượng sản xuất tăng; 36,2% số doanh nghiệp dự báo ổn định và 17% số doanh nghiệp dự báo giảm.

Về đơn đặt hàng, có 35% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng quý III/2022 cao hơn quý II/2022; 39% số doanh nghiệp có số đơn đặt hàng ổn định và 26% số doanh nghiệp có đơn đặt hàng giảm. Xu hướng quý IV/2022 so với quý III/2022, có 44,5% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng tăng lên; 38% số doanh nghiệp dự kiến có đơn hàng ổn định và 17,5% số doanh nghiệp dự kiến đơn hàng giảm.

Về đơn đặt hàng xuất khẩu, quý III/2022 so với quý II/2022, có 26,9% số doanh nghiệp khẳng định số đơn hàng xuất khẩu mới cao hơn; 45,1% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu mới ổn định và 28% số doanh nghiệp có đơn hàng xuất khẩu mới giảm. Xu hướng quý IV/2022 so với quý III/2022, có 37,1% số doanh nghiệp dự kiến tăng đơn hàng xuất khẩu mới; 44,9% số doanh nghiệp dự kiến ổn định và 18% số doanh nghiệp dự kiến giảm./.

(Nguồn: Vụ Thống kê Công nghiệp – Xây dựng – TCTK)

¹ Chỉ số tương ứng của quý II/2022: Có 42,1% số doanh nghiệp đánh giá tốt hơn quý trước; 36,3% số doanh nghiệp cho rằng tình hình sản xuất kinh doanh ổn định và 21,6% số doanh nghiệp đánh giá gặp khó khăn.



NHÌN LẠI 45 NĂM MỐI QUAN HỆ HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM - LIÊN HỢP QUỐC

Bích Ngọc

Ngày 20/9/1977, tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 32 Đại hội đồng Liên hợp quốc tại New York (Mỹ), Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của Liên hợp quốc. Trải qua 45 năm quan hệ hợp tác, Việt Nam đã trở thành đối tác tin cậy, vững chắc, là thành viên tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện các sứ mệnh của Liên hợp quốc.

Liên hợp quốc (LHQ) là tổ chức đa phương lớn nhất thế giới với sứ mệnh duy trì hòa bình và an ninh quốc tế, thúc đẩy hợp tác hữu nghị và phát triển của các quốc gia trên thế giới. Ngày 20/9/1977, tại phiên khai mạc kỳ họp thứ 32 Đại hội đồng Liên hợp quốc tại New York (Mỹ), lễ thượng cờ Việt Nam được chính thức tổ chức tại trụ sở Liên hợp quốc, ghi dấu ấn Việt Nam trở thành thành viên thứ 149 của tổ chức lớn nhất hành tinh.

Nhìn lại chặng đường 45 năm qua, mối quan hệ giữa Việt Nam và LHQ đã chứng kiến nhiều dấu mốc quan trọng. Ngay sau khi tham gia LHQ, Việt Nam đã tranh thủ được sự đồng tình và ủng hộ của các nước thành viên để Đại hội đồng LHQ khóa 32 (1977) thông qua Nghị quyết 32/2 kêu gọi



các nước, các tổ chức quốc tế như Chương trình Phát triển LHQ (UNDP), Chương trình Lương thực thế giới (WFP), Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF), Quỹ Dân số LHQ (UNFPA), Cao Ủy LHQ về Người tị nạn (UNHCR)

và Tổ chức Y tế thế giới (WHO)... viện trợ, giúp đỡ Việt Nam tái thiết sau chiến tranh, tập trung vào các hạng mục phát triển xã hội, các lĩnh vực giáo dục, y tế, chăm sóc, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, dân số

và kế hoạch hóa gia đình. Bên cạnh đó, Việt Nam đã tranh thủ sự giúp đỡ về nguồn vốn, chất xám, kỹ thuật của LHQ để nâng cao trình độ công nghệ và thúc đẩy tiến bộ về khoa học - kỹ thuật, phục hồi và xây dựng mới một số cơ sở sản xuất, tăng cường năng lực phát triển trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội đất nước.

Từ năm 1986, thực hiện đường lối đổi mới với nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tiến hành đổi mới chính sách kinh tế, chính sách xã hội, quan hệ hợp tác giữa Việt Nam và Liên hợp quốc phát triển mạnh mẽ, sâu rộng hơn. Việt Nam tiếp tục nhận được sự hỗ trợ tài chính và kỹ thuật từ các tổ chức phát triển trong việc xây dựng chính sách phát triển, nâng cao năng lực quản lý của các cơ quan và trình độ cán bộ trong quá trình thực hiện đường lối đổi mới; nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, phát triển nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật và giải quyết các vấn đề xã hội như phòng chống HIV/AIDS và các bệnh hiểm nghèo, thực hiện quyền bình đẳng nam nữ, xóa đói giảm nghèo... Các chương trình, dự án của Liên hợp quốc đã đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế của Việt Nam, nhất là phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, giáo dục, y tế, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường, chia sẻ kinh nghiệm phát triển trong nhiều lĩnh vực, giới thiệu Việt Nam những kinh nghiệm chuyên môn đảm bảo hướng tới một nền kinh tế tăng trưởng xanh, bền vững, cân bằng giữa phát triển kinh tế và phát triển xã hội...

Phát huy tinh thần tự lực, tự cường đi đôi với sử dụng hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu phát triển quan trọng.

Là một thành viên LHQ, Việt Nam đã đạt và vượt trước thời hạn 5/8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG). Triển khai sáng kiến "Thống nhất hành động", Việt Nam và LHQ đã tích cực phối hợp triển khai Kế hoạch chung của LHQ giai đoạn 2012-2016, ưu tiên 3 lĩnh vực trọng tâm chính là chất lượng tăng trưởng, bảo trợ xã hội và tiếp cận các dịch vụ xã hội; tăng cường tiếng nói và nâng cao quản trị công. Cụ thể hóa Sáng kiến, Ngôi nhà Xanh chung LHQ thân thiện với môi trường đầu tiên đã được xây dựng tại Hà Nội, khánh thành năm 2015. Việc triển khai sáng kiến "Thống nhất hành động" đã đóng góp vào việc nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường gắn kết hệ thống của các tổ chức LHQ tại Việt Nam. Bên cạnh đó, trong khuôn khổ sáng kiến "Một Liên hợp quốc" được ký vào tháng 7/2017, Việt Nam đã cùng LHQ tích cực triển khai Kế hoạch Chiến lược chung giai đoạn 2017-2021, tập trung vào mục tiêu hỗ trợ Chính phủ Việt Nam thực hiện Kế hoạch Phát triển Kinh tế-Xã hội giai đoạn 2016-2020 và các Mục tiêu Phát triển bền vững (SDGs).

Thông qua phối hợp với Văn phòng Điều Phối viên, các quỹ, chương trình LHQ, hiện Việt Nam đã thông qua các Chương trình quốc gia hợp tác giữa Việt Nam và Chương trình Phát triển LHQ (UNDP), Quỹ Dân số LHQ (UNFPA), Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF) giai đoạn 2022-2026 và Khung hợp tác phát triển bền vững Việt Nam - LHQ giai đoạn 2022-2026, nhằm thực hiện Kế hoạch Phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025 và các Mục tiêu SDGs, ưu tiên vào bốn lĩnh vực: Phát triển xã hội bao trùm; Chống chịu với biến đổi khí hậu, thiên tai và bền vững môi trường; Chia sẻ thịnh vượng

thông qua chuyển đổi nền kinh tế; Quản trị và tiếp cận công lý. Việt Nam cũng đang nỗ lực hoàn thành Chương trình nghị sự 2030 về phát triển bền vững của LHQ, thể hiện qua việc cam kết đạt phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050 tại Hội nghị lần thứ 26 về biến đổi khí hậu (COP26), tham gia Cam kết toàn cầu giảm phát thải mê-tan, Tuyên bố Glasgow các nhà lãnh đạo về rừng và sử dụng đất, Tuyên bố chuyển đổi từ điện than sang điện sạch và Liên minh Hành động Thích ứng toàn cầu.

Vào thời điểm phải đối mặt với những khó khăn của đại dịch Covid-19, Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ to lớn về vaccine và thiết bị y tế của LHQ, trực tiếp thông qua Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Chương trình COVAX, góp phần quan trọng kiểm soát hiệu quả, thích ứng an toàn, tiến tới đẩy lùi đại dịch Covid-19. Tính đến nay, Việt Nam đã tiếp nhận viện trợ hơn 61,7 triệu liều vắc-xin thông qua Chương trình COVAX (vượt con số cam kết ban đầu của COVAX là 38,9 triệu liều) và vật tư y tế trị giá 45 triệu USD từ các tổ chức LHQ. Các tổ chức LHQ tại Việt Nam, đặc biệt là Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã và đang hỗ trợ Việt Nam trên 5 lĩnh vực gồm: Chuẩn bị khẩn cấp y tế cộng đồng; Giám sát, đánh giá rủi ro, điều tra và phản ứng với dịch bệnh; Phòng thí nghiệm; Kiểm soát phòng ngừa lây nhiễm và quản lý lâm sàng; Truyền thông rủi ro. Tháng 2/2022, Tổng Giám đốc WHO tuyên bố Việt Nam là một trong những nước đang phát triển được nhận chuyển giao công nghệ sản xuất vắc-xin mRNA. Ngược lại, Việt Nam cũng đã phối hợp tốt với LHQ trong công cuộc chống đại dịch Covid-19, trong đó Việt Nam đã đề xuất Nghị quyết về việc lấy ngày 27/12 hàng năm

là ngày Quốc tế phòng chống dịch bệnh và đã được Đại hội đồng LHQ thông qua với 112 quốc gia đồng thuận. Việt Nam cũng đã đóng góp 50.000 USD cho Quỹ ứng phó Covid-19 của LHQ và 1 triệu USD cho COVAX...

Là quốc gia trân trọng giá trị của hòa bình, Việt Nam luôn đề cao luật pháp quốc tế và các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc, nỗ lực thúc đẩy việc tìm kiếm giải pháp lâu dài, toàn diện cho các xung đột; củng cố vai trò trung tâm của LHQ trong hệ thống quản trị toàn cầu, cùng phấn đấu vì hòa bình bền vững, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác phát triển và tiến bộ xã hội. Tại LHQ, đặc biệt là trong các nhiệm kỳ Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an (2008-2009 và 2020-2021), Việt Nam đã đề xuất nhiều sáng kiến, giải pháp cho các vấn đề toàn cầu như sáng kiến Ngày quốc tế phòng, chống dịch bệnh 27/12, thành lập Nhóm bạn bè của Công ước Luật biển, giải quyết hậu quả bom mìn, bảo vệ cơ sở hạ tầng thiết yếu trong xung đột, thúc đẩy hợp tác giữa Liên hợp quốc và ASEAN trong duy trì hòa bình và an ninh khu vực,... Đến nay, Việt Nam đã cử 512 lượt sĩ quan quân đội và 4 lượt sĩ quan công an tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình Liên hợp quốc tại châu Phi và tại trụ sở Liên hợp quốc. Thông qua đó, Việt Nam khẳng định trách nhiệm của mình đối với an ninh quốc tế và thực hiện nhiệm vụ “sứ giả của hòa bình, hữu nghị”.

Trong lĩnh vực quyền con người, Việt Nam đề cao đối thoại và hợp tác, thúc đẩy tinh thần nhân văn, nhân ái, đặt con người vào trung tâm của phát triển, chia sẻ thành tựu, kinh nghiệm về bảo vệ các quyền cơ bản của con người, bảo đảm công bằng và tiến bộ xã

hội. Việt Nam đã hoàn thành tốt vai trò thành viên Hội đồng Nhân quyền (nhiệm kỳ 2014-2016) và đang ứng cử nhiệm kỳ 2023-2025 để tiếp tục đóng góp vào thúc đẩy quyền con người trên thế giới.

Với thành tựu của công cuộc đổi mới và những đóng góp tích cực vào nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế, vai trò của Việt Nam đã được khẳng định và thể hiện ngày một rõ hơn. Việt Nam đã được tín nhiệm bầu vào nhiều tổ chức quan trọng của Liên hợp quốc như Hội đồng Bảo an (nhiệm kỳ 2008-2009, 2020-2021), Hội đồng Kinh tế - Xã hội - ECOSOC (1998-2000, 2016-2018), Hội đồng Nhân quyền (2014-2016), Ủy ban Luật pháp Quốc tế - ILC (2017-2021, 2023-2027), Hội đồng Chấp hành Chương trình Phát triển Liên hợp quốc - UNDP và Quỹ Dân số Liên hợp quốc - UNFPA (2000-2002), Hội đồng Chấp hành Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc - UNESCO (1978-1983, 2001-2005, 2009-2013, 2015-2019, 2021-2025),... Gần đây nhất, Việt Nam là thành viên sáng lập Nhóm bạn bè Công ước luật biển, Ngày Quốc tế sẵn sàng phòng chống dịch bệnh và năm nay là vai trò Phó Chủ tịch Đại hội đồng LHQ với nhiều thách thức ở phía trước. Hiện Việt Nam còn đang đẩy mạnh vận động ứng cử làm thành viên Hội đồng Nhân quyền LHQ nhiệm kỳ 2023-2025, một số cơ chế của LHQ như Ủy ban Ranh giới thềm lục địa (CLCS) nhiệm kỳ 2023-2028, Ủy ban pháp lý và kỹ thuật của Cơ quan quyền lực đáy đại dương (LTC) nhiệm kỳ 2023-2027. Với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp thực chất vào công việc chung của LHQ, Việt Nam đã thực sự thể hiện rõ tâm thế, bản sắc và bản lĩnh của ngoại giao của mình, lan tỏa mạnh mẽ thông điệp

về một quốc gia độc lập, tự chủ, đổi mới, yêu chuộng hòa bình, tôn trọng luật pháp quốc tế, tin cậy, chân thành và có trách nhiệm với cộng đồng quốc tế.

Có thể thấy, 45 năm là minh chứng cho mối quan hệ hợp tác thực chất, bền chặt giữa Việt Nam và LHQ, góp phần quan trọng tăng cường vai trò, tiếng nói và “dấu ấn” đóng góp của Việt Nam tại LHQ, đồng thời củng cố môi trường hòa bình, ổn định, thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài cho phát triển đất nước và nâng cao vị thế, hình ảnh và uy tín Việt Nam trên trường quốc tế. Với những đóng góp trên, Việt Nam được đánh giá luôn là một đối tác tin cậy, là thành viên tích cực và có nhiều đóng góp quan trọng vào thực hiện các sứ mệnh của LHQ, là cầu nối và là một ví dụ điển hình để nhiều quốc gia có thể soi chiếu.

Thực hiện chủ trương tại Đại hội XIII của Đảng, Việt Nam tiếp tục coi trọng và tăng cường hợp tác với LHQ; kiên định độc lập, tự chủ, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở Hiến chương LHQ và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi; nỗ lực phát huy vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải trong các vấn đề quốc tế trong điều kiện cho phép; tiếp tục thúc đẩy hợp tác đa phương, hợp tác giữa Liên hợp quốc và các tổ chức khu vực, trong đó có ASEAN, để cùng tìm giải pháp lâu dài cho xử lý các thách thức an ninh và phát triển trên thế giới.

Với sự chủ động, tích cực của mình, chắc chắn rằng Việt Nam sẽ tiếp tục có nhiều đóng góp hiệu quả tại các diễn đàn, hoạt động của LHQ và làm sâu sắc hơn mối quan hệ đối tác ngày càng phát triển giữa LHQ và Việt Nam./.



Tăng tốc chuyển đổi số quốc gia

Nguyễn Trang

Tăng tốc chuyển đổi số quốc gia

Năm 2022 là năm thúc đẩy mạnh mẽ CĐS ở mọi ngành trên phạm vi toàn quốc, toàn dân và toàn diện. Chính phủ Việt Nam coi hạ tầng số, hạ tầng dữ liệu, các nền tảng số quốc gia là yếu tố then chốt và đang nỗ lực tăng tốc lộ trình CĐS quốc gia. Tại phiên họp thứ 3 của Ủy ban Quốc gia về CĐS vừa diễn ra cho thấy, hầu hết các bộ, ngành, địa phương đã ban hành nghị quyết của cấp ủy, kế hoạch của chính quyền 5 năm và hằng năm về CĐS. Ban Chỉ đạo CĐS của toàn bộ 22/22 bộ, ngành và 63/63 địa phương được thành lập và đi vào hoạt động.

Công tác hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách nhằm tạo môi trường pháp lý cho CĐS cũng được đẩy mạnh. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 8 văn bản quan trọng về CĐS (6 Quyết định, 1 Chỉ thị, 1 Nghị định).

Hạ tầng công nghệ thông tin, các nền tảng số tiếp tục được phát triển từ trung ương đến địa phương, đáp ứng ngày càng tốt nhu cầu CĐS. Tốc độ truy cập mạng băng rộng cố định đã tăng 32,7%, mạng di động tăng 4,7% so với cùng kỳ. Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước kết nối 4 cấp hành chính tiếp tục được phát triển,

Đại dịch Covid-19 xảy ra trên toàn cầu, trong đó có Việt Nam đã tạo ra cú hích giúp Việt Nam có những bước tiến thần tốc trong chuyển đổi số (CĐS). Theo các chuyên gia, nếu năm 2021 Việt Nam thực hiện CĐS mạnh mẽ thì năm 2022 và cả giai đoạn tiếp theo được nhận định là thời điểm để tăng tốc. Đến nay, CĐS quốc gia đã đạt được kết quả ở cả 3 trụ cột là chính phủ số, kinh tế số và xã hội số với nhiều mục tiêu của 10 - 20 năm đã có thể thực hiện được trong 1 năm, thậm chí nhanh hơn.

đã kết nối đến 100% huyện, hơn 97% xã trên toàn quốc.

Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được đẩy mạnh triển khai, kết nối, chia sẻ dữ liệu phục vụ cung cấp dịch vụ công trực tuyến và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp (DN). Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đã kết nối liên thông với 11 bộ, ngành; 4 DN Nhà nước và 14 địa phương tiếp tục làm giàu dữ liệu dân cư "đúng, đủ, sạch, sống". Bước đầu đưa vào thí điểm triển khai một số ứng dụng của thẻ căn cước. Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm quản lý thông tin

của 27 triệu hộ gia đình tham gia bảo hiểm y tế, bao gồm thông tin của 98 triệu người dân.

Bên cạnh đó, dịch vụ công trực tuyến được triển khai ngày càng hiệu quả, sâu rộng. Cổng Dịch vụ công quốc gia đã cung cấp 3.699 dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; hơn 2,1 triệu tài khoản đăng ký, tăng hơn 2,8 lần so với cùng kỳ; hơn 122,7 triệu hồ sơ đồng bộ trạng thái, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ; hơn 4,1 triệu hồ sơ trực tuyến thực hiện từ Cổng Dịch vụ công quốc gia, tăng hơn 3 lần so với cùng kỳ.

Hoạt động CĐS trong DN diễn ra mạnh mẽ trong những năm gần đây. Các DN đã chủ động tìm hướng đi mới, áp dụng CĐS trong vận hành để có thể duy trì tối đa hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mô hình nền kinh tế số được DN chú trọng trong định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Đặc biệt, quá trình CĐS của các DN công nghệ số Việt Nam đã khẳng định vai trò tiên phong trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, làm chủ công nghệ, đóng góp quan trọng vào quá trình phát triển nền kinh tế số. Đến nay, Việt Nam đã có nhiều DN công nghệ lớn như: Viettel, VNPT, FPT, CMC BKAV, MISA... và các DN công nghệ mới nổi, phát triển từ hoạt động khởi nghiệp, đổi mới

sáng tạo như: Momo, 1Office, Base.vn, Anvui... Ngoài ra, nhiều DN cũng đang tiếp tục nghiên cứu, phát triển ra các sản phẩm, nền tảng công nghệ phục vụ CDS quốc gia.

Quá trình CDS giúp Việt Nam tạo ra nhiều ngành nghề kinh doanh mới và tạo ra việc làm cho hàng chục nghìn lao động. Nguồn nhân lực cho CDS cũng đang được chú trọng phát triển, đa dạng hình thức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong đó có thể kể đến sự hợp tác mới đây giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Tập đoàn Google đã ra mắt chương trình phát triển nhân tài số (Google Career Certificates) và hỗ trợ DN khởi nghiệp (Google for Startups). Thông qua hai chương trình này giúp Việt Nam thu hẹp khoảng cách kỹ thuật số, cung cấp nhiều hơn các cơ hội học tập và phát triển cho những nhân tài và DN khởi nghiệp tại Việt Nam.

Có thể nói, CDS đang đi đúng hướng và đi nhanh, quyết liệt đưa công nghệ vào triển khai các mặt của đời sống kinh tế xã hội giúp thúc đẩy CDS quốc gia, tỷ trọng kinh tế số trong GDP gia tăng. Nếu năm 2021, tỷ trọng kinh tế số trong GDP đạt khoảng 9,6% thì đến quý I/2022, tỷ trọng kinh tế số trong GDP tăng lên 10,2% và đến quý II/2022, con số này là 10,41%. Năm 2022, mục tiêu đặt ra, kinh tế số trong GDP sẽ chiếm 11,2%. Theo Chiến lược quốc gia về phát triển kinh tế số và xã hội số vừa được Thủ tướng Chính phủ ban hành, mục tiêu kinh tế số sẽ chiếm 20% GDP vào năm 2025 và 30% GDP vào năm 2030.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được CDS thời gian qua còn một số khó khăn, vướng mắc như: Số lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin, CDS còn rất hạn chế, chưa đáp ứng nhu cầu CDS;

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa hiệu quả, chưa hình thành một hệ thống liên thông, thông suốt. Hạ tầng công nghệ thông tin của nhiều bộ, ngành, địa phương đã đầu tư từ lâu, thiếu đồng bộ, chưa được nâng cấp, không bảo đảm việc kết nối, chia sẻ dữ liệu; Tỷ lệ xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng chưa cao; thiếu cơ chế giám sát triển khai CDS.

Để tiếp tục thực hiện CDS đi đúng hướng, đi nhanh đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong thời kỳ mới, ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 749/QĐ-TTg về Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tầm nhìn của Việt Nam là trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chương trình hướng tới mục tiêu kép vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các DN công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu. Chương trình đặt ra mục tiêu đến năm 2025: Việt Nam thuộc nhóm 70 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI); kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI); Việt Nam thuộc nhóm 35 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII);

hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%; Việt Nam thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI). Đến năm 2030, 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% hồ sơ công việc tại cấp bộ, tỉnh; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); Hình thành nền tảng dữ liệu cho các ngành kinh tế trọng điểm dựa trên dữ liệu của các cơ quan Nhà nước và hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), kết nối, chia sẻ rộng khắp giữa các cơ quan nhà nước, giảm 30% thủ tục hành chính; mở dữ liệu cho các tổ chức, DN, tăng 30% dịch vụ sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, DN; 70% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý; Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về Chính phủ điện tử (EGDI); kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 8%; Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về công nghệ thông tin (IDI); Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về chỉ số cạnh tranh (GCI); Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về đổi mới sáng tạo (GII); phổ cập dịch vụ mạng Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ mạng di động 5G; tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 80%; Việt Nam

thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu về an toàn, an ninh mạng (GCI).

Nhiệm vụ và giải pháp chuyển đổi số quốc gia thời gian tới

Để thực hiện mục tiêu chương trình CĐS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 thời gian tới cần tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số như:

Một là, tổ chức phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, người dân và DN về sự cần thiết và tính cấp thiết của CĐS. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về CĐS với nghị quyết, chiến lược, chương trình hành động, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của các cấp, các ngành. Phát huy vai trò liên kết CĐS giữa các cơ quan Nhà nước và các tổ chức, DN; giữa hội, hiệp hội ngành nghề công nghệ thông tin với hội, hiệp hội chuyên ngành trong các lĩnh vực khác để tạo hiệu ứng lan tỏa ra xã hội.

Hai là, kiến tạo thể chế theo hướng khuyến khích, sẵn sàng chấp nhận sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số, thúc đẩy phương thức quản lý mới đối với những mối quan hệ mới phát sinh, bao gồm: Xây dựng khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh số ở Việt Nam; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình CĐS, khuyến khích đổi mới, sáng tạo; nghiên cứu chính sách, quy định cụ thể về thuế, phí để khuyến khích người dân, DN sử dụng, cung cấp các dịch vụ số.

Ba là, phát triển hạ tầng số, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu bùng nổ về kết nối và xử lý dữ liệu, các chức năng về giám sát mạng lưới đến từng nút mạng và bảo đảm an toàn, an ninh mạng được tích hợp sẵn ngay từ khi thiết kế, xây dựng bao gồm: Xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn quốc; quy hoạch lại băng tần, phát triển hạ tầng mạng di động 5G; sớm thương mại hóa mạng di động 5G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh tại Việt Nam; mở rộng kết nối Internet trong nước, khu vực và quốc tế, đặc biệt là phát triển các tuyến cáp quang biển, đưa Việt Nam trở thành một trong những trung tâm kết nối khu vực. Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT).

Bốn là, phát triển nền tảng số mang tính thúc đẩy nhanh tiến trình CĐS diễn ra một cách tự nhiên, khai mở giá trị mới, mang lại lợi ích rõ ràng cho xã hội. Nền tảng số được tích hợp sẵn các chức năng về bảo đảm an toàn, an ninh mạng ngay từ khi thiết kế, xây dựng như: Xây dựng hệ thống định danh và xác thực điện tử quốc gia; xây dựng hệ thống thanh toán điện tử cho phép DN viễn thông cung cấp dịch vụ thanh toán điện tử không thông qua tài khoản ngân hàng (Mobile Money) đối với người dân để phổ cập, cung cấp khả năng tiếp cận dịch vụ thanh toán điện tử một cách rộng rãi tới tất cả người dân; xây dựng và làm chủ công nghệ điện toán đám mây (Cloud).

Năm là, tạo lập niềm tin vào tiến trình CĐS, hoạt động trên môi trường số thông qua việc hình thành văn hóa số, bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản và bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân bao gồm: Nghiên cứu,

tham khảo kinh nghiệm quốc tế trong việc xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, tạo lập niềm tin trong môi trường số, hình thành văn hóa số gắn liền với bảo vệ các giá trị đạo đức căn bản của nhân loại và văn hóa truyền thống của Việt Nam; xây dựng cơ chế hợp tác, đối thoại để giải quyết các vấn đề phát sinh; xây dựng và triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý, gỡ bỏ; xây dựng và triển khai hệ thống đánh giá tín nhiệm số đối với hệ thống thông tin của các tổ chức, DN cung cấp dịch vụ trực tuyến để đánh giá và công bố công khai mức độ an toàn, tin cậy; xây dựng và triển khai hệ thống giám sát, cảnh báo sớm nguy cơ, điều phối ứng cứu sự cố mất an toàn, an ninh mạng cho các cơ quan, tổ chức tại Việt Nam.

Sáu là, hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số. Thu hút nhân tài, hợp tác với các tổ chức, DN lớn trên thế giới để nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo, bao gồm: Xây dựng chương trình hành động cụ thể để nghiên cứu, chuyển giao, triển khai các công nghệ mới ở Việt Nam; nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho DN công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới để tiên phong thử nghiệm công nghệ mới nhất, mô hình mới nhất trên thế giới; Lựa chọn ưu tiên nghiên cứu một số công nghệ cốt lõi mà Việt Nam có khả năng tạo bứt phá mạnh mẽ như: Trí tuệ nhân tạo (AI), chuỗi khối (blockchain) và thực tế ảo/ thực tế tăng cường (VR/AR); xây dựng hệ thống điện toán có năng lực đủ mạnh để xử lý, phân tích dữ liệu; Chủ động hợp tác quốc tế trong việc tham gia quản lý các tài nguyên chung trong môi trường số và trên không gian mạng./.



Ngọc Linh

Cơ sở hạ tầng chưa đáp ứng nhu cầu phát triển

Năm 2022, mặc dù chưa thể đạt được những con số như các năm trước năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19, nhưng ngành Hàng không Việt Nam đã có sự hồi phục tích cực nhờ việc Việt Nam mở cửa du lịch, các đường bay quốc tế được khôi phục trở lại và nhu cầu đi lại của hành khách đang tăng mạnh sau khi dịch bệnh được kiểm soát. Theo số liệu của Cục Hàng không Việt Nam, tính chung 9 tháng năm 2022, sản lượng vận chuyển hành khách của các hãng bay Việt Nam đạt 37 triệu khách, tăng 157% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó quốc tế đạt 2,9 triệu khách, tăng 2,41% so với cùng kỳ năm 2021; nội địa đạt 34 triệu khách, tăng 139,9% so với cùng kỳ năm 2021.

Những con số trên đã đưa Việt Nam đứng vị trí số 1 trong danh sách 25 nước có thị trường hàng không nội địa phục hồi nhanh

nhất thế giới do Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế (IATA) công bố vào tháng 6/2022. Các vị trí tiếp theo lần lượt là Mexico, Brazil, Nga, Tây Ban Nha, Thổ Nhĩ Kỳ, Australia... Trong danh sách này, khu vực Đông Nam Á, ngoài Việt Nam đứng vị trí số 1 còn có Indonesia đứng thứ 8, Malaysia thứ 9, Philippines thứ 13 và Thái Lan đứng thứ 24.

Với hàng loạt đường bay nội địa, quốc tế được khôi phục và mở rộng, ngành Hàng không Việt Nam đã cho thấy rõ nét triển vọng phát triển trong năm nay và thời gian tới, hứa hẹn trở thành lĩnh vực dẫn đầu làn sóng phục hồi trở lại sau dịch bệnh. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có những khó khăn tiềm ẩn như: Nhiều nước vẫn thận trọng trong việc mở cửa bầu trời, đặc biệt là những nước có lượng khách lớn đến với Việt Nam khiến thị trường hàng không mất một lượng khách đáng kể, làm chậm quá trình phục hồi các đường bay

quốc tế; dịch bệnh Covid-19 vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại... Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng của ngành Hàng không Việt Nam dù được tăng cường rất nhiều, nhưng chưa hoàn toàn đáp ứng nhu cầu phát triển, quy mô các sân bay còn rất nhỏ so với các nước trong khu vực, khiến cho tình trạng quá tải hạ tầng từ nhiều năm nay vẫn "âm ỉ" diễn ra, đặc biệt đối với những sân bay lớn như Tân Sơn Nhất, Nội Bài.

Điển hình là mùa hè 2022 vừa qua, nhu cầu đi lại bằng đường hàng không, nhất là du lịch trong nước bật tăng trở lại, đã dẫn đến tình trạng quá tải, ùn ứ, tắc nghẽn ở mức đáng báo động tại nhiều sân bay của Việt Nam. Không chỉ ùn tắc ở khu vực làm thủ tục, soi chiếu, do mật độ khai thác bay cao với tần suất cất/hạ cánh dày đặc, tình trạng lưu thông ở sân bay, các đường băng cũng bị tắc nghẽn. Trong 8 tháng năm 2022, các hãng hàng không Việt Nam thực hiện trên 208,2 nghìn chuyến bay,

trong đó có 180,9 nghìn chuyến đúng giờ, chiếm tỷ lệ đúng giờ (OTP) là 86,9%; 27,3 nghìn chuyến bị chậm giờ chiếm tỷ lệ 13,1%; 896 chuyến bay bị hủy chiếm tỷ lệ 0,43%. (số liệu Cục Hàng không Việt Nam).

Năm 2022, tổng thị trường toàn mạng bay được dự báo sẽ sớm khôi phục tương đương như trước đại dịch Covid-19. Các cảng hàng không trên cả nước sẽ đón khoảng 87,8 triệu khách, tăng 190% so với năm 2021. Riêng khách quốc tế dự kiến đạt khoảng 5 triệu khách, tăng 844% và khách nội địa đạt khoảng 82,8 triệu khách, tăng 178,4%. Điều này vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức rất lớn đối với ngành Hàng không khi cơ sở hạ tầng còn nhiều hạn chế.

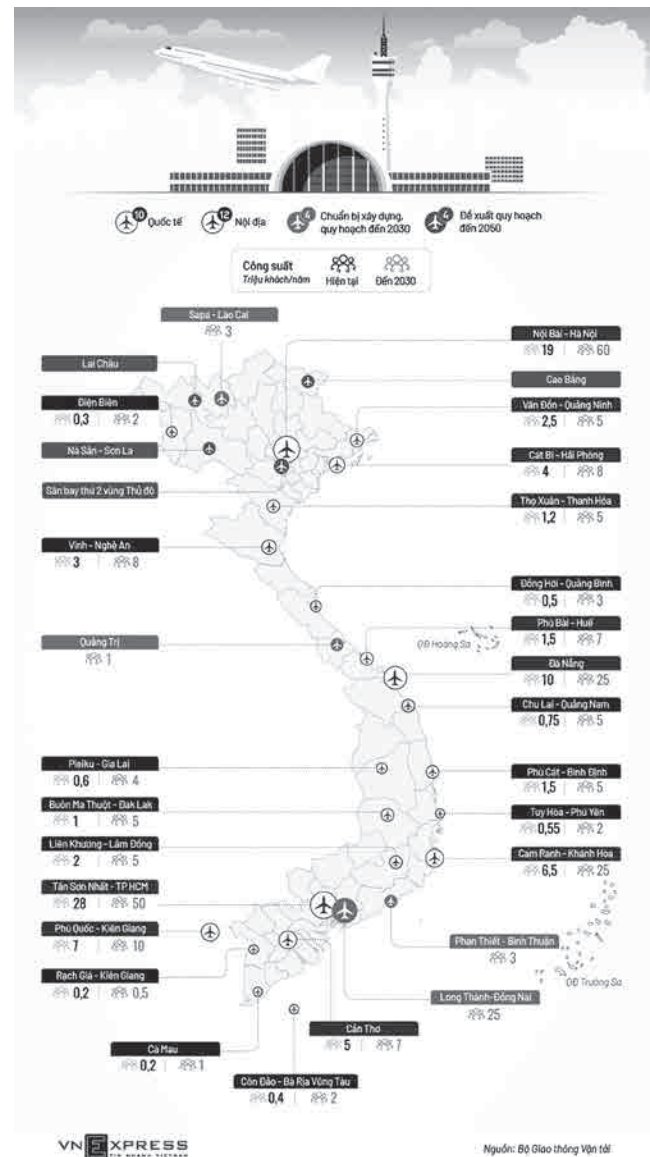
Rà soát, hoàn thiện Quy hoạch hệ thống cảng hàng không

Việc đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng giao thông nói chung và hệ thống cảng hàng không, sân bay nói riêng có ý nghĩa rất thiết thực, tạo động lực mới thúc đẩy sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và đất nước. Nhận diện sự yếu kém, xuống cấp của hạ tầng hàng không, việc huy động nguồn lực xã hội hóa vào đầu tư cảng hàng không còn chậm triển khai, chưa đáp ứng yêu cầu do gặp nhiều vướng mắc, từ năm 2021 đến nay, Chính phủ đã chỉ đạo việc xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và phân cấp, phân quyền cho các địa phương để chủ động hơn trong đầu tư xây dựng cảng hàng không.

Cuối năm 2021, Bộ Giao thông Vận tải đã trình Chính phủ dự thảo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo đó, giai đoạn năm 2021-2030 sẽ ưu tiên tập trung đầu tư một số cảng hàng không lớn, đóng vai trò đầu mối tại vùng thủ đô Hà Nội (cảng hàng không Nội Bài) và vùng Thành phố Hồ Chí Minh (cảng hàng không Tân Sơn Nhất và Long Thành); từng bước nâng cấp và khai thác có hiệu quả 22 cảng hàng không hiện hữu, đầu tư 06 cảng hàng không mới để nâng tổng số cảng hàng không của cả nước đưa vào khai thác lên 28 cảng (gồm 14 cảng hàng không quốc tế và 14 cảng hàng không quốc nội), tổng công suất thiết kế hệ thống cảng hàng không đáp ứng khoảng 278 triệu hành khách, bảo đảm trên 95% dân số có thể tiếp cận tới cảng trong phạm vi 100km. Đầu tư hệ thống cơ sở hạ tầng, thiết bị quản lý bay theo hướng đồng bộ, hiện đại, ngang tầm khu vực, đáp ứng nhu cầu vận tải. Từng bước đầu tư các trung tâm logistics, trung tâm đào tạo, huấn luyện bay, bảo dưỡng sửa

chữa máy bay và hệ thống trang thiết bị bảo đảm hoạt động bay. Dự kiến vốn đầu tư phát triển hệ thống cảng hàng không đến năm 2030 khoảng 400.000 tỷ đồng (chiếm khoảng 22% nhu cầu vốn đầu tư toàn ngành), được huy động nguồn vốn ngân sách nhà nước, vốn ngoài ngân sách và các nguồn vốn hợp pháp khác. Tầm nhìn đến năm 2050, hình thành 29 cảng hàng không, bao gồm 14 cảng quốc tế và 15 cảng quốc nội.

Thực hiện rà soát lại quy hoạch theo sự chỉ đạo của Chính phủ, đầu tháng 9 mới đây, Cục Hàng không Việt Nam đã hoàn chỉnh hồ sơ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Điểm mới sau lần rà soát này là Cục Hàng không Việt Nam kiến nghị cập nhật nội dung "nghiên cứu, khảo sát, đánh giá khả năng quy hoạch, xây dựng cảng hàng không



tại một số sân bay quân sự (Thành Sơn, Biên Hòa...) trong trường hợp đủ điều kiện" vào dự thảo quy hoạch. Về tầm nhìn đến năm 2050, sẽ hình thành 2 trung tâm vận tải hàng không đầu mối trung chuyển quốc tế mang tầm cỡ khu vực tại vùng Thủ đô Hà Nội và vùng TP HCM. Đầu tư đưa vào khai thác các cảng hàng không mới đảm bảo 100% dân số khu vực đồng bằng và 95% dân số khu vực miền núi có thể tiếp cận tới cảng hàng không trong phạm vi 100 km. Hồ sơ quy hoạch kiến nghị hình thành 31 cảng hàng không (tăng 02 cảng hàng không), bao gồm: 14 cảng hàng không quốc tế (Vân Đồn, Hải Phòng, Nội Bài, Thọ Xuân, Vinh, Phú Bài, Đà Nẵng, Chu Lai, Cam Ranh, Liên Khương, Long Thành, Tân Sơn Nhất, Cần Thơ và Phú Quốc); 17 cảng hàng không quốc nội (thêm sân bay Cao Bằng và Cảng hàng không thứ 2 phía Đông Nam Thủ đô Hà Nội). Đồng thời, hình thành một số cảng hàng không, sân bay tại các đảo, quần đảo có nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và có điều kiện tự nhiên thuận lợi.

Để sớm phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong tháng 9 vừa qua, Chính phủ liên tục có những hành động, chỉ đạo quyết liệt.

Cụ thể là ngày 21/9/2022, Phó Thủ tướng Lê Văn Thành đã đi thị sát khu vực phía Bắc cảng hàng không; kiểm tra và làm việc về tình hình thực hiện Đồ án Quy hoạch cảng hàng không quốc tế Nội Bài thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Đây là cảng hàng không trọng yếu của quốc gia, là trung tâm trung chuyển hàng không lớn nhất phía Bắc, cùng với Cảng hàng không Long Thành là 2 trung

tâm trung chuyển hàng không lớn nhất cả nước. Theo Bộ Giao thông vận tải, hiện nay Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài có 2 nhà ga hành khách công suất khai thác đạt 25 triệu khách/năm, trong đó, nhà ga T1 là 15 triệu khách/năm, nhà ga T2 là 10 triệu khách/năm. Nhà ga hàng hóa công suất 403.000 tấn hàng hóa/năm. Theo quy hoạch, đến năm 2030, Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài có 3 đường cất hạ cánh, 3 nhà ga hành khách. Trong đó mở rộng nhà ga hành khách T2 hiện hữu để hệ thống nhà ga T1+T2 đạt công suất tổng công suất 30 - 40 triệu hành khách/năm; đồng thời xây mới nhà ga hành khách T3 phía Nam đạt công suất 30 triệu hành khách/năm. Đến năm 2050, xây dựng 4 đường cất hạ cánh và xây mới thêm 1 đường cất hạ cánh phía Nam, 4 nhà ga hành khách. Hệ thống đường lăn và sân đỗ tàu bay được xây dựng đồng bộ. Phương án quy hoạch phát triển Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài với quy mô công suất khoảng 100 triệu hành khách/năm vào năm 2050.

Với quan điểm Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài phải được đầu tư hiện đại với quy mô lớn, tầm cỡ, xứng tầm Thủ đô Hà Nội, thể hiện vị thế của đất nước, Phó Thủ tướng yêu cầu các bộ, ngành, địa phương cần phối hợp chặt chẽ, khẩn trương hoàn thiện quy hoạch để sớm khởi công xây dựng mới đường băng và nhà ga hành khách T3 sân bay quốc tế Nội Bài trong năm 2024-2025...

Tiếp theo đó, ngày 22/9/2022, Thủ tướng ký Quyết định số 1121/QĐ-TTg về thành lập Tổ công tác nghiên cứu, đánh giá tổng thể khả năng khai thác một số cảng hàng không dân dụng tại sân bay quân sự Thành Sơn (tỉnh Ninh Thuận) và sân bay quân sự Biên Hòa (tỉnh

Đồng Nai); nghiên cứu Đề án xã hội hóa, đầu tư theo phương thức đối tác công tư khai thác các cảng hàng không Nà Sản (tỉnh Sơn La), Vinh (tỉnh Nghệ An), Chu Lai (tỉnh Quảng Nam), Cần Thơ (thành phố Cần Thơ) và một số cảng hàng không khác khi có nhu cầu.

Trong Thông báo số 298/TB-VPCP về kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành tại cuộc họp về quy hoạch, huy động vốn đầu tư một số cảng hàng không, sân bay được Văn phòng Chính phủ vừa ban hành ngày 24/9/2022 mới đây cũng chỉ rõ, trong thời gian tới cần tiếp tục phân cấp mạnh mẽ hơn nữa cho các địa phương, từ khâu chuẩn bị thủ tục đầu tư tới kêu gọi, thu hút các doanh nghiệp đầu tư cảng hàng không. Đồng thời, cần phải đổi mới phương pháp tiếp cận trên tinh thần thực hiện đúng quy định của pháp luật nhưng đẩy nhanh quy trình thực hiện huy động vốn đầu tư cảng hàng không hiện hữu theo phương thức PPP (đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

Nhằm đẩy nhanh tiến độ triển khai đầu tư, khai thác hàng không dân dụng tại một số cảng hàng không, sân bay, về quy hoạch, Bộ Giao thông vận tải được giao nhiệm vụ phải làm việc với một số địa phương có kiến nghị điều chỉnh, bổ sung quy hoạch để cập nhật, hoàn thiện Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để được phê duyệt trong tháng 10/2022.

Có thể nói, Chính phủ đang dành sự quan tâm rất lớn cho công tác quy hoạch hàng không, giúp ngành Hàng không Việt Nam giải quyết "nút thắt" cơ sở hạ tầng, để có đủ năng lực chiếm lĩnh thị trường, cạnh tranh với các hãng hàng không thế giới./.



Trải qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, thị trường bảo hiểm Việt Nam (TTBH) đã cho thấy sự lớn mạnh cả về quy mô, số lượng doanh nghiệp và năng lực tài chính. thể hiện được tiềm năng và sức hấp dẫn của kênh huy động vốn dài hạn hiệu quả với nền kinh tế, góp phần vào sự tăng trưởng chung của đất nước. Xác định mục tiêu giữ vững sự phát triển ổn định của thị trường bảo hiểm, Chính phủ đã thường xuyên quan tâm, chỉ đạo điều hành xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam theo từng giai đoạn phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước và thế giới.



Phát triển thị trường BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030

Duy Hưng

Phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam trên cơ sở những thành tựu đạt được

Giai đoạn 2011-2020, thị trường bảo hiểm Việt Nam phát triển cơ bản phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ, đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Đến hết năm 2020, tổng số doanh nghiệp bảo hiểm (DNBH), doanh nghiệp môi giới bảo hiểm tại TTBH Việt Nam là 71 doanh nghiệp, tăng 25% so với năm 2011. Trong đó có 31 DNBH phi nhân thọ, 18 DNBH nhân thọ, 02 doanh nghiệp tái bảo hiểm,

19 doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và 01 chi nhánh DNBH phi nhân thọ nước ngoài. Số lượng văn phòng đại diện của DNBH, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam là 21 văn phòng.

Thị trường Bảo hiểm Việt Nam phát triển với trên 2.800 sản phẩm bảo hiểm phục vụ nhu cầu ngày một đa dạng của người tham gia bảo hiểm. Một số sản phẩm có tính an sinh xã hội cao như: Bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm thủy sản, bảo hiểm hưu trí... đã đạt được kết quả đáng khích lệ, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp

phần phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội.

Năng lực tài chính và hiệu quả hoạt động của các DNBH đều được nâng cao qua các con số thể hiện sự tăng trưởng mạnh mẽ. Tổng tài sản của TTBH đã tăng 440% từ 106,24 nghìn tỷ đồng năm 2011 lên 573,22 nghìn tỷ đồng năm 2020 (trong đó, tổng tài sản của DNBH nhân thọ là 473,73 nghìn tỷ đồng, tổng tài sản DNBH phi nhân thọ là 99,49 nghìn tỷ đồng), tốc độ tăng trưởng bình quân của giai đoạn 2011-2020 đạt 19%/năm. Cũng trong giai đoạn này, tổng doanh thu phí bảo hiểm đã tăng 409%,

từ 36,55 nghìn tỷ đồng năm 2011 lên 185,96 nghìn tỷ đồng năm 2020 với tốc độ tăng trưởng bình quân từng năm đạt 19,8%. Về chi trả bồi thường bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm, năm 2011, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm là 15,97 nghìn tỷ đồng. Năm 2020, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm cả thị trường đạt 48,77 nghìn tỷ đồng, tăng 205% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân số tiền chi trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đạt 15%/năm.

Thị trường bảo hiểm đã trở thành một kênh huy động vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế, góp phần thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy tiết kiệm cho nền kinh tế. Tính đến hết năm 2020, tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH đạt 468,56 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 5,9 lần so với năm 2010, tương đương 7,45% GDP, vượt chỉ tiêu nêu tại Quyết định 193/QĐ-TTg năm 2012 đã đề ra. Trong đó, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của DNBH nhân thọ là 415,68 nghìn tỷ đồng, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của DNBH phi nhân thọ là 52,88 nghìn tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế giai đoạn 2011-2020 đạt 20%/năm.

Cũng trong giai đoạn 2011-2020, tổng giá trị được bảo hiểm là 11,7 triệu tỷ đồng, trong đó tổng giá trị kinh tế tài sản được bảo hiểm của khu vực doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế lên tới hơn 10 triệu tỷ đồng, tổng giá trị được bảo hiểm trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ là 3,76 triệu tỷ đồng; trong lĩnh vực bảo hiểm sức khỏe là 2,07 triệu tỷ đồng. Tính đến hết năm 2020, gần 16 triệu người có bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe

(11,9 triệu bảo hiểm nhân thọ, 4 triệu bảo hiểm sức khỏe); 12 triệu học sinh được bảo hiểm tai nạn (tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm gần 60%); trên 32 triệu lượt khách được bảo hiểm hàng không (tỷ lệ thâm nhập 100%); gần 4 triệu lượt khách được bảo hiểm tai nạn đường sắt (tỷ lệ thâm nhập 100%); 1.620 triệu lượt khách được bảo hiểm tai nạn hành khách vận chuyển đường bộ (tỷ lệ thâm nhập 61%).

Đến hết năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng đạt 364,79 nghìn tỷ đồng gấp 6,6 lần so với năm 2010. Quy mô quỹ dự phòng tăng đảm bảo mục tiêu đóng góp vào ổn định kinh tế-xã hội, đáp ứng bồi thường và chi trả quyền lợi khách hàng kịp thời khi xảy ra rủi ro hoặc những nhiệm vụ mang tính chất cấp bách, đột xuất của Chính phủ. Trong giai đoạn 2011-2020, tổng dự phòng nghiệp vụ tăng từ 61,87 nghìn tỷ đồng lên 364,79 nghìn tỷ đồng.

Hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm đã được xây dựng tương đối đầy đủ, với Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, 14 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 21 Thông tư hướng dẫn thi hành còn hiệu lực. Qua đó thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển ổn định, lành mạnh, vững chắc, đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm được đồng bộ hóa với các quy định pháp luật khác có liên quan như pháp luật về thuế, luật doanh nghiệp, luật dân sự... tạo môi trường thể chế hoàn thiện, nền tảng pháp lý thuận lợi cho sự phát triển vững chắc của thị trường.

Đáng chú ý phải kể đến việc Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) tại kỳ họp thứ ba (Luật số 08/2022/QH15) vào ngày 16/6/2022 và bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2023 được kỳ vọng sẽ có nhiều tác động đến thị trường bảo hiểm theo hướng tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc hiện hành. Bên cạnh đó Luật Kinh doanh bảo hiểm với những thay đổi được kỳ vọng sẽ kiến tạo thị trường, tạo cơ hội cho thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh và chuyên nghiệp, cho phép DNBH chủ động hơn trong thiết kế, xây dựng và triển khai sản phẩm bảo hiểm.

Nỗ lực với giải pháp đạt mục tiêu phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030

Mặc dù phát triển khá mạnh song hiện nay, quy mô thị trường bảo hiểm Việt Nam còn khiêm tốn so với nhiều nước trên thế giới, với tỉ lệ doanh thu phí bảo hiểm/GDP còn thấp (khoảng 3%) so với các nước tiên tiến trong khu vực (10%) và trên thế giới (7%), số lượng người tham gia bảo hiểm nhân thọ chiếm khoảng 11% dân số. Trong khi đó, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, cuộc sống người dân được cải thiện, nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang ngày càng cao và đa dạng đòi hỏi có những sản phẩm bảo hiểm linh hoạt, phong phú và toàn diện. Dư địa phát triển tại TTBH Việt Nam dành cho các doanh nghiệp còn rất lớn... đồng thời ngành Bảo hiểm cũng đang nhận được sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Chính phủ. Sự quan tâm của Chính phủ được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển thị trường Bảo hiểm Việt Nam đến năm 2030 do Bộ Tài chính dự thảo. Mục tiêu đặt ra

đối với TTBH Việt Nam là hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển toàn diện TTBH, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Bên cạnh đó, Chiến lược đặt ra mục tiêu nâng cao tính an toàn hệ thống, bền vững và hiệu quả của thị trường; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội; Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận tiện nhất trong việc tham gia bảo hiểm; Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm.

Đến năm 2030, phát triển TTBH Việt Nam đạt được quy mô bằng 3,3-3,5% GDP; có 18% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ. Tốc độ tăng trưởng bình quân về tổng tài sản, tổng số tiền đầu tư, tổng dự phòng nghiệp vụ, tổng nguồn vốn chủ sở hữu tăng bình quân 15%/năm giai đoạn 2021-2025 và 10%/năm giai đoạn 2026-2030. Tốc độ tăng trưởng doanh thu cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng đạt bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2023-2030. Phí bảo hiểm bình quân đầu người đạt 3 triệu đồng năm 2025, 5 triệu đồng năm 2030. Để đạt được các mục tiêu kể trên, có 10 nhóm giải pháp được đặt ra cho toàn ngành Bảo hiểm, đó là:

(1) Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm, trong đó xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm bao gồm các vấn đề đã được giao trong Luật và các nội dung về mô hình vốn, ứng dụng công nghệ thông tin,

quy định về dữ liệu thông tin, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về triển khai các sản phẩm bảo hiểm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, hướng dẫn chi tiết về các loại chứng chỉ trong ngành Bảo hiểm.

(2) Tăng cường năng lực tài chính, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp và công khai minh bạch của DNBH. Nhóm giải pháp này tập trung nâng cao năng lực tài chính; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro; tự đánh giá, xếp loại; nâng cao năng lực quản lý, quản trị của doanh nghiệp; tăng cường công khai thông tin của doanh nghiệp nhằm nâng cao kỷ luật và minh bạch thị trường; thúc đẩy doanh nghiệp đủ năng lực tham gia thị trường chứng khoán và thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

(3) Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm bằng cách khuyến khích DNBH phát triển đa dạng các dòng sản phẩm mới, lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong nhiều hoạt động kinh tế và đời sống. Khuyến khích phát triển các sản phẩm có ý nghĩa cộng đồng và góp phần ổn định an sinh xã hội như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí

tự nguyện, v.v... Khuyến khích đổi mới phương thức phát triển, thiết kế sản phẩm bảo hiểm gắn liền với cách mạng công nghiệp; các sản phẩm bảo hiểm được thiết kế theo hướng cá nhân hóa đặc tính, nhu cầu của khách hàng. Đẩy mạnh ứng dụng giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử trong giao dịch bảo hiểm, đảm bảo an toàn, bảo mật và tin cậy.

(4) Đa dạng và chuyên nghiệp hóa kênh phân phối bảo hiểm theo kịp với sự phát triển của cách mạng công nghiệp thông qua việc ban hành quy định hoặc các quy tắc đạo đức hành nghề, xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng hệ thống kênh phân phối; Chuẩn hóa hoạt động phân phối bảo hiểm.

(5) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực tại lĩnh vực mới được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm; Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phổ biến kiến thức đối với thị trường bảo hiểm; Tinh gọn bộ máy, xã hội hóa hoạt động đào tạo đồng thời đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm...

(6) Đẩy mạnh tuyên truyền về bảo hiểm với các giải pháp cụ thể như: Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến



về vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của bảo hiểm; Phổ biến kịp thời các thay đổi về quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức về bảo hiểm; Xây dựng trang thông tin dành riêng cho khách hàng tham gia bảo hiểm.

(7) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bảo hiểm, quản lý nhà nước hoạt động kinh doanh bảo hiểm: Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, có biện pháp bảo vệ, bảo mật thông tin khách hàng; Xây dựng khung thể chế thử nghiệm cho các dịch vụ công nghệ bảo hiểm theo thông lệ tốt nhất, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển các dịch vụ bảo hiểm số mới; Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin; Triển khai dự án hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm nhằm hệ thống hóa một cách đồng bộ, toàn diện toàn bộ dữ liệu ngành bảo hiểm...

(8) Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm, cụ thể: Chuyển đổi sang quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro trên cơ sở kiểm tra chỉ tiêu an toàn vốn; Xây dựng và ban hành sổ tay quản lý, giám sát bảo hiểm trên cơ sở rủi ro; Cải thiện mức độ tuân thủ các chuẩn mực quản lý, giám sát; Tăng cường hợp tác, trao đổi, phối hợp với các cơ quan quản lý trong và ngoài nước; Tăng cường minh bạch hóa hoạt động quản lý.

(9) Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Khuyến khích thành lập và tăng cường vai trò đầu mối của các tổ chức xã - hội nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, phát huy vai trò tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp.

(10) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm. Xây dựng và thực hiện lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phù hợp với lộ trình hội nhập bảo hiểm của ASEAN và các cam kết quốc tế khác; Chủ động, tích cực tham gia Hội đồng các cơ quan quản lý nhà nước về Bảo hiểm ASEAN (AIRM) và Hiệp hội Quốc tế các cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm (IAIS); Triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm; Khuyến khích các DNBH tiếp tục nghiên cứu đầu tư ra nước ngoài để mở rộng cơ hội kinh doanh./.

Hiện nay, việc xây dựng các khu công nghiệp sinh thái (KCNST) được coi là giải pháp không chỉ khắc phục được những hạn chế, bất cập về vấn đề môi trường, giảm lãng phí tài nguyên, mà còn thúc đẩy tăng trưởng bền vững của Việt Nam. Việc áp dụng KCNST tại Việt Nam là một trong những giải pháp để hướng đến Tăng trưởng xanh và phát triển bền vững.

Khu công nghiệp sinh thái ở Việt Nam hiện nay

Theo số liệu từ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2021, cả nước có 563 khu công nghiệp(KCN) nằm trong Quy hoạch phát triển KCN ở Việt Nam (tính cả KCN trong khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu). Trong đó có 397 KCN đã được thành lập, diện tích đất công nghiệp đạt khoảng 82,6 nghìn ha. Tỷ lệ lấp đầy KCN đã thành lập trên cả nước đạt khoảng 52,5%. Các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được 9.784 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) với tổng vốn đăng ký đạt 194,69 tỷ USD, vốn thực hiện 109,79 tỷ USD; 1.387 dự án đầu tư trong nước, với tổng vốn đăng ký 1.461 tỷ đồng, vốn thực hiện 533 tỷ đồng. Các dự án đầu tư trong KCN, KKT đóng góp khoảng 55% tổng kim ngạch xuất khẩu giai đoạn 2016-2020; đóng góp 11,7% tổng thu ngân sách nhà nước trong giai đoạn 2016-2018... Các kết quả trên cho thấy hệ thống các khu công nghiệp ngày càng có đóng góp tích cực trong phát triển kinh tế, là động lực đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa tại các địa phương và cả nước. Tuy nhiên, việc phát triển các KCN với số lượng lớn trong thời gian qua đang gây ra nhiều thách thức, đặc biệt là về môi trường.

Thống kê của Bộ Tài nguyên và Môi trường cho thấy, tỷ lệ KCN có trạm xử lý nước thải tập trung chỉ chiếm 66%, nhiều khu đã đi vào hoạt động mà chưa triển khai xây dựng hệ thống xử lý nước thải hoặc có nhưng không vận hành, hay vận hành không hiệu quả, xuống cấp. Trong khi đó, theo ước tính khoảng 70% trong số hơn một triệu mét khối nước thải mỗi ngày, đem phát sinh từ các KCN xả thẳng ra nguồn tiếp nhận mà không qua xử lý, ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường.

Tình trạng trên đặt ra yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam trong việc xây dựng và thực hiện chiến lược, chính sách phát triển theo hướng bền vững, phát triển các ngành kinh tế thân thiện với môi trường, giảm phát thải khí nhà kính và ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó xây dựng và phát triển mô hình KCN sinh thái nhằm "xanh hóa sản xuất" là một trong những giải pháp đã được triển khai trên thế giới và cần được đẩy mạnh ở Việt Nam.

Theo Nghị định 82/2018/NĐ-CP, khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam phải đảm bảo 08 tiêu chuẩn. Đó là: (1) Kết cấu hạ tầng phải đúng pháp luật, bảo vệ môi trường, lao động. Kết cấu mang đến các đáp ứng cần thiết. Từ đó

KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI: HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP XANH VÀ BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

TS. Bùi Thành Khoa

Trường Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh

Khu công nghiệp sinh thái có thể hiểu là một cộng đồng doanh nghiệp sản xuất và cung cấp dịch vụ nằm ở cùng một địa điểm. Các doanh nghiệp thành viên tìm cách nâng cao hiệu quả kinh tế, môi trường, xã hội thông qua sự cộng tác về quản lý các vấn đề môi trường và tài nguyên. Trong KCN sinh thái, đầu thải ra của một cá thể được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho một cá thể khác trong nền kinh tế. Dòng nguyên liệu sẽ được tận dụng tối đa để tạo ra sản phẩm và hạn chế tối thiểu nguồn thải bỏ.

mà các hoạt động sử dụng hạ tầng mới được xây dựng với nền tảng hiệu quả. Giúp cho các cải thiện và ý thức đảm bảo trong nhu cầu bảo vệ môi trường; (2) Hạ tầng kết cấu đầy đủ dịch vụ cơ bản. Trong các yêu cầu cần thiết đối với quy định về hạ tầng; (3) Sản xuất sạch, sử dụng tài nguyên hiệu quả. Bao gồm sử dụng tiết kiệm. Gắn với sử dụng là có lộ trình cải tạo và sử dụng hợp lý. Mang đến các thuận lợi hay lợi ích đảm bảo bền vững; (4) Có diện tích đất cho công trình cây xanh (Dành tối thiểu 25% diện tích đất khu công nghiệp cho các công trình. Bao gồm: cây xanh, giao thông, các hạ tầng dịch vụ dùng chung,...). Cây xanh mang đến nhiều chức năng đối với bảo vệ môi trường. Trong đó, yêu cầu đối với sức khỏe của con người là vô cùng quan trọng; (5) Có ít nhất

1 liên kết cộng sinh công nghiệp với ít nhất 10% tổng số doanh nghiệp thành viên tham gia; (6) Ngoài ra phải kể đến công trình xã hội, văn hoá, thể thao trong khu công nghiệp; (7) Khu công nghiệp sinh thái là gì có cơ chế giám sát, quản lý đầu vào, đầu ra, hoạt động hiệu quả tài nguyên, phát thải; (8) Thực hiện công bố báo cáo bảo vệ môi trường. Mang đến những định hướng cũng như lộ trình. Đặc biệt là những điều đã làm và cần làm trong báo cáo đó.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, nhằm khắc phục những bất cập của KCN truyền thống đang phải đối mặt, hướng đến phát triển ngành công nghiệp theo hướng tăng trưởng xanh, tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí cho DN, từ năm 2015 - 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với Tổ chức

Phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) thí điểm chuyển đổi KCN truyền thống sang KCN sinh thái tại 3 KCN, bao gồm: KCN Amata (Đồng Nai); KCN Đình Vũ (Hải Phòng); KCN Hiệp Phước (TP. Hồ Chí Minh). Sau 4 năm triển khai, 72 doanh nghiệp tham gia Chương trình này đã áp dụng các giải pháp sử dụng hiệu quả tài nguyên và sản xuất sạch hơn (RECP), góp phần cải thiện hiệu quả tài nguyên, tương ứng 75 tỷ đồng thông qua cắt giảm 17,8 triệu kWh điện, 429.000 m³ nước và một số lượng đáng kể các nguyên, nhiên vật liệu khác. Chẳng hạn, khói nóng từ nhà máy sản xuất thép có thể được tái sử dụng cho các DN ngành dệt may để là ủi vải. Thông qua việc giảm phát thải khí nhà kính, môi trường ở khu vực dân cư lân cận cũng giảm thiểu đáng kể, bước đầu đem lại hiệu quả về mặt kinh tế, xã hội và môi trường. Không chỉ gia tăng hiệu quả kinh tế, việc chuyển đổi các KCN truyền thống sang KCN sinh thái còn mở ra cơ hội thu hút vốn đầu tư chất lượng cao, tăng tính cạnh tranh cho các doanh nghiệp. Hiện nay, với khoảng 400 khu công nghiệp đang hoạt động,



việc thúc đẩy phát triển khu công nghiệp theo hướng sinh thái sẽ huy động nguồn lực lớn từ khu vực tư nhân cho các giải pháp công nghiệp xanh, đảm bảo an ninh năng lượng, đóng góp đáng kể vào nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu của Việt Nam, thúc đẩy tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, thể hiện quyết tâm chính trị của Chính phủ Việt Nam trong việc thực hiện các cam kết phát triển bền vững.

Giải pháp phát triển khu công nghiệp sinh thái thời gian tới

Áp dụng mô hình khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam đang là giải pháp hướng đến tăng trưởng xanh, phát triển bền vững. Gắn với các nhu cầu trong phát triển khu công nghiệp và dịch vụ, trong đó phải đảm bảo các cải thiện đối với môi trường. Do đặc thù của ngành công nghiệp với các rác thải độc hại. Việc xử lý rác thải và hiệu quả của hoạt động này là vô cùng quan trọng. Với mục tiêu "Đến năm 2030 sẽ có từ 40 đến 50% địa phương có kế hoạch chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu sang khu công nghiệp sinh thái và 8% - 10% địa phương có định hướng xây dựng khu công nghiệp sinh thái mới từ bước lập quy hoạch xây dựng và định hướng ngành, nghề thu hút đầu tư, thời gian tới cần có những giải pháp đồng bộ sau:

Thứ nhất, cần có thêm các hướng dẫn về quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật của các Bộ ngành và hướng dẫn về kỹ thuật từ các chuyên gia trong nước, quốc tế, đặc biệt đối với các mạng lưới cộng sinh công nghiệp và giải pháp kinh tế tuần hoàn.

Thứ hai, đối với các địa phương khi thành lập các khu, cụm công nghiệp mới cần phải đặt yếu tố môi trường lên hàng đầu, đảm

bảo các tiêu chí của một KCN sinh thái. Đặc biệt là ở những tỉnh có xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng phát triển công nghiệp, tăng cường thu hút các doanh nghiệp.

Thứ ba, việc bổ sung chính sách ưu đãi về tài chính cho các khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái như miễn, giảm thuế, tiền thuê đất, ưu tiên vay vốn tín dụng... là cần thiết để khuyến khích doanh nghiệp tự thực hiện việc chuyển đổi và xây dựng mới khu công nghiệp sinh thái.

Thứ tư, cần có những biện pháp tuyên truyền nhằm chuyển đổi nhận thức của chính doanh nghiệp trong KCN về xây dựng KCN sinh thái. Để làm được điều này, các chuyên gia sẽ tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ cho các DN để họ thấy được lợi ích của việc tham gia xây dựng KCN sinh thái; đặc biệt là cách thức, quy trình làm sao tiếp cận được với các nguồn tài chính ưu đãi để đầu tư ứng dụng công nghệ sạch và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Đây cũng là phương thức giúp các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận được với sân chơi của quốc tế, đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng tầm vị thế của doanh nghiệp trong mạng lưới doanh nghiệp toàn cầu.

Thứ năm, từng bước thay đổi nhận thức, thói quen của người tiêu dùng về các sản phẩm sạch, thân thiện với môi trường./.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Trọng Hoài (2022). Phát triển công nghiệp Việt Nam trong bối cảnh mới: tiếp cận sinh thái và đổi mới sáng tạo các cho khu công nghiệp, truy cập từ <https://hdl.vn/vi/nguyen-cuu---trao-doi/phan-trien-cong-nghiep-viet-nam-trong-boi-can-moi-tiep-can-sinh-thai-va-doi-moi-sang-tao-cho-cac-khu-cong-nghiep.html>

2. Thanh Tùng (2022). Phát triển khu công nghiệp sinh thái tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp, truy cập từ <https://kinhtemoitruong.vn/phan-trien-khu-cong-nghiep-sinh-thai-tai-viet-nam-chinh-sach-va-giai-phap-thuc-hien-71261.html>

3. Trương Thị Mỹ Nhân (2019). Kinh nghiệm xây dựng nền kinh tế tuần hoàn và các điều kiện để chuyển đổi ở Việt Nam", *Tapchitaichinh.vn*, 30/1/2019.

4. Thu Dịu (2022). Tăng sức hấp dẫn để thu hút đầu tư vào khu công nghiệp, truy cập từ https://mof.gov.vn/webcenter/portal/ttnctdbh/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM235332





VIỆT NAM HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP XANH

Thu Hường

Tại Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP26), Việt Nam đã cam kết mạnh mẽ với cộng đồng quốc tế về việc đưa mức phát thải ròng về "0" vào năm 2050. Với trách nhiệm giảm phát thải để góp phần giảm nhẹ biến đổi khí hậu toàn cầu, hướng tới nền kinh tế xanh, nông nghiệp Việt Nam đang từng bước chuyển đổi mô hình sản xuất đáp ứng xu thế tăng trưởng xanh, tiêu dùng xanh.

Dẫn chuyển đổi sang nông nghiệp xanh, phát thải thấp

Nông nghiệp xanh là nền nông nghiệp sản xuất áp dụng đồng bộ các quy trình, công nghệ sử dụng hợp lý, tiết kiệm vật tư đầu vào cho sản xuất, sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Nông nghiệp xanh hướng đến nâng cao tính cạnh tranh của nông sản, phát triển công nghệ xử lý và tái sử dụng phụ phẩm, phế thải, ổn định kinh tế và giúp cho người nông dân có chất lượng cuộc sống tốt hơn, bảo vệ các nguồn tài nguyên và hệ sinh thái nông nghiệp... đảm bảo nông nghiệp bền vững trên cả trụ cột kinh tế-xã hội và môi trường.

Với nỗ lực xây dựng nền kinh tế xanh, giảm phát thải cũng như

thực thi các cam kết, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành nhiều chiến lược như Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050... Tất cả đều hướng đến thúc đẩy nền nông nghiệp thân thiện với môi trường, cac-bon thấp, thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tại Việt Nam, mô hình nông nghiệp xanh đang ngày càng được người nông dân quan tâm. Tại nhiều địa phương, nhiều mô hình đã và đang trong quá trình chuyển đổi phát triển nông nghiệp xanh,

sinh thái theo xu hướng thị trường thế giới cũng như giúp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu.

Nhiều địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã đã nâng cao về nhận thức cho nông dân trong việc giảm lượng giống gieo sạ, quản lý dịch hại tổng hợp IPM, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật theo "4 đúng", giảm lượng phân bón vô cơ, đi đôi với nhiều tiến bộ kỹ thuật như "3 giảm 3 tăng," "1 phải 5 giảm," kỹ thuật tưới nông-lộ-phơi... Những giải pháp, quy trình kỹ thuật đồng bộ này đã và đang mang lại nhiều lợi ích trong thực tiễn, giúp tăng năng suất và chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất và giảm gây ô nhiễm môi trường.

Những nghiên cứu đã chỉ ra, ruộng lúa bị ngập nước càng lâu

thì lượng khí methane sinh ra càng nhiều. Các ruộng lúa được áp dụng kỹ thuật tưới nông-lộ-phơi giúp giảm khoảng 3,5 lần lượng phát thải khí nhà kính so với các ruộng lúa để ngập nước suốt cả vụ.

Hay mô hình lúa-tôm, lúa-cá... là một trong những mô hình điển hình về thích nghi với biến đổi khí hậu của khu vực Đồng bằng sông Cửu Long không chỉ nâng cao giá trị cho sản xuất, mà còn giúp giải quyết vấn đề giảm phát thải khí nhà kính, xây dựng nền nông nghiệp xanh, bền vững. Đây chính là những hướng đi mới phù hợp với thị trường hiện nay bởi trên thị trường thế giới, nhiều quốc gia đã khuyến khích, ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm sinh thái, sản phẩm hữu cơ. Người tiêu dùng EU sẵn sàng trả giá cao cho các sản phẩm nông nghiệp bền vững.

Trong chăn nuôi, việc xử lý chất thải, tận dụng phụ phẩm nông nghiệp theo hình thức dựng kinh tế tuần hoàn đang được áp dụng với những quy mô khác nhau. Cùng với các công trình khí sinh học, ngành chăn nuôi đang đẩy mạnh hướng dẫn nông dân thu gom chất thải vật nuôi để nuôi trùn quế, ruồi lính đen... tạo nguồn protein làm thức ăn cho vật nuôi trong bối cảnh giá thức ăn chăn nuôi tăng cao, vừa chuyển hóa chất thải thành phân bón hữu cơ, giảm tác hại đến môi trường. Điển hình như trong chăn nuôi bò của Công ty cổ phần T&T 159 Hòa Bình, để tạo nguồn thức ăn, đơn vị thu mua toàn bộ phụ phẩm nông nghiệp: thân cây ngô, rơm, đậu lạc.... sản xuất thành thức ăn chăn nuôi. Tận thu các phế phẩm của ngành sản xuất gỗ như: dăm, bào, mùn cưa... sản xuất thành đệm sinh học. Thức ăn của vi sinh vật trong đệm sinh học chính là

chất thải của bò. Việc chuyển hóa này sẽ giúp chuồng trại không có mùi hôi, luôn sạch sẽ. Đặc biệt, nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ sẽ tái chế các đệm sinh học này và đây cũng là nguồn thu có ý nghĩa nhất định trong thu nhập của doanh nghiệp. Cách làm trên đang được Công ty cổ phần T&T 159 Hòa Bình và Hội đồng Doanh nghiệp nông nghiệp Việt Nam cùng nông dân, trang trại cho đến các doanh nghiệp lớn lan tỏa để xây dựng hệ sinh thái nông nghiệp tuần hoàn.

Nhờ triển khai nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp xanh, sạch nên sản phẩm nông nghiệp, thủy sản sạch, truy xuất được nguồn gốc đã chiếm tỷ trọng ngày càng lớn. Điều tra công bố năm 2020 của Tổ chức Nông nghiệp Quốc tế cho biết, sản phẩm nông nghiệp hữu cơ Việt Nam được tiêu thụ trong nước và xuất khẩu sang 180 nước trên thế giới, bao gồm: Mỹ, Liên minh châu Âu (EU), Trung Quốc, Nhật, Đức, Anh, Hàn Quốc, Nga, Singapore, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Italy...

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NN&PTNT), để hội nhập trong kinh tế nông nghiệp, Việt Nam cần có những bước đi táo bạo và có tầm nhìn để chuyển đổi sang hệ thống lương thực thực phẩm xanh, ít phát thải và bền vững. Nông nghiệp carbon thấp là một trong những ưu tiên hàng đầu nhằm góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 là đạt mức phát thải carbon bằng 0 vào năm 2050. Bộ NN&PTNT đang định hướng xây dựng những chính sách quản lý sử dụng tài nguyên hướng thân thiện với môi trường, nhấn mạnh vào 2 ngành có lượng thải carbon lớn của Việt Nam là chăn nuôi và trồng lúa.

Kế hoạch hành động về tăng trưởng xanh trong nông nghiệp

Tháng 9/2022, Bộ NN&PTNT phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 nhằm mục tiêu phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, tuần hoàn, phát thải carbon thấp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững...

Theo đó, phát triển nông nghiệp theo hướng sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải các bon thấp nhằm nâng cao chất lượng tăng trưởng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững; giảm ô nhiễm môi trường nông nghiệp, nông thôn, hướng đến nền kinh tế trung hòa các bon vào năm 2050.

Cụ thể, tốc độ tăng trưởng GDP ngành nông nghiệp từ 2,5 – 3%/năm. Nâng cao hiệu quả sử dụng và bảo vệ tài nguyên đất, nước, thủy sản, rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

Ngành nông nghiệp đặt mục tiêu tỷ lệ sản phẩm phân bón hữu cơ trong tổng sản phẩm phân bón được sản xuất và tiêu thụ đạt trên 30%; tăng số lượng thuốc bảo vệ thực vật sinh học trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng lên trên 30%; có ít nhất 30% tổng diện tích cây trồng cạn có tưới được áp dụng phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Cùng với chuyển đổi 300 nghìn ha đất lúa sang trồng các loại cây trồng khác có hiệu quả cao hơn cả về kinh tế và môi trường, ngành nông nghiệp phấn đấu diện tích đất trồng trọt hữu cơ đạt khoảng trên 2% tổng diện tích đất trồng trọt. Tỷ lệ sản phẩm chăn nuôi hữu cơ đạt khoảng 2 – 3%

tính trên tổng sản phẩm chăn nuôi sản xuất trong nước.

Đồng thời, mở rộng quy mô áp dụng các thực hành sản xuất nông nghiệp tốt nhằm nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng, năng lực cạnh tranh và giảm phát thải khí nhà kính lĩnh vực nông nghiệp. Xây dựng nông thôn mới đảm bảo đáp ứng các mục tiêu tăng trưởng xanh và bền vững; hình thành lối sống hòa hợp với môi trường và thiên nhiên, bảo vệ và phát triển cảnh quan, môi trường xanh, sạch, đẹp, văn minh.

Để đạt mục tiêu trên, lĩnh vực trồng trọt sẽ chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu từng vùng, miền; hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ổn định, quy mô lớn. Đẩy mạnh áp dụng các quy trình sản xuất tiên tiến, giảm sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc hóa học, gây ô nhiễm môi trường, làm thoái hóa đất canh tác và phát thải khí nhà kính.

Ngành sẽ chuyển đổi phương thức chăn nuôi quy mô nhỏ, phân tán sang chăn nuôi trang trại, hình thành vùng chăn nuôi trọng điểm gắn với bảo vệ môi trường, an toàn sinh học và ứng dụng công nghệ. Tất cả các cơ sở chăn nuôi, cơ sở giết mổ, cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi phải có giải pháp kiểm soát môi trường phù hợp, bảo đảm không gây ô nhiễm môi trường và sử dụng có hiệu quả nguồn chất thải cho nhu cầu trồng trọt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi côn trùng, sản xuất năng lượng tái tạo...

Đối với thủy sản, ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bền vững phù hợp với các chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Áp dụng đối tượng nuôi trồng thủy sản mới có hiệu quả cao, khả năng chống chịu tốt, thích ứng với điều kiện khí hậu. Ngành sẽ điều chỉnh cường độ và cơ cấu khai thác hải sản đảm bảo hiệu quả, bền vững gắn với bảo tồn đa dạng sinh học.

Đối với lâm nghiệp, ngành sẽ phát triển vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung; phục hồi rừng tự nhiên, phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa. Mở rộng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý bền vững; phát huy tối đa dịch vụ môi trường rừng để tạo nguồn thu; khai thác các tiềm năng, các dịch vụ mới, đặc biệt là dịch vụ du lịch sinh thái, các dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon.

Trong chế biến nông, lâm, thủy sản sẽ xử lý triệt để tình trạng gây ô nhiễm môi trường. Đồng thời, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống, gắn hoạt động kinh tế với dịch vụ du lịch và bảo tồn văn hóa truyền thống, tạo việc làm và thu nhập tại chỗ. Hỗ trợ các doanh nghiệp và hộ gia đình đổi mới công nghệ, trang thiết bị để nâng cao hiệu suất sử dụng năng lượng và giảm ô nhiễm trong sản xuất ở các làng nghề và các cơ sở ngành nghề ở nông thôn; phát triển sản phẩm OCOP (Chương trình Mỗi xã một sản phẩm) theo hướng kinh tế tuần hoàn.

Ngành thúc đẩy tiêu dùng xanh, phát triển thị trường cho các sản phẩm nông lâm thủy sản sản xuất theo hướng xanh dưới các hình thức hỗ trợ trực tiếp cho đầu tư và sản xuất, hỗ trợ về cơ sở hạ tầng, xúc tiến thương mại...

Phát triển chuỗi giá trị nông sản xanh, carbon thấp cho các ngành hàng nông sản chủ lực, gắn với việc dán nhãn cho nông sản, sản phẩm OCOP xanh.

Bộ cũng hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng ngành nông nghiệp theo hướng xanh, sinh thái; đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp xanh, sinh thái; chuyển đổi số và đổi mới công nghệ để sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Để có nguồn vốn đầu tư cho tăng trưởng xanh, Ngành chú trọng huy động các nguồn lực xã hội, nhất là từ doanh nghiệp cho thực hiện các mục tiêu tăng trưởng xanh. Tăng cường hợp tác quốc tế để kêu gọi hỗ trợ về tài chính và chuyển giao công nghệ nhằm đưa nông nghiệp Việt Nam thành hình mẫu về phát triển nông nghiệp xanh, carbon thấp, an toàn thực phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh trong chuỗi nông sản toàn cầu góp phần giảm phát thải khí nhà kính, đặc biệt là giảm metan trong trồng trọt và chăn nuôi, chuỗi nông sản, không gây mất rừng và làm cạn kiệt tài nguyên rừng./.





NGÀNH Y TẾ TẬP TRUNG THÁO GỠ KHÓ KHĂN THỰC HIỆN TỐT SỨ MỆNH BẢO VỆ VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE NHÂN DÂN

Quang Vinh

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời của Đảng, sự điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và sự đồng hành của cả hệ thống chính trị, chính quyền các cấp với ngành Y tế, tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát tốt, góp phần phục hồi nhanh và phát triển kinh tế - xã hội, đưa nước ta trở lại trạng thái bình thường.

Vượt qua những vất vả, hy sinh và bằng sự cống hiến thầm lặng, hết mình, không mệt mỏi của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế trong phòng chống dịch, năm 2022, ngành Y tế Việt Nam vững vàng hơn trong hành trình thực hiện sứ mệnh chăm sóc sức khỏe người dân.

Theo báo cáo của Bộ Y tế tại Hội nghị Nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chủ động thích ứng linh hoạt, góp phần phục hồi nhanh, phát triển bền vững diễn ra vào cuối tháng 8/2022 cho thấy, sau hơn 2 năm phòng chống dịch Covid-19, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thông thường hồi phục, dần đáp ứng nhu cầu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ngày càng tăng của nhân dân. Trong 6 tháng đầu năm 2022, số lượt khám bệnh ngoại trú, điều trị nội trú bảo hiểm y tế (BHYT) đều tăng cao. Hoạt động sản xuất vắc xin trong nước bảo đảm 11/12 loại vaccine tiêm chủng; làm chủ các công nghệ và kỹ thuật quan trọng trong sàng lọc, phát hiện tác nhân gây bệnh dịch nguy hiểm (sởi, sốt xuất huyết, SARS, cúm A,...).

Trong công tác chuyên môn, ngành Y tế Việt Nam đã làm chủ công nghệ kỹ thuật cao

như ghép tạng, phẫu thuật nội soi và can thiệp tim mạch, chăm cứu với chi phí giảm đáng kể... Cùng với đó, ngành thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến như: Mở rộng mạng lưới bệnh viện vệ tinh; liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong khám chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành Y tế cũng đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, vướng mắc cần sớm được giải quyết, đó là tình trạng nghỉ việc, bỏ việc của cán bộ, nhân viên tại các cơ sở y tế khu vực công lập có xu hướng tăng lên. Điều đáng nói là nhiều người xin thôi việc là những bác sĩ, chuyên viên, kỹ thuật viên, điều dưỡng viên... thuộc lực lượng trực tiếp điều trị chăm sóc

bệnh nhân. Theo số liệu thống kê của Công đoàn Y tế Việt Nam, từ đầu năm đến thời điểm ngày 30/6/2022, có trên 3.760 viên chức y tế thuộc thẩm quyền quản lý của các Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xin thôi việc, bỏ việc. Trong con số 3.760 trên có 1.190 bác sĩ, 1.177 điều dưỡng, 267 kỹ thuật y, chiếm tới 70% tổng số viên chức y tế xin thôi việc, bỏ việc. Một số tỉnh, thành phố có số lượng viên chức thôi việc, bỏ việc cao như: TP. Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương... Đối với các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế, đến thời điểm ngày 30/6/2022, có khoảng 360 viên chức y tế xin thôi việc hoặc bỏ việc, trong đó số lượng bác sĩ, điều dưỡng kỹ thuật y chiếm 74,4%. Một số đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế có số lượng viên chức thôi việc, bỏ việc cao là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ đóng trên địa bàn TPHCM như: Bệnh viện Chợ Rẫy, Bệnh viện Thống Nhất, Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM. Như vậy, tính chung từ đầu năm 2021 đến 6 tháng đầu năm 2022, toàn ngành có tổng số gần 9.400 viên chức y tế xin thôi việc, nghỉ việc. Trong đó có 8.620 viên chức y tế thuộc thẩm quyền quản lý của các Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và khoảng 780 viên chức y tế thuộc thẩm quyền quản lý của các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Y tế.

Qua phân tích cho thấy có nhiều nguyên nhân khiến cho các cơ sở y tế công lập khó giữ chân cán bộ, viên chức y tế. Thứ nhất do thu nhập, lương và chế độ phụ cấp, đãi ngộ đối với viên chức y tế trong hệ thống y tế công lập thấp, chưa tương xứng với công sức mà họ bỏ ra, nhất là tại các cơ sở y tế dự phòng và y tế cơ sở. Hiện các đơn vị sự nghiệp y tế công lập có nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu là do

ngân sách nhà nước bảo đảm, có nguồn thu sự nghiệp thấp, nhất là trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát, số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh giảm do thực hiện giãn cách xã hội. Mức lương khá thấp hiện nay chỉ đảm bảo một phần nhu cầu của cuộc sống của cán bộ, viên chức y tế, thậm chí có những đơn vị còn xảy ra tình trạng chậm trả lương. Bên cạnh đó, tại các cơ sở y tế công lập, môi trường làm việc, trong đó có việc cung cấp các thiết bị y tế, thuốc men là các điều kiện để lực lượng này hoàn thành công việc tại các bệnh viện chưa thật sự hoàn thiện, chưa phát huy giúp cho năng lực chuyên môn của cán bộ y tế tốt hơn. Trong khi đó hệ thống các bệnh viện tư nhân, phòng khám đa khoa tư nhân tại các địa phương ngày càng phát triển mạnh mẽ, môi trường làm việc thuận lợi, hiện đại, thân thiện, có mức thu nhập cao hơn gấp 3-4 lần, thậm chí có nơi cao gấp 5-6 lần thu nhập của nhân viên y tế tại cơ sở y tế công lập và có chế độ đãi ngộ để thu hút cán bộ nhân viên y tế có trình độ cao, chuyên môn sâu.

Thứ hai, trong hơn 2 năm chống dịch từ khi dịch bệnh Covid-19 bùng phát đến nay, nhiều cán bộ nhân viên y tế phải làm việc với cường độ lớn, áp lực cao trong thời gian dài, trực tiếp đối diện với nguy cơ lây nhiễm cao. Cùng với đó, cán bộ viên chức y tế đồng thời chịu áp lực rất lớn từ người nhà bệnh nhân, thậm chí một số nhân viên y tế còn chịu những hành động đe dọa, bạo lực cả về thể chất và tinh thần. Điều này đã ảnh hưởng không nhỏ, gây tâm lý hoang mang, làm giảm sự nhiệt tình, động lực làm việc của viên chức ngành y tế.

Một khó khăn không nhỏ của ngành Y tế là trong thời gian gần đây là tình trạng thiếu thuốc, vật

tư, thiết bị y tế ảnh hưởng đến công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng này là do những sự vụ xảy ra trong ngành dẫn đến vướng mắc trong triển khai đấu thầu mua sắm, mà nguyên nhân căn bản xuất phát từ việc các thông tư, văn bản hướng dẫn đấu thầu có nhiều thay đổi, nhân lực cho công tác đấu thầu thiếu, chưa được đào tạo chuyên sâu về kiến thức đấu thầu. Đối với thuốc, vướng mắc xuất hiện ngay từ giai đoạn xây dựng giá dự toán, do trong thực tế thuốc là loại hàng hóa đặc biệt có nhiều đặc tính kỹ thuật khác nhau, được phân chia nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm kỹ thuật có đơn giá khác nhau, đơn giá thuốc, vật tư y tế, hóa chất theo từng nhóm kỹ thuật chỉ được xác định khi đến giai đoạn xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu mua sắm. Đối với đấu thầu mua sắm trang thiết bị y tế, vật tư y tế, hóa chất và sinh phẩm, các bệnh viện cũng gặp khó khăn trong quá trình lập và xác định giá gói thầu trong kế hoạch... Vấn đề trên còn đến từ nguyên nhân khách quan là trong thời gian qua, việc chuỗi cung ứng toàn cầu bị đứt gãy, giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng, một số nước áp dụng các biện pháp chống lạm phát... cũng đã tác động tiêu cực đến việc cung ứng và giá thuốc, trang thiết bị, vật tư y tế.

Một trong những nút thắt khác của ngành y là bài toán tự chủ, trong đó một trong ba trụ cột quan trọng của tự chủ bệnh viện là tự chủ về tài chính đang là vấn đề vướng mắc nhất. Theo phản ánh từ các cơ sở y tế, hiện nay, giá dịch vụ y tế chậm điều chỉnh, chưa tính đúng, đủ các chi phí cấu thành giá, gây ảnh hưởng đến hạch toán thu chi của các cơ sở khám, chữa bệnh, nhất là trong bối cảnh các

bệnh viện thực hiện theo cơ chế tự chủ. Tự chủ cũng đang đặt ra câu hỏi lớn cho các cơ sở y tế, đặc biệt là đối với các bệnh viện tuyến Trung ương là làm sao không gây khó khăn hơn cho người bệnh khi chi phí khám chữa bệnh tăng lên trong thực hiện tự chủ.

Ngoài ra còn có những vấn đề tồn tại, bất cập và hạn chế khác như: Tình trạng quá tải vẫn chưa được giải quyết triệt để ở các bệnh viện tuyến cuối; Hệ thống y tế dự phòng còn bộc lộ nhiều hạn chế, nhất là tại tuyến y tế cơ sở...

Trước những khó khăn trên, câu chuyện đi tìm giải pháp là nội dung được đề cập nhiều trong các buổi họp của Chính phủ và ngành Y tế.

Y tế là trụ cột chính trong vấn đề an sinh xã hội. Nếu không sớm tìm giải pháp chặn đứng làn sóng nghỉ việc tại các cơ sở y tế trên cả nước thì sẽ ảnh hưởng rất lớn đến chính sách an sinh xã hội của Việt Nam. Để ngăn chặn làn sóng này, các chuyên gia cho rằng, ngành y tế cần cải thiện 3 yếu tố để "giữ chân" nguồn nhân lực, đó là: Thu nhập, vị trí hợp lý; Chính sách đãi ngộ tốt; Tạo môi trường làm việc thật sự khoa học, thân thiện. Về lâu dài rất cần chính sách mang tầm chiến lược như cải cách tiền lương để cải thiện thu nhập cho cán bộ y tế.

Tại Hội nghị Nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân; chủ động thích ứng linh hoạt, góp phần phục hồi nhanh, phát triển bền vững diễn ra vào cuối tháng 8/2022, một trong những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm Thủ tướng Chính phủ giao cho Bộ Y tế trong thời gian tới là quan tâm động viên, nâng cao chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ y tế. Thủ tướng yêu cầu Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên

quan nghiên cứu, đề xuất các chế độ, chính sách tiền lương, phụ cấp cho cán bộ ngành y tế, hạn chế tình trạng nghỉ việc, chuyển việc; các chính sách ưu đãi đặc thù ngành; chính sách hỗ trợ học viên, sinh viên các ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe; chính sách về công nhận liệt sỹ khi hy sinh và có biện pháp phù hợp, hiệu quả để bảo vệ nhân viên y tế trong khi làm nhiệm vụ.

Thuốc vật tư trang thiết bị y tế có vai trò hết sức quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe cộng đồng, tới công tác phòng, chống dịch, khám chữa bệnh. Với mục tiêu "chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của người dân là trên hết, trước hết", Thủ tướng Phạm Minh Chính cũng chỉ đạo tập trung triển khai quyết liệt các biện pháp, xử lý dứt điểm tình trạng thiếu thuốc, trang thiết bị y tế tại các bệnh viện. Bộ Y tế cùng các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính rà soát và chủ động phối hợp các bộ, ngành liên quan để xây dựng cơ chế đấu thầu thuốc, trang thiết bị y tế bảo đảm nguyên tắc minh bạch, khả thi và tạo sự yên tâm cán bộ thực thi công chức công vụ, tránh tâm lý sợ việc đấu thầu, ảnh hưởng đến sức khỏe nhân dân.

Giải quyết bài toán tự chủ của các cơ sở y tế, Thủ tướng yêu cầu khẩn trương rà soát các quy định về xã hội hóa, hợp tác công - tư, phát triển y tế tư nhân; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ triển khai dự án đầu tư xây dựng cơ sở 2 một số bệnh viện Trung ương và sớm hoàn thành phương án thực hiện chủ trương tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế, để sớm giải quyết nút thắt tự chủ, đặc biệt là những bệnh viện tuyến Trung ương vốn "xương sống" của hệ thống bệnh viện công và của ngành y. Đồng thời, tiếp tục thực hiện lộ trình về

tỷ lệ bao phủ BHYT gắn với giảm chi tiền túi của người dân.

Bên cạnh đó, Thủ tướng đưa ra nhiều nhiệm vụ trọng tâm khác như: Tiếp tục phát huy vai trò nòng cốt, cùng các bộ, ngành, địa phương tiếp tục bám sát tình hình dịch Covid-19; triển khai đồng bộ, hiệu quả chương trình phòng chống dịch Covid-19 và các nội dung về y tế trong chương trình phục hồi và phát triển theo chủ trương của Đảng, các Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ; chủ động, sẵn sàng cho mọi tình huống, dứt khoát không để dịch bệnh bùng phát trở lại. Khẩn trương rà soát, nghiên cứu, kịp thời hoàn thiện hệ thống thể chế, chính sách y tế cho cả trước mắt và lâu dài; ưu tiên đầu tư nguồn lực, thời gian nhiều hơn nữa cho hoạt động này. Quan tâm phát triển hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng kết hợp ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ. Tiếp tục đổi mới lề lối làm việc, cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường phân cấp, phân quyền, công khai, minh bạch và chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Đổi mới và nâng cao hiệu quả thông tin truyền thông liên quan tới bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân. Tận dụng lợi thế của nước ta về dược liệu, tập trung nghiên cứu phát triển công nghiệp dược, ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất thuốc, vaccine trong nước. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về đào tạo nhân lực, tham khảo các kinh nghiệm, quản lý, nhất là chuyển đổi số, phát triển công nghiệp dược...

Sự chỉ đạo của Chính phủ là kim chỉ nam để các bộ, ngành đồng hành cùng bộ Y tế giải quyết những vấn đề tồn tại, vướng mắc hiện nay./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

TP. Đà Nẵng: 3.465 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký đạt 17.498 tỷ đồng

9 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn TP. Đà Nẵng có 3.465 doanh nghiệp (DN) đăng ký thành lập mới với tổng vốn đăng ký đạt 17.498 tỷ đồng, tăng 29,7% về số DN và tăng 28,7% về vốn đăng ký so với cùng kỳ năm 2021; số DN đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh xin tạm ngừng hoạt động là 2.960 DN, tăng 28,9%; DN không thể tiếp tục hoạt động, hoàn tất thủ tục giải thể và xin rút lui khỏi thị trường là 511 DN, giảm 5,7% so với cùng kỳ. Số DN tạm ngừng đã quay trở lại hoạt động trong 9 tháng qua tăng lên đáng kể, với 1.815 DN, tăng 39,2% so với cùng kỳ năm 2021. Đây là tín hiệu đáng mừng, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề về làm cho người lao động.../.

Nguồn: Cục Thống kê TP. Đà Nẵng

Hà Tĩnh: Hoạt động kinh doanh vận tải, kho bãi tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước

Theo Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh, 9 tháng năm 2022, hoạt động kinh doanh vận tải, kho bãi trên địa bàn Tỉnh tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, các tuyến xe liên tỉnh, xe buýt đã hoạt động lại bình thường, hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện, các đơn vị kinh doanh vận tải tập trung đầu tư mạnh cả về chất lượng lẫn số lượng xe giúp cho hoạt động vận tải hành khách và hàng hóa thuận lợi hơn. Cùng với đó là nhu cầu đi lại, tham quan du lịch của người dân trong các dịp lễ tăng cao đã đem lại tín hiệu khởi sắc cho hoạt động kinh doanh vận tải. Tính chung 9 tháng năm 2022, doanh thu vận tải, kho bãi ước đạt 4.201,07 tỷ đồng, tăng 21,18% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vận tải hành khách ước đạt 869,61 tỷ đồng, tăng 21,21%; số lượng hành khách vận chuyển ước đạt 11.000,5 nghìn HK, tăng 14,07% và luân chuyển đạt 1.874,45 triệu HK.km, tăng 15,47%; vận tải hàng hóa ước đạt 2.546,06 tỷ đồng, tăng 29,0%; khối lượng vận chuyển ước đạt 28.583,14 nghìn tấn, tăng 30,27% và luân chuyển ước đạt 727,89 triệu tấn.km, tăng 28,50%. Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải ước đạt 645,16 tỷ đồng, tăng 0,15% so với cùng kỳ năm trước./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Tĩnh

Quảng Ninh: 9 tháng năm 2022, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch tăng so với cùng kỳ năm trước

Trong 9 tháng đầu năm 2022, tỉnh Quảng Ninh mở cửa hoàn toàn du lịch. Tỉnh đã ban hành một số chính sách và nhiều chương trình hỗ trợ kích cầu du lịch năm 2022 để thu hút khách du lịch, đây là điều kiện để Quảng Ninh thu hút du khách và kéo dài thời gian lưu trú, hầu hết khách sạn hạng sang, khu nghỉ dưỡng cao cấp luôn luôn hoạt động với công suất phòng từ 65-80%; Tỷ lệ lấp đầy các tàu tham quan vịnh Hạ Long trong ngày lễ và cuối tuần đạt khoảng 80-90%. 9 tháng năm 2022, doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tỉnh Quảng Ninh ước tăng 54,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú tăng 52,5% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ ăn uống tăng 55,3%. Tổng lượng khách du lịch đến tỉnh Quảng Ninh lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt khoảng 9,1 triệu lượt, tăng 255% so với cùng kỳ; Tổng doanh thu du lịch lũy kế 9 tháng đầu năm 2022 ước đạt 19.635 tỷ đồng, tăng 289% so với cùng kỳ năm 2021./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Quảng Ninh

Hà Giang: Sản xuất thủy sản không có nhiều biến động

Theo Cục Thống kê tỉnh Hà Giang, 9 tháng năm 2022, hoạt động sản xuất thủy sản trên địa bàn tỉnh không có nhiều biến động, tổng sản lượng thủy sản ước tính tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Hiện nay, diện tích nuôi trồng thủy sản tiếp tục có xu hướng tăng so với cùng kỳ, do việc nuôi trồng thủy sản những năm gần đây đưa lại thu nhập khá, góp phần cải thiện đời sống cho người dân, nên đã được nhân dân đẩy mạnh đầu tư thâm canh và không ngừng mở rộng diện tích nuôi trồng.

Ước tính 9 tháng năm 2022, tổng sản lượng thủy sản đạt 1.946 tấn, tăng 4,84% so với cùng kỳ, trong đó sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 1.866 tấn, tăng 4,95%; sản lượng thủy sản khai thác 80 tấn, tăng 3,48% so với cùng kỳ./.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Hà Giang

Thái Bình: 9 tháng năm 2022, toàn tỉnh có 30,4 nghìn lao động có việc làm tăng thêm

Theo Báo cáo của Sở Lao động thương binh và Xã hội, 9 tháng năm 2022, toàn tỉnh có 30,4 nghìn lao động có việc làm tăng thêm (đạt 92,1% kế hoạch năm, bằng 148% so với cùng kỳ năm 2021). Tổ chức 01 lớp

bồi dưỡng cho 72 cán bộ quản lý, nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp cho 25.215 người (đạt 69,85% kế hoạch năm, bằng 107,94% so với năm 2021). Thực hiện hướng dẫn doanh nghiệp xây dựng nội quy lao động và thực hiện các quy định về pháp luật lao động; thực hiện nghiêm túc việc cấp giấy phép cho lao động là người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn doanh nghiệp thực hiện huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) cho người lao động và thực hiện kiểm định, khai báo sử dụng các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về ATVSLĐ. Tiếp nhận và thực hiện chính sách trợ cấp thất nghiệp cho 4.646 lao động./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Bình

Tiền Giang: Sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các khu - cụm công nghiệp ổn định đạt và vượt kế hoạch

Theo Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang, 9 tháng năm 2022, tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong các khu - cụm công nghiệp hoạt động ổn định đạt và vượt kế hoạch đề ra. Cụ thể, khu công nghiệp (KCN) tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương quy hoạch 7 KCN với tổng diện tích 2.083,5 ha, trong đó có 4 KCN được thành lập và đi vào hoạt động. Trong 9 tháng năm 2022, Ban Quản lý các KCN cấp 05 giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mới, tổng vốn đầu tư đăng ký 36,48 triệu USD, diện tích đất cho thuê là 8,56 ha. Lũy kế đến nay các KCN Tiền Giang đã thu hút được 109 dự án (trong đó có 81 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài) với tổng vốn đầu tư 2,3 tỷ USD và 4.645,9 tỷ đồng, diện tích thuê 525 ha/767,2 ha, đạt 68,4% diện tích đất công nghiệp cho thuê.

Về cụm công nghiệp (CCN), trên địa bàn tỉnh có 27 CCN được quy hoạch, trong đó có 5 CCN đang hoạt động. Tổng số dự án đầu tư tại các CCN đến nay là 79 dự án (trong đó: Có 6 dự án đầu tư nước ngoài) với tổng vốn đầu tư 0,2 tỷ USD và 2.306 tỷ đồng, diện tích thuê đất là 88,7 ha, tỷ lệ lấp đầy đạt 73,6%./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tiền Giang

CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG 9 THÁNG...

(Tiếp theo trang 12)

Ngoài ra, thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ do nhà nước quản lý cũng sẽ có thể tác động mạnh tới CPI. Tháng 9 năm nay bắt đầu vào năm học mới 2022-2023, thực hiện miễn giảm học phí của nhiều địa phương trong năm học 2021-2022 đã kết thúc, đồng thời một số địa phương thực hiện tăng học phí theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân đã khiến cho chỉ số giá dịch vụ giáo dục tháng 9 năm nay tăng tới 8,9% so với cùng kỳ năm trước và sẽ tiếp tục tác động đến những tháng tiếp theo của năm học 2022-2023. Dịch vụ y tế nếu được điều chỉnh giá theo lộ trình cũng sẽ tác động tới CPI trong thời gian tới.

Kiến nghị giải pháp

Nhằm kiểm soát lạm phát những tháng còn lại của năm 2022 cũng như tạo nền tảng thuận lợi cho việc kiểm soát lạm phát trong năm 2023, Tổng cục Thống kê kiến nghị một số giải pháp điều hành như sau:

- Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả, lạm phát trên thế giới, kịp thời cảnh báo các nguy cơ ảnh hưởng đến giá cả, lạm phát của Việt Nam để có các biện pháp ứng phó phù hợp nhằm đảm bảo nguồn cung, bình ổn giá trong nước.

- Các bộ, ngành, địa phương phải chuẩn bị đầy đủ nguồn hàng nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu của người dân đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu. Đối với mặt hàng thịt lợn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần chú trọng công tác bảo đảm nguồn cung, nhất là giai đoạn cuối năm. Bộ Công Thương và các địa phương phải tăng cường kiểm soát các khâu trung gian, lưu thông trên thị trường nhằm ổn định giá của mặt hàng này.

- Đối với mặt hàng xăng dầu, cần phải đảm bảo nguồn cung xăng dầu trong nước, không để xảy ra gián đoạn nguồn cung. Đồng thời nghiên cứu các giải pháp giảm thuế để chia sẻ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong giai đoạn giá xăng dầu tăng cao. Cần kiểm soát giá các loại nguyên vật liệu đầu vào, tăng cường sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước dần thay thế nguồn nhập khẩu.

- Cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng; phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra, đặc biệt bảo đảm cung ứng đầy đủ, kịp thời vốn tín dụng cho nền kinh tế nhưng không chủ quan với rủi ro lạm phát.

- Tăng cường công tác thông tin, truyền thông nhằm đưa thông tin kịp thời, minh bạch, tạo sự đồng thuận trong dư luận đối với công tác điều hành giá của Chính phủ, ổn định tâm lý người tiêu dùng và ổn định kỳ vọng lạm phát./



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2021 - CƠ SỞ TRỰC THUỘC CƠ SỞ KINH TẾ HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN KHÁ

Thực hiện Quyết định số 307/QĐ-TTg ngày 27/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, từ tháng 3/2021 đến tháng 12/2021, cuộc Tổng điều tra kinh tế được triển khai tập trung, thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2021 đã phác họa xu hướng phát triển của các cơ sở trực thuộc cơ sở kinh tế HCSN, góp phần giúp phục vụ xây dựng, ban hành chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, vùng và liên vùng, phát triển nguồn nhân lực sát với tình hình thực tiễn để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021-2025) và 10 năm (2021-2030) theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII.

Theo kết quả TĐT kinh tế năm 2021, số lượng và lao động trong các cơ sở trực thuộc cơ sở kinh tế hành chính sự nghiệp năm 2020 tiếp tục tăng so với năm 2016, nhưng tốc độ tăng có xu hướng chậm hơn nhiều so với kỳ Tổng điều tra trước.

Số lượng cơ sở trực thuộc các đơn vị điều tra năm 2020 đạt gần 6,2 triệu cơ sở, tăng 8,3% (tăng 470,8 nghìn cơ sở) so với năm 2016, thấp hơn mức tăng 18,0% của năm 2016 so với năm 2011; bình quân mỗi năm số lượng cơ sở tăng 2,0%/năm trong giai đoạn 2016-2020. Trong đó, các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã có tốc độ tăng cao nhất với mức 26,5%; các cơ sở thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp tăng 14,2%; cơ sở

tín ngưỡng, tôn giáo tăng 9,6%; và cơ sở SXKD cá thể tăng thấp nhất, tăng 5,9% so với năm 2016.

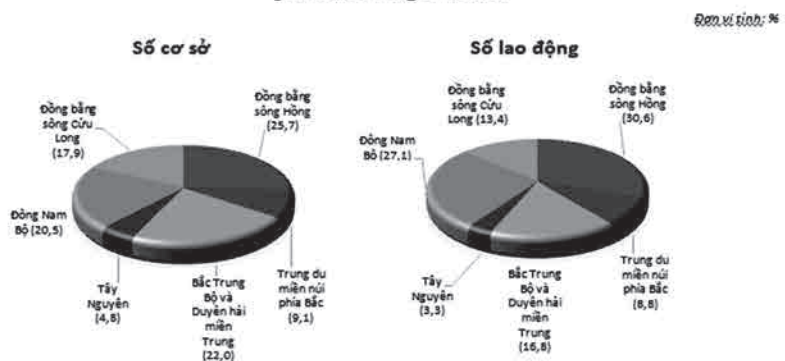
Lao động làm việc trong các cơ sở trực thuộc đơn vị điều tra trong năm 2020 đạt 27,5 triệu người, tăng 3,9% (tăng 1,0 triệu người) so với năm 2016, thấp hơn nhiều so với mức tăng 20,7% của năm 2016 so với năm 2011; bình quân hằng năm trong giai đoạn 2016-2020 tăng 1,0%/năm. Trong đó, lao động trong các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã tăng 3,9%; các cơ sở SXKD cá thể tăng 5,2%; cơ sở thuộc đơn vị hành chính, sự nghiệp tăng 0,6% và các cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng tăng 19,2% so với năm 2016.

Bình quân một đơn vị điều tra có 1,02 cơ sở trực thuộc, trong đó cứ 1 doanh nghiệp, hợp tác xã thì có 1,06 cơ sở trực thuộc, thấp hơn mức 1,1 của năm 2016, phản ánh xu hướng thu hẹp quy mô SXKD của các doanh nghiệp trong năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Số lượng cơ sở và lao động trong các cơ sở trực thuộc tập trung nhiều nhất tại vùng Đồng bằng sông Hồng, tuy nhiên Đông Nam Bộ vẫn là vùng thu hút nhiều cơ sở trực thuộc doanh nghiệp nhất cả nước.

Vùng Đồng bằng sông Hồng tập trung đông nhất số cơ sở với gần 1,6 triệu cơ sở, chiếm 25,7%; thu hút trên 8,4 triệu lao động, chiếm 30,6%. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có trên 1,3 triệu cơ sở, chiếm 22,0% và thu hút 4,6 triệu lao động, chiếm 16,8%. Vùng Đông Nam Bộ có gần 1,3 triệu cơ sở, chiếm 20,5%; thu hút gần 7,5 triệu lao động, chiếm 27,1% và là vùng có số cơ sở trực thuộc doanh nghiệp nhiều nhất. Đồng bằng sông Cửu Long tập trung gần 1,1 triệu cơ sở, chiếm 17,9% với 3,7 triệu lao động, chiếm 13,4%. Vùng Trung du và miền núi phía Bắc có 558,2 nghìn cơ sở, chiếm 9,1% và thu hút hơn 2,4 triệu lao động, chiếm 8,8%. Vùng Tây Nguyên có số lượng cơ sở và lao động thấp nhất cả nước, lần lượt là 295,8 nghìn cơ sở và 911,2 nghìn lao động, chiếm tỷ trọng tương ứng là 4,8% và 3,3%.

Biểu đồ 1. Cơ cấu số lượng cơ sở và lao động trực thuộc đơn vị điều tra phân theo vùng năm 2020



Nguồn: Tổng cục Thống kê



Lao động bình quân một cơ sở trực thuộc đơn vị điều tra có xu hướng giảm dần so với năm 2016, trong đó quy mô lao động trong các cơ sở thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã giảm mạnh nhất.

Lao động bình quân một cơ sở năm 2020 đạt 4,5 người, giảm 0,2 người so với năm 2016. Trong đó, lao động bình quân một cơ sở thuộc đơn vị hành chính sự nghiệp là 23,2 người; doanh nghiệp và hợp tác xã là 20 người; các cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo là 3,6 người; cơ sở cá thể là 1,7 người. Ngoài cơ sở tín ngưỡng, tôn giáo có sự tăng lên về lao động bình quân (tăng 0,3 người), còn lại các đơn vị điều tra khác đều giảm so với năm 2016. Cụ thể, lao động trong cơ sở trực thuộc doanh nghiệp, hợp tác xã giảm 4,3 người; cơ sở hành chính sự nghiệp giảm 2,7 người; cơ sở cá thể giảm 0,01 người.

Các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đa địa điểm chiếm tỷ trọng thấp, phản ánh thực trạng doanh nghiệp Việt Nam vẫn chủ yếu là các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ.

Cơ sở trực thuộc doanh nghiệp năm 2020 đạt 727,6 nghìn cơ sở, trong đó cơ sở thuộc doanh nghiệp đơn địa điểm chiếm tới 77,5%. Các cơ sở thuộc doanh nghiệp đơn địa điểm tập trung chủ yếu ở khu vực Dịch vụ, chiếm 67,5%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 31,6%; và khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản chỉ chiếm 0,9%. Các cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đa địa điểm chiếm 22,5% tổng số cơ sở thuộc doanh nghiệp, trong đó, các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực Dịch vụ có nhiều cơ sở trực thuộc nhất, chiếm tới 84,5%; khu vực Công nghiệp - Xây dựng chiếm 14,7% và khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng rất nhỏ với mức 0,8%.

Quy mô lao động bình quân một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp chênh lệch lớn giữa cơ sở trực thuộc doanh nghiệp đơn địa điểm và đa địa điểm.

Lao động bình quân một cơ sở trực thuộc doanh nghiệp năm 2020 đạt 20,2 người, trong đó, lao động trong các cơ sở thuộc doanh nghiệp đơn địa điểm là 14,2 người, thấp hơn nhiều so với mức 40,9 người của các cơ sở thuộc doanh nghiệp đa địa điểm.

Khu vực Công nghiệp - Xây dựng có lao động bình quân trong một cơ sở thuộc doanh nghiệp cao nhất trong ba khu vực và đạt 45,8 người; tiếp theo là khu vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản là 34,2 người; khu vực Dịch vụ có lao động bình quân thấp nhất là 10,1 người./.

Bích Ngọc

Trong hai năm qua, ngành bán lẻ toàn cầu đã phải trải qua nhiều biến động và gián đoạn lớn bởi những ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, buộc phải đẩy nhanh các nỗ lực chuyển đổi kỹ thuật số để duy trì hoạt động và đã đạt được những thành công nhất định. Tuy nhiên, khi nỗi lo dịch bệnh chưa hoàn toàn biến mất, các nhà bán lẻ lại phải đối mặt với những rủi ro tiềm ẩn từ khả năng kinh tế toàn cầu rơi vào suy thoái cũng như tỷ lệ lạm phát cao chưa từng có trong nhiều thập kỷ qua. Vì vậy, để vượt qua giai đoạn khó khăn này, ngành bán lẻ toàn cầu tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ kỹ thuật số, để không chỉ thúc đẩy Ngành phát triển, mà còn điều hướng hoạt động khi lạm phát quá “nóng” đe dọa đến lợi nhuận của mình. Sau đây là những xu hướng công nghệ mà các doanh nghiệp ngành bán lẻ toàn cầu đang hướng tới nhằm vượt qua cơn “bão giá”.

Cửa hàng không quầy thu ngân

Amazon đã đi trước thời đại khi tung ra chuỗi cửa hàng tiện lợi Amazon GO vào năm 2018. Khi đó, ý tưởng về việc người mua sắm chỉ cần vào cửa hàng, chọn sản phẩm muốn mua và rời đi mà không cần xếp hàng chờ đợi ở quầy thu ngân dường như còn khá mới mẻ đối với người tiêu dùng.

Tuy nhiên, giờ đây, việc lắp thêm các cảm biến vào cửa hàng để kích hoạt loại hình mua sắm này đang trở nên hợp lý hơn sau một đại dịch toàn cầu. Không chỉ vậy, ý tưởng về loại hình cửa hàng như Amazon GO cũng hấp dẫn các nhà bán lẻ, đặc biệt khi họ phải chịu những tác động nặng nề nhất từ “làn sóng” lao động nghỉ việc trong và sau mùa dịch.

Việc chuyển sang đầu tư công nghệ trên sẽ chiếm khoản vốn ban đầu lớn, nhưng sẽ mang lại nhiều giá trị về lâu dài cho doanh nghiệp. Trước tiên, nó có thể giúp cắt giảm chi tiêu khi so với khoản chi trả hàng năm cho nhân viên thu ngân - vốn là vị trí dễ biến động nhân sự và cần thời gian đào tạo người mới. Ngoài ra, về phần những nhân viên của nhà bán lẻ, họ có thể dành nhiều thời gian hơn để nâng cao nghiệp vụ khác, hay giúp cải thiện trải nghiệm mua sắm của khách tại cửa hàng và từ đó gia tăng lượng khách hàng trung thành.

Kệ hàng và kho lưu trữ thông minh

Kệ hàng và kho lưu trữ thông minh được hỗ trợ bởi công nghệ Trí tuệ nhân tạo (AI) đang ngày một thu hút sự chú ý của ngành bán lẻ, vì công nghệ này có thể được áp dụng cho toàn bộ chuỗi cung ứng.

Những kệ và kho này có thể kiểm đếm hàng hóa trong thời gian thực rồi gửi thông tin đó đến các trang web và ứng dụng liên quan, từ đó giúp các



Những xu hướng công nghệ GIÚP NGÀNH BÁN LẺ TOÀN CẦU VƯỢT "BÃO GIÁ"

Tiến Long

cửa hàng và người mua sắm tra cứu thông tin về sản phẩm một cách dễ dàng. Khách hàng có thể biết rằng sản phẩm này đã hết tại địa điểm A, nhưng có sẵn ở địa điểm B gần đó và họ có thể đặt hàng ngay trong ngày.

Các doanh nghiệp công nghệ như Qualcomm đã và đang nỗ lực phát triển công nghệ này. Qualcomm đã thông báo về sản phẩm kệ thông minh được trang bị công nghệ định giá, định vị địa lý linh hoạt tại Triển lãm bán lẻ Mỹ (NRF) năm 2022 với hy vọng giúp các nhà bán lẻ ứng phó nhiều vấn đề về giá cả và hàng tồn kho. Khi được ứng dụng thực tế, công nghệ này sẽ cải thiện đáng kể trải nghiệm cho cả phía doanh nghiệp lẫn người tiêu dùng.

Tiếp thị đa kênh xóa nhòa khoảng cách thực - ảo

Một trong những xu hướng bán lẻ đáng chú ý gần đây là sự phân cách giữa mua sắm trực tiếp tại cửa hàng hay trên các nền tảng thương mại điện tử đã nhòa dần. Giờ đây, người tiêu dùng mua sắm ở bất cứ nơi nào thuận tiện cho họ. Do vậy, các nhà bán lẻ cần có khả năng tiếp cận khách hàng mọi lúc mọi nơi - bao gồm trên các phương tiện truyền thông xã hội,

trang web, trang thương mại điện tử, báo hiệu định vị địa lý thông minh, thư điện tử cùng một số cách khác.

Để làm được điều này, các doanh nghiệp cần thu thập dữ liệu và đầu tư vào các công cụ quản lý dữ liệu khách hàng để có thể khai thác các thông tin chi tiết. Những nhà bán lẻ có thể gửi đúng thông điệp đến đúng khách hàng vào đúng thời điểm sẽ có khả năng chống chọi tốt hơn trước một cuộc suy thoái kinh tế. Ngược lại, những bên không tiếp cận với loại công nghệ này sẽ bị bỏ lại phía sau.

Tìm kiếm cơ hội từ metaverse (vũ trụ ảo)

Mặc dù metaverse vẫn cần nhiều năm nữa để trở thành một xu hướng chủ đạo trên môi trường Internet, vẫn có không ít người đang sử dụng nó ngay bây giờ - đồng nghĩa họ đang tiêu tiền và thời gian cho "vũ trụ ảo" này. Cửa hàng Nike trên metaverse đã báo cáo tiếp nhận hơn 7 triệu lượt khách chỉ trong sáu tháng - một con số khổng lồ nhà nhiều nhà bán hàng mơ ước.

Các cửa hàng thực sẽ không hoàn toàn biến mất, nhưng metaverse và thị trường thương mại

kỹ thuật số sẽ ngày một có giá trị. Dù một cuộc suy thoái có khả năng đến sớm hơn nhiều thời điểm metaverse được triển khai rộng rãi, vũ trụ ảo này sẽ còn tồn tại trong tương lai xa. Ngành bán lẻ cần hiểu tiềm năng mà metaverse nắm giữ và bắt đầu lập kế hoạch ngay bây giờ.

Thế giới đã thay đổi rất nhiều trong hai năm qua. Trạng thái "bình thường mới" đang thúc đẩy tốc độ phát triển của công nghệ cùng những ứng dụng mới của chúng. Đồng thời, nền kinh tế toàn cầu cũng đang có mức độ bất ổn chưa từng thấy kể từ năm 2008 và đang đối mặt khả năng rơi vào một cuộc suy thoái không mong muốn.

Một điều mà nhiều doanh nghiệp đã học được từ đại dịch COVID-19 là việc áp dụng công nghệ phù hợp sẽ cho phép họ linh hoạt điều chỉnh hoạt động và tăng khả năng phục hồi để vượt qua giai đoạn tối tệ nhất. Tương lai còn rất nhiều điều không chắc chắn, nhưng áp dụng công nghệ đúng cách, phù hợp với thực tế chắc chắn sẽ giúp các doanh nghiệp đối phó với những bất ổn đó tốt hơn./.

TỔNG QUAN DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI

QUÝ III VÀ CẢ NĂM 2022

I. XU HƯỚNG KINH TẾ VĨ MÔ TOÀN CẦU

1. Các tổ chức quốc tế hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 so với dự báo đưa ra trước đó

Tính đến thời điểm tháng 9/2022, tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2022 được điều chỉnh giảm so với các dự báo đưa ra trước đó. Theo Ngân hàng Thế giới (WB), dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2022 và 2023 đã bị hạ thấp đáng kể so với thời điểm đầu năm 2022. Vào tháng 01/2022, WB dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2022 và 2023 là 4,1% và 3,3%. Đến tháng 8/2022, các dự báo này đã bị hạ xuống còn 2,8% và 2,3% cho năm 2022 và 2023. Theo đó, hơn 90% các nền kinh tế phát triển và 80% các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi đều bị hạ dự báo tăng trưởng đối với năm 2022 và 2023.

Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 7/2022 của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) nhận định tăng trưởng toàn cầu năm 2022 đạt 3,2%, thấp hơn 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 4/2022. Theo báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu tháng 9/2022, Fitch Ratings nhận định cuộc khủng hoảng khí đốt ở châu Âu, lạm phát cao và chính sách thắt chặt tiền tệ

toàn cầu đang ảnh hưởng nặng nề đến triển vọng kinh tế thế giới. Fitch Ratings đã cắt giảm mạnh dự báo tăng trưởng, theo đó GDP toàn cầu năm 2022 được dự báo tăng 2,4%, điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2022.

Trong Báo cáo sơ bộ Triển vọng kinh tế ngày 26/9/2022, Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) nhận định kinh tế toàn cầu mất đà tăng trưởng trong năm 2022. Sau khi phục hồi mạnh mẽ từ đại dịch Covid-19, tăng trưởng của kinh tế thế giới bị ảnh hưởng mạnh bởi cuộc xung đột ở U-crai-na, các đợt bùng phát liên tục của dịch Covid-19 tại một số khu vực trên thế giới và áp lực tăng giá năng lượng và thực phẩm. GDP toàn cầu trì trệ trong Quý II/2022 và giá trị sản xuất của các nền kinh tế G20 đều giảm. OECD vẫn giữ nguyên dự báo tăng trưởng của thế giới trong năm 2022 (so với dự báo trong tháng 6/2022), ở mức 3%, nhưng hạ dự báo tăng trưởng toàn cầu năm 2023 xuống mức 2,2% (giảm 0,6 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 6/2022).

2. Tổng quan biến động thị trường thế giới

Thương mại hàng hóa toàn cầu suy giảm trong nửa cuối năm 2022. Thước đo thương mại hàng

hóa của Tổ chức thương mại thế giới tháng 8/2022 cho thấy thương mại hàng hóa toàn cầu tiếp tục tăng trưởng trong Quý II/2022 nhưng tốc độ tăng chậm hơn so với Quý I và có khả năng tiếp tục yếu đi trong nửa cuối năm 2022. Số liệu dự báo dự kiến sẽ được điều chỉnh giảm do xung đột đang diễn ra ở U-crai-na, áp lực lạm phát gia tăng và chính sách thắt chặt tiền tệ ở các nền kinh tế phát triển.

Giá cả và lạm phát tăng. Theo WB, những cú sốc do nguồn cung đã gây ra biến động mạnh trên thị trường năng lượng toàn cầu. Xung đột tại U-crai-na đã làm gián đoạn đáng kể hoạt động thương mại và sản xuất các mặt hàng năng lượng. Cú sốc năng lượng hiện nay sẽ gây ra những hậu quả đáng kể cho tăng trưởng toàn cầu.

Theo WB, thị trường hàng hóa tiếp tục biến động. Giá dầu thô Brent giảm xuống dưới 100 USD/thùng vào giữa tháng 7/2022, chủ yếu do hoạt động kinh tế toàn cầu đang chậm lại. Giá khí đốt tự nhiên của châu Âu tăng khi Nga cắt giảm xuất khẩu khí đốt sang châu Âu. Giá kim loại giảm mạnh trong bối cảnh lo ngại về nhu cầu của Trung Quốc giảm và tăng trưởng toàn cầu yếu.

Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của Tổ chức lương thực và

nông nghiệp Liên hợp quốc (FFPI) đạt 138,0 điểm vào tháng 8/2022, giảm 2,7 điểm (1,9%) so với tháng 7/2022. Tuy giảm nhưng chỉ số này vẫn cao hơn 10,1 điểm (7,9%) so với cùng kỳ năm trước. Tất cả năm chỉ số phụ của FFPI đều giảm nhẹ trong tháng 8/2022. IMF nhận định giá lương thực, thực phẩm toàn cầu đã ổn định trong những tháng gần đây nhưng vẫn cao hơn nhiều so với năm 2021. Theo IMF, lạm phát năm 2022 được dự báo tăng 6,6% ở các nền kinh tế phát triển và 9,5% ở thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, điều chỉnh tăng lần lượt là 0,9 và 0,8 điểm phần trăm, dự kiến sẽ còn tăng cao hơn nữa.

Điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng thắt chặt. Theo WB, các điều kiện tài chính toàn cầu ngày càng xấu đi, phản ánh chính sách thắt chặt tiền tệ trên toàn thế giới và sự lo lắng về rủi ro ngày càng tăng. Tại các nền kinh tế phát triển, lợi suất trái phiếu chính phủ có nhiều biến động. Đồng đô la Mỹ tăng mạnh so với các đồng tiền của các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi.

IMF nhận định các điều kiện tài chính thắt chặt hơn gây ra tình trạng khó khăn về nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển.

Theo OECD, lạm phát tiến tới trên mức mục tiêu khiến các ngân hàng trung ương phản ứng mạnh mẽ hơn, dẫn đến thắt chặt các điều kiện tài chính. Thị trường chứng khoán ở nhiều nơi trên thế giới đã giảm mạnh, lợi suất trái phiếu danh nghĩa tăng, đồng đô la Mỹ tăng giá đáng kể.

Một số nhân tố rủi ro tác động tới triển vọng kinh tế thế giới

Theo IMF, rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng toàn cầu là lớn và nghiêng về xu hướng làm giảm

tăng trưởng. Những rủi ro nổi bật nhất bao gồm:

Thứ nhất, cuộc xung đột ở U-crai-na làm tăng giá năng lượng. Việc ngừng hoàn toàn xuất khẩu khí đốt của Nga sang các nền kinh tế châu Âu vào năm 2022 sẽ làm tăng đáng kể lạm phát trên toàn thế giới do giá năng lượng cao hơn.

Thứ hai, lạm phát vẫn ở mức cao. Các cú sốc liên quan đến nguồn cung đối với giá lương thực và năng lượng từ cuộc xung đột ở U-crai-na có thể làm tăng mạnh lạm phát và tác động tới lạm phát cơ bản, dẫn đến việc thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa. Giá lương thực và năng lượng tăng gây khó khăn, đói kém và bất ổn trên diện rộng, không chỉ đe dọa đến tăng trưởng kinh tế, mà còn ảnh hưởng tới ổn định xã hội ở nhiều quốc gia.

Thứ ba, điều kiện tài chính thắt chặt hơn gây ra tình trạng khó khăn về nợ ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển.

Thứ tư, suy giảm tăng trưởng của Trung Quốc vẫn tiếp diễn sẽ ảnh hưởng đến các nền kinh tế khác.

Thứ năm, trong trung hạn, xung đột ở U-crai-na sẽ phân chia nền kinh tế thế giới thành các khối địa chính trị với các tiêu chuẩn công nghệ khác biệt, hệ thống thanh toán xuyên biên giới và tiền tệ dự trữ.

II. TĂNG TRƯỞNG CỦA MỘT SỐ NỀN KINH TẾ

1. Hoa Kỳ. Theo UNDESA, tăng trưởng của nền kinh tế Hoa Kỳ được dự báo chỉ đạt 1,5% trong năm 2022, điều chỉnh giảm 1,1 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 06/2022 trong bối cảnh lạm phát cao, các điều kiện thị trường lao động khó khăn và Cục dự trữ liên bang Hoa Kỳ (Fed) thắt chặt chính sách tiền tệ. Fed đã nâng lãi suất chính sách chủ yếu từ

0 - 0,25% trong tháng 3/2022 lên 3% - 3,25% trong tháng 9/2022. Đây là lần tăng lãi suất thứ 5 trong năm nay và là lần thứ 3 liên tiếp Fed tăng lãi suất 0,75 điểm phần trăm. Các quan chức của Fed dự báo lãi suất có thể lên đến 4,4% trong năm 2022.

Theo IMF, tăng trưởng GDP của nền kinh tế Hoa Kỳ năm 2022 dự báo đạt 2,3%, điều chỉnh giảm 1,4 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 4/2022. ADB điều chỉnh giảm tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ xuống 1,6% từ mức dự báo 3,9% đưa ra trong tháng 4/2022. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ chỉ đạt 1,7% năm 2022, điều chỉnh giảm 1,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2022. OECD dự báo tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ đạt 1,5% năm 2022, điều chỉnh giảm 1,0 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2022.

Chỉ số nhà quản trị mua hàng tổng hợp (PMI) trong tháng 8/2022 của Hoa Kỳ được điều chỉnh giảm nhẹ so với số ước tính sơ bộ, ở mức 44,6 điểm. Chỉ số này phản ánh tháng giảm thứ hai liên tiếp của hoạt động kinh doanh khu vực tư nhân và là mức giảm mạnh nhất kể từ tháng 5/2020.

Trading Economics dự báo tăng trưởng GDP của Hoa Kỳ Quý III/2022 tăng 0,3% so với quý trước và tăng 1,3% so với cùng kỳ năm trước.

2. Khu vực đồng Euro. UNDESA dự báo GDP của khu vực đồng Euro tăng 2,5% năm 2022, điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 6/2022. ADB điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng cho khu vực đồng Euro năm 2022 xuống còn 2,5%, giảm 0,8 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra vào tháng 4/2022. Dự báo lạm phát của khu vực đồng Euro

ở mức 7,9% trong năm 2022. Theo IMF, tăng trưởng GDP khu vực đồng Euro dự báo đạt 2,6%, điều chỉnh giảm 0,2 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 4/2022. OECD điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng GDP của khu vực đồng Euro, từ mức 2,6% của dự báo tháng 6/2022 lên mức 3,1%.

Chỉ số PMI tổng hợp trong tháng 8/2022 của khu vực đồng Euro đạt 48,9 điểm, phản ánh mức giảm lớn nhất của hoạt động khu vực tư nhân kể từ tháng 02/2022. Cả ngành dịch vụ và ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đều giảm mạnh.

Theo Trading Economics, GDP Quý III/2022 của khu vực đồng Euro dự báo giảm 0,1% so với Quý II/2022 và tăng 1,0% so với cùng kỳ năm trước.

3. Nhật Bản. ADB điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Nhật Bản xuống còn 1,4% cho năm 2022 từ mức dự báo 2,7% vào tháng 4/2022. Lạm phát được dự báo sẽ tăng 2,1% trong năm 2022. IMF dự báo tăng trưởng GDP của nền kinh tế Nhật Bản đạt 1,7%, điều chỉnh giảm 0,7 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 4/2022. OECD điều chỉnh giảm nhẹ 0,1 điểm phần trăm dự báo tăng trưởng kinh tế Nhật Bản, xuống 1,6% cho năm 2022 từ mức 1,7% đưa ra trong dự báo tháng 6/2022.

Chỉ số PMI tổng hợp tháng 8/2022 của Nhật Bản đạt 49,4 điểm, cao hơn mức sơ bộ 48,9 điểm nhưng thấp hơn mức 50,2 điểm trong tháng 7/2022. Đây là tháng đầu tiên ghi nhận sự sụt giảm trong hoạt động của khu vực tư nhân kể từ tháng 02/2022.

Theo Trading Economics, GDP Quý III/2022 của nền kinh tế Nhật Bản dự báo tăng 0,5% so với Quý II/2022 và tăng 0,8% so với Quý III/2021.

4. Trung Quốc

Theo UNDESA, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc dự báo sẽ chậm lại, đạt khoảng 4% năm 2022. IMF nhận định nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục suy giảm mặc dù có sự phục hồi sau các đợt phong tỏa vào nửa cuối năm 2022, theo đó tăng trưởng GDP của quốc gia này được dự báo đạt 3,3% năm 2022. ADB dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc năm 2022 đạt 3,3%, điều chỉnh giảm 1,7 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra hồi tháng 4/2022. Đây là lần đầu tiên trong hơn 3 thập kỷ dự báo tăng trưởng của Trung Quốc tăng chậm hơn dự báo tăng trưởng chung của các nước châu Á đang phát triển. Fitch Ratings dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc đạt 2,8% năm 2022, điều chỉnh giảm 0,9 điểm phần trăm so với dự báo đưa ra trong tháng 6/2022. Theo OECD, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc năm 2022 bị điều chỉnh giảm mạnh, từ mức 4,4% theo dự báo trong tháng 6/2022 xuống còn 3,2%, giảm 1,2 điểm phần trăm. WB dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc chỉ đạt 2,8% năm 2022, điều chỉnh giảm 2,2 điểm phần trăm từ mức 5,0% của dự báo trong tháng 4/2022.

Chỉ số PMI tổng hợp của nền kinh tế Trung Quốc trong tháng 8/2022 đạt 53,0 điểm. Đây là mức

thấp nhất trong 3 tháng qua do tác động của làn sóng lây nhiễm Covid gần đây và tình trạng thiếu hụt năng lượng sau đợt hạn hán lịch sử.

Theo Trading Economics, GDP Quý III/2022 của nền kinh tế này tăng 1,3% so với quý trước và tăng 0,8% so với cùng kỳ năm 2021.

5. Đông Nam Á

ADB nhận định nhu cầu trong nước mạnh hơn do mở cửa lại thị trường, biên giới và nhu cầu bên ngoài giảm do rủi ro toàn cầu tăng đang định hình tăng trưởng của khu vực Đông Nam Á. Theo ADB, tăng trưởng năm 2022 khu vực Đông Nam Á được điều chỉnh tăng, lên 5,1% so với dự báo 4,9% trong tháng 4/2022 do tăng trưởng mạnh tại In-đô-nê-xi-a, Mi-an-ma và Phi-li-pin. Theo đó, tăng trưởng năm 2022 của In-đô-nê-xi-a đạt 5,4% (tăng 0,4 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 4/2022), Phi-li-pin đạt 6,5% (tăng 0,5 điểm phần trăm), Thái Lan đạt 2,9% (giảm 0,1 điểm phần trăm), Xin-ga-po đạt 3,7% (giảm 0,6 điểm phần trăm), Ma-lai-xi-a đạt 6,0% (giữ nguyên) và Việt Nam giữ nguyên mức 6,5% so với dự báo đưa ra vào tháng 4/2022. WB nâng dự báo tăng trưởng năm 2022 của ASEAN-5 (In-đô-nê-xi-a, Thái Lan, Phi-li-pin, Ma-lai-xi-a và Việt Nam) từ 4,9% (dự báo tháng 4/2022) lên 5,4%.



Dự báo của IMF về tăng trưởng của kinh tế thế giới năm 2022 và 2023

Nguồn: IMF.org



Huyện Tiền Hải phát triển nhanh, bền vững

Tiền Hải là huyện vùng ven biển của tỉnh Thái Bình được thiên nhiên ưu đãi với 23 km bờ biển, có đường quốc lộ 37B và 05 tuyến đường tỉnh dài 49,3 km chạy qua địa bàn...

lại có khu khí mỏ từ xa xưa - cái nôi của ngành Dầu khí Việt Nam, nền kinh tế huyện rất đa dạng, phát triển cả nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ, khai thác kinh tế biển.



Đồng chí Đỗ Văn Trịnh – Phó Chủ tịch UBND huyện Tiền Hải trao đổi thông tin với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện

Phát triển kinh tế - xã hội đồng bộ

10 năm trở lại đây, Tiền Hải chuyển mình mạnh mẽ trong phát triển nông nghiệp. Ông Phạm Văn Vang, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT chia sẻ: “Ngành Nông nghiệp Tiền Hải có cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực, giảm tỷ trọng trồng trọt, tăng tỷ trọng chăn nuôi, thủy sản và dịch vụ nông nghiệp; sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị gắn với tích tụ đất đai; ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, cơ giới hóa được nâng lên. Huyện có xấp xỉ 9.800 ha đất lúa thì có 968 ha thực hiện mô hình cánh đồng mẫu lớn có liên kết bao tiêu sản phẩm. Nhằm khai thác hiệu quả, huyện đã lựa chọn các giống lúa thuần cho năng suất, chất lượng cao như: Giống lúa đặc sản ĐS1, TBR279, Đài thơm 8, Nếp... (đạt trên 45% diện tích). Ngoài ra huyện còn có tiềm năng nuôi trồng thủy hải sản ven biển, các đầm vùng nuôi trồng thủy hải sản đang chuyển đổi theo hướng công nghệ cao, tăng vụ như: Nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú quảng canh, cua và các loại cá đặc sản vùng nước lợ... Bãi triều nuôi ngao trên 1.800 ha cũng cung cấp một sản lượng lớn ngao giống và ngao thịt cho thị trường. Các hoạt động đánh bắt thủy hải sản trên biển khai thác bình quân/năm đạt trên 25.300 tấn”.

Song song việc phát triển nông nghiệp, huyện còn chú trọng đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật

Dự báo tăng trưởng của 5 quốc gia ASEAN trong năm 2022 như sau: In-đô-nê-xi-a giữ nguyên mức tăng trưởng 5,1% như trong dự báo tháng 4/2022; tăng trưởng của Ma-lai-xi-a điều chỉnh tăng 0,9 điểm phần trăm, từ 5,5% lên 6,4%; tăng trưởng của Phi-li-pin điều chỉnh tăng 0,8 điểm phần trăm, từ 5,7% lên 6,5%; tăng trưởng của Thái Lan điều chỉnh tăng 0,2 điểm phần trăm, từ 2,9% lên 3,1%; tăng trưởng của Việt Nam được điều chỉnh tăng cao nhất, từ 5,3% lên 7,2% (tăng 1,9 điểm phần trăm).

Theo Trading Economics, dự báo tăng trưởng QIII/2022 so với cùng kỳ năm trước của In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-li-pin, Thái Lan, Xin-ga-po lần lượt đạt 3,1%, 6,4%, 7,5%, 3,7%, 3%. Tăng trưởng Quý III/2022 so với Quý II/2022 của các quốc gia trên lần lượt là 2%, 1,3%, 0,8%, 0,5% và 1,3%.

6. Việt Nam

Dự báo của WB. WB dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 7,2% trong năm 2022 và 6,7% trong năm 2023. Cùng với việc gỡ bỏ các biện pháp hạn chế đi lại, du khách quốc tế dần quay trở lại, khu vực dịch vụ đang phục hồi mạnh mẽ. Tăng trưởng xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến, chế tạo dự báo sẽ chậm lại trong ngắn hạn khi nhu cầu trên toàn cầu yếu đi. Tuy nhiên, tiêu dùng trong nước mạnh hơn dự kiến sẽ bù đắp cho nhu cầu bên ngoài chững lại.

Dự báo của IMF. IMF nâng dự báo tăng trưởng của Việt Nam lên 7% trong năm 2022 và Việt Nam là quốc gia duy nhất được điều chỉnh tăng đáng kể trong số các nền kinh tế lớn ở châu Á.

Dự báo của ADB. Trong 6 tháng đầu năm 2022, nền kinh tế Việt Nam phục hồi nhanh hơn nhiều so với dự kiến. Sự phục hồi kinh tế dự kiến sẽ tiếp tục trong nửa cuối năm 2022, được hỗ trợ bởi các nền tảng kinh tế mạnh mẽ, chính sách tiền tệ linh hoạt và sự phục hồi nhanh hơn dự kiến trong lĩnh vực sản xuất, dịch vụ và tiêu dùng nội địa từ tháng 7 đến tháng 12. ADB giữ nguyên dự báo tăng trưởng của Việt Nam ở mức 6,5% cho năm 2022 so với dự báo trong tháng 4/2022.

Trading economic dự báo tăng trưởng Quý III/2022 so với cùng kỳ năm trước của Việt Nam đạt 7,2%./.

**Vụ Thống kê Nước ngoài
và Hợp tác quốc tế**

các công trình trọng điểm như: Nhà làm việc Huyện ủy, UBND huyện; Trung tâm bồi dưỡng chính trị; khu tưởng niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh; khu dân cư Trại Diêm 2; đầu tư hỗ trợ 34 trường học; hoàn thành các công trình điện, đường, trường, trạm...ở các xã, thị trấn. Trên 23 km đường huyện, 81 km đường xã được cải tạo mở rộng và rải áp phan; 325 công trình giao thông nông thôn được xây dựng... Huyện vinh dự được Thủ tướng Chính phủ công nhận Huyện đạt chuẩn nông thôn mới (NTM) năm 2019. Thời điểm này, huyện có 03 xã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao, 03 xã chờ thẩm định, công nhận trong thời gian tới; xây dựng và được công nhận 06 sản phẩm OCOP, trong đó có 02 sản phẩm được công nhận 4 sao.

Sẵn sàng tiếp nhận, khai thác hiệu quả các dự án

Với vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, an ninh - quốc phòng của tỉnh Thái Bình cũng như vùng duyên hải Bắc bộ đã mở ra cho Tiền Hải nhiều cơ hội cùng các dự án lớn được tỉnh triển khai đầu tư xây dựng như: Dự án Khu kinh tế ven biển của tỉnh Thái Bình (có 15 xã nằm trong khu kinh tế) quy mô 05 khu công nghiệp (KCN), các khu thương mại, dịch vụ, khu đô thị và các khu chức năng; Dự án tuyến đường bộ ven biển và các tuyến đường kết nối Khu kinh tế với các vùng phụ cận.

Trao đổi với phóng viên, ông Đỗ Văn Trịnh, UV BCH Đảng bộ

huyện, Phó Chủ tịch UBND huyện Tiền Hải nhấn mạnh: “Tiền Hải được tỉnh lựa chọn là nơi phát triển kinh tế trọng điểm, cũng là huyện đi đầu trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, huyện đã xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế đồng bộ, sẵn sàng tiếp thu các dự án. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện đã xác định công nghiệp là ngành kinh tế mũi nhọn, tỷ trọng ngành công nghiệp được đẩy lên cao, phấn đấu đạt trên 60%, Huyện cũng mạnh dạn đưa vào tốc độ tăng trưởng kinh tế thời gian tới đạt 15%/năm trở lên”.

Theo đó, huyện tập trung cao độ công tác cải cách hành chính, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước; xúc tiến đầu tư theo hướng trọng tâm; rà soát, chủ động, tích cực phối hợp cùng các ban, ngành của tỉnh, các chủ đầu tư đẩy nhanh quá trình thực hiện hoàn thiện các quy hoạch tạo cơ sở pháp lý làm tiền đề phát triển kinh tế - xã hội của huyện và các địa phương như: Quy hoạch chung khu Kinh tế Thái Bình, các phân khu chức năng trong khu kinh tế: Khu du lịch sinh thái sân golf Cồn Vành, Cồn Thủ, Khu Cảng Ba Lạt, Khu Nuôi trồng thủy sản công nghệ cao, KCN đô thị dịch vụ Hải Long...; quy hoạch vùng huyện, thị trấn Tiền Hải và vùng phụ cận; điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch xây dựng NTM các xã... Ưu tiên các công trình đầu mối như: Hạ tầng giao thông, điện, nước đối với các KCN, Cụm công nghiệp (CCN)... xem đây là khâu then chốt để thu hút các dự án đầu tư lớn, dự án công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ. Quản lý chặt chẽ quỹ đất trong khu quy hoạch, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng KCN Tiền Hải (diện tích 466 ha); 05 CCN (Trà Lý, Cửa Lân, An Ninh, Tây An, Nam Hà với tổng diện tích 298,3 ha). Vì vậy,

giá trị xây dựng giai đoạn 2015-2021 có nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 21,47%/năm (điển hình năm 2020 giá trị xây dựng đạt 2.875 tỷ đồng, nguồn vốn từ ngân sách là 380 tỷ đồng, ngoài ngân sách là 2.495 tỷ đồng).

Công tác quản lý đầu tư xây dựng được huyện tăng cường, kiểm soát chặt chẽ, chỉ đạo các cấp, ngành, các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về tăng cường quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, đặc biệt là công tác chính trị tư tưởng trong nhân dân chuẩn bị tâm thế trong việc giải phóng mặt bằng cho các dự án trên địa bàn, thu hồi đất để giao cho các nhà đầu tư, đảm bảo đúng tiến độ. Tính đến tháng 6 năm 2020, huyện đã có 74 dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư, tổng vốn đăng ký đầu tư là 11.240,8 tỷ đồng, tổng vốn thực hiện là 6.643,4 tỷ (35 dự án đã đi vào hoạt động, 22 dự án đang xây dựng, 15 dự án đang chờ thủ tục về đất đai). Nhiều dự án lớn như: Cơ sở hạ tầng KCN Tiền Hải, CCN An ninh... của nhà đầu tư Tổng Công ty Viglacera đã thúc đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

Đến nay, tỷ lệ lấp đầy Khu công nghiệp đạt trên 61% đã đưa giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp huyện có nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 21,9%/năm, tăng 3,64% so với mục tiêu Đại hội (điển hình năm 2020 ước đạt 10.048 tỷ đồng), giải quyết việc làm cho trên 20.000 lao động, mức thu nhập bình quân trên 5-7 triệu đồng/người/tháng.

Trên nền tảng đã có, phát huy truyền thống cách mạng vẻ vang của quê hương, với tinh thần đổi mới, sáng tạo, tranh thủ mọi cơ hội, thời gian tới, chắc chắn Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Tiền Hải sẽ gặt hái nhiều thành công hơn nữa, xây dựng địa phương phát triển nhanh, bền vững./

Ngô Thị Thủy



Khu công nghiệp Tiền Hải, Thái Bình được đầu tư xây dựng mở rộng hạ tầng đồng bộ, nhiều cây xanh



THÁI BÌNH - ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN GẮN VỚI XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

Nguyễn Mạnh Khương

Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Thái Bình

Những kết quả nổi bật trong tái cơ cấu ngành Nông nghiệp

Ngay từ năm 2015, Sở Nông nghiệp và PTNT Thái Bình đã chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp tỉnh Thái Bình đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 với mục tiêu: Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp để nâng cao giá trị gia tăng, chất lượng và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm nông nghiệp; đảm bảo phát triển bền vững và nâng cao thu nhập cho hộ nông dân thông qua việc đẩy mạnh ứng dụng quy trình kỹ thuật tiên tiến, tăng quy mô hộ sản xuất, phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng chuỗi giá trị liên kết giữa các tác nhân, nhất là giữa doanh nghiệp và các hộ nông dân. Theo đó, trên cơ sở thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành Nông nghiệp và các Chương trình, kế hoạch đã đề ra, trong thời gian qua, nông nghiệp Thái Bình đã đạt được một số kết quả quan trọng, cụ thể: Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân ngành Nông nghiệp giai đoạn 2016-2020 ước đạt 2,5%/năm (đạt mục tiêu Đề án giai đoạn này đề ra). Năm 2021, tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất tăng 2,5% so với năm 2020.

Bên cạnh đó, đã hình thành các mô hình tập trung, tích tụ đất đai để sản xuất nông nghiệp hàng hoá quy mô lớn gắn với tiêu thụ nông sản. Đến nay, tổng diện tích đất nông nghiệp dành cho mô hình này là 20.330,7 ha. Hầu hết các mô hình đều được đánh giá có hiệu quả hơn từ 1,5 đến 2 lần so với sản xuất thông thường

Thái Bình là tỉnh ven biển thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, diện tích tự nhiên không lớn nhưng lại có diện tích đất nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao; có truyền thống sản xuất nông nghiệp, gắn với nền văn minh lúa nước từ lâu đời. Trong nhiều năm qua, với sự vào cuộc của toàn xã hội, tỉnh Thái Bình đã huy động được nguồn lực vật chất to lớn cho khu vực nông thôn. Đây là điều kiện nền tảng để phát triển nông nghiệp, nông thôn, tỉnh Thái Bình.

khi chưa được tích tụ, tập trung. Về cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp: Kết quả đến hết năm 2021, đã cơ giới hóa 100% trong khâu làm đất; 80% khâu thu hoạch, 11,8% khâu gieo cấy, góp phần làm thay đổi cách thức sản xuất nông nghiệp của người nông dân từ sản xuất tự cung tự cấp sang sản xuất hàng hóa, giải quyết khan hiếm lao động lúc mùa vụ, rút được phần lớn lao động nông thôn chuyển sang sản xuất công nghiệp và dịch vụ.

Về trồng trọt: Tổng diện tích lúa cả năm 2021 đạt 153.196 ha, năng suất lúa cả năm đạt 131 tạ/ha, tổng sản lượng thóc đạt gần 1 triệu tấn. Đến năm 2021, diện tích gieo cấy giống lúa chất lượng cao cả năm chiếm hơn 39,1% diện tích gieo cấy, cao hơn 30% so với năm 2015. Diện tích sản xuất trồng trọt theo hướng an toàn, thực hành nông nghiệp tốt tăng dần theo từng năm. Diện tích gieo trồng rau tăng nhanh từ 38.242 ha năm 2016

lên 42.346 năm 2021. Đã hình thành một số mô hình liên kết sản xuất giữa HTX với các doanh nghiệp, tiêu biểu như: Mô hình liên kết sản xuất lúa giống diện tích 270 ha/năm của HTX Đông Quý, huyện Tiền Hải; mô hình tập trung ruộng đất sản xuất quy mô lớn, ứng dụng quy trình canh tác tiên tiến liên kết với doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm của HTX SXKD DV nông nghiệp Bình Định, huyện Kiến Xương,... Hầu hết các mô hình đều được đánh giá có hiệu quả hơn từ 1,5 đến 2 lần so với khi chưa được tích tụ, tập trung.

Về chăn nuôi: Phát triển khá mạnh theo hình thức gia trại và trang trại quy mô lớn, phương pháp công nghiệp và công nghệ hiện đại. Năm 2021, toàn tỉnh có 2.390 trang trại chăn nuôi đạt quy mô theo quy định của Luật Chăn nuôi. Tổ chức sản xuất chăn nuôi theo chuỗi liên kết tiếp tục được hình thành và phát triển; toàn tỉnh hiện có: 01 hiệp hội, 05 Hợp tác xã, 09 Tổ hợp tác chăn nuôi, 05 doanh nghiệp thực hiện liên kết với gần 49 chủ trang trại chăn nuôi trên địa bàn tỉnh với trên 13.000 lợn nái, trên 100.000 lợn thịt, lợn con, trên 240 nghìn con gia cầm. Quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, chăn nuôi VietGAHP được tuyên truyền, nhân rộng áp dụng rộng rãi.

Về thủy sản: Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2021 đạt 14.696 ha, có 633 lồng nuôi cá/69.318 m³; đối tượng nuôi ngày càng đa dạng, đáp ứng nhu cầu tiêu thụ của người dân trong và ngoài tỉnh. Giá trị sản phẩm trên 1 ha mặt nước nuôi trồng

năm 2021 đạt 265,41 triệu đồng/ha (tăng 60,12 triệu đồng/ha). Khai thác thủy sản phát triển theo hướng hiện đại, tăng cường khai thác xa bờ, nâng cao hiệu quả sản xuất; đồng thời đẩy mạnh việc chống khai thác hải sản bất hợp pháp, để xây dựng nghề cá phát triển bền vững.

Thực hiện thành công Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới



Đồng chí Ngô Đông Hải, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình kiểm tra công tác phòng trừ sâu bệnh, bảo vệ lúa mùa tại huyện Hưng Hà

Phát huy thành quả đạt được của hơn 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng NTM. Đến nay, phong trào thi đua xây dựng NTM của tỉnh Thái Bình đã huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và trở thành phong trào sâu rộng, nhận được sự ủng hộ, tham gia nhiệt tình của các cấp, các ngành và toàn thể nhân dân trong tỉnh. Hệ thống cơ sở hạ tầng KT-XH của các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh phát triển khá đồng bộ: Hệ thống giao thông, thủy lợi, điện, trường học, trạm y tế, nước sạch, khu xử lý rác thải tập trung, hạ tầng thương mại nông thôn,... được đầu tư hoàn thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng cao; chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa được nâng lên; văn hóa truyền thống được khôi phục và phát huy; quốc phòng - an ninh được giữ vững, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, bộ mặt nông thôn có nhiều đổi mới.

Tính đến hết tháng 6/2022, tỉnh Thái Bình có 100% số xã đạt chuẩn NTM, 7 huyện và thành phố Thái Bình được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ NTM; có 24 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, dự kiến hết năm nay sẽ có thêm 6 xã đạt chuẩn NTM nâng cao; có 64 sản phẩm OCOP (có 32 sản phẩm đạt 4 sao, 32 sản phẩm xếp hạng 3 sao; trong đó: Năm 2020 có 17 sản phẩm đạt 4 sao; năm 2021 có 15 sản phẩm đạt 4 sao, 32 sản phẩm xếp hạng 3 sao). Mục tiêu phấn đấu đến năm 2025, tỉnh Thái Bình có trên 20% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao, trong đó có 10% số xã trở lên đạt nông thôn mới kiểu mẫu và 01 huyện đạt chuẩn huyện NTM nâng cao./.

Theo đó, giai đoạn 2016-2020, tổng giá trị sản xuất của huyện trong 5 năm (2016-2020) ước đạt 50.699,06 tỷ đồng (giá so sánh năm 2010), tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 9,55% (vượt 1,3%) so với mục tiêu Đại hội đề ra. Nông, lâm, thủy sản ước đạt 15.522,41 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 2,71% (vượt 0,01%); Công nghiệp, xây dựng ước đạt 23.097,55% tỷ đồng, tăng trưởng bình quân hàng năm đạt 16,01%, vượt 3,81%; Thương mại, dịch vụ ước đạt 12.079,1 tỷ đồng (tăng 7,18%). Tỷ lệ hộ nghèo (xét đa chiều) chỉ còn 2,57%.

Trao đổi về những kết quả nổi bật của huyện, ông Đặng Hồng Kỳ, Chủ tịch UBND huyện Vũ Thư cho hay: “Năm 2020, Huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm 2019. Trong lĩnh vực Giáo dục - Đào tạo, Huyện đã tổ chức lại và sáp nhập 43 trường Tiểu học và THCS thành 22 trường liên cấp, chất lượng giáo dục có sự chuyển biến tích cực, kỷ cương nề nếp được tăng cường. Huyện cũng quan tâm đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị y tế, kiện toàn cả về tổ chức và nhân lực, 30/30 xã, thị trấn được công nhận xã đạt chuẩn quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020. Công tác phòng, chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm được thực hiện có hiệu quả, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Công tác cải cách hành chính được huyện tập trung đẩy mạnh, đặc biệt là chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý nhà nước. Thực hiện cải cách hành chính “5 tại chỗ”, dịch vụ công mức độ 3, 4 tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân khi đến giao dịch về thủ tục hành chính; thực hiện chữ ký số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị... Công tác Quốc phòng - An ninh được bảo đảm”.

Để phát triển toàn diện “mạnh về kinh tế”, huyện Vũ Thư đã tập trung khai thác, phát huy lợi thế, tiềm năng, thế mạnh, chú trọng công tác quy hoạch; tranh thủ, sử dụng hiệu quả nguồn lực hỗ trợ từ ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và tận dụng tốt ngân sách huyện (từ tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất các dự án hạ tầng các khu dân cư trên địa bàn và từ nguồn thu xổ số kiến thiết cùng các nguồn thu hợp pháp khác) để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là phát triển hạ tầng đô thị, cơ sở hạ tầng kỹ thuật nông thôn, đặc biệt là hạ tầng giao thông; hạ tầng trong, ngoài các Cụm công nghiệp... Nổi bật nhất là nhiều tuyến đường giao thông quan trọng kết nối các vùng, khu vực trong huyện được xây mới, nâng cấp, cải tạo, đưa vào



VŨ THƯ CHUYỂN DỊCH KINH TẾ - XÃ HỘI TOÀN DIỆN

Là cửa ngõ của tỉnh, nối liền Thái Bình với Nam Định, Vũ Thư được xem là huyện có vị trí địa lý rất thuận lợi trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực thu hút đầu tư, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ. Cơ cấu kinh tế của Huyện phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hầu hết các chỉ tiêu kinh tế đều đạt và vượt với con số ấn tượng.

khai thác sử dụng hiệu quả như: Tuyến đường ĐH01, ĐH02, ĐH03, ĐH04, ĐH05, ĐH06, ĐH07... Đồng thời, huyện thực hiện tốt công tác quy hoạch, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh để mời gọi các nhà đầu tư chiến lược vào huyện.

Đến nay, huyện có 7 cụm công nghiệp đang hoạt động, với tổng diện tích đất quy hoạch gần 194 ha (tỷ lệ lấp đầy đạt 48,71%) với trên 360 doanh nghiệp đang hoạt động trong các lĩnh vực may mặc, bông, sợi, chế biến lương thực, thực phẩm và hàng công nghệ thu hút trên 20.000 lao động, trong đó có một số dự án có doanh thu, tạo công ăn việc làm cho hàng nghìn lao động như: Dự án sản xuất giày xuất khẩu của Công ty TNHH doanh nghiệp Forever tại CCN Minh Lãng, dự án đầu tư xây dựng nhà máy may công nghệ cao tại xã Minh Quang của Công ty Cổ phần Sản xuất hàng thể thao Maxport.... Đây là một trong những đòn bẩy tích cực để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Song song đó, huyện tiếp tục giữ vững và nâng cao các tiêu chí nông thôn mới (NTM); phát triển nông nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch... làm trụ đỡ cho phát triển kinh tế địa phương, góp phần thúc đẩy nền kinh tế của huyện tăng trưởng.

Xã Minh Quang nằm liền kề thị trấn Vũ Thư là một trong những xã



Huyện Vũ Thư tạo môi trường đầu tư thông thoáng cho các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả

diễn hình của huyện, là một trong những xã đầu tiên của huyện Vũ Thư về đích NTM, cũng là xã thứ hai của huyện Vũ Thư chạm đích NTM nâng cao (sau Nguyên Xá).

Chia sẻ với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, ông Đoàn Quang Chiểu, Chủ tịch UBND xã Minh Quang cho biết: Đồng hành cùng với sự phát triển chung của huyện Vũ Thư thì cơ cấu kinh tế của xã Minh Quang cũng có sự thay đổi mạnh mẽ, các ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ đa ngành nghề, đa lĩnh vực chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế. Năm 2020 thu nhập bình quân đầu người của xã ước đạt 56,8 triệu đồng, gấp 2,11 lần năm 2014. Tỷ lệ hộ nghèo (trừ đối tượng bảo trợ xã hội) còn 0,79%; hộ cận nghèo còn 3,18%, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng nâng cao.

Kinh tế - xã hội từng bước phát triển hiện đại, môi trường được đảm bảo, xây dựng nông thôn dân chủ, ổn định, giữ gìn bản sắc văn hóa; an ninh trật tự được giữ vững, chính quyền ngày càng vững mạnh.

Tiếp nối đà phát triển, huyện Vũ Thư phấn đấu đến năm 2025 (theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện khóa XVI, nhiệm kỳ 2020-2025), tốc độ tăng trưởng tổng giá trị sản xuất bình quân hằng năm đạt 10,68%/năm; thu nhập bình quân đầu người đạt 78 triệu đồng; có 30% số xã đạt tiêu chí nông thôn mới nâng cao, trong đó có 10% xã đạt tiêu chí NTM kiểu mẫu. Tin rằng, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Vũ Thư sớm đưa Nghị quyết trở thành hiện thực, góp phần xây dựng quê hương Vũ Thư ngày càng giàu đẹp, văn minh./.

N.T

ĐÔNG HƯNG: TẬP TRUNG PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP ĐẨY NHANH CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Đông Hưng lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025 đã xác định phát triển công nghiệp là trọng tâm trong phát triển kinh tế xã hội của huyện. Cụ thể hóa mục tiêu này của Nghị quyết, những năm qua, huyện Đông Hưng đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực nhằm khai thác lợi thế nằm trên tuyến quốc lộ huyết mạch để phát triển cả công nghiệp tập trung và các làng nghề.

Hai năm vừa qua, trong bối cảnh khó khăn chung do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, giá nguyên, nhiên liệu, chi phí vận tải, logistics tăng cao, song sản xuất công nghiệp của huyện Đông Hưng vẫn đạt kết quả khả quan. Cụ thể, giá trị sản xuất công nghiệp năm 2021 tăng 17,2% so với cùng kỳ, trong đó một số ngành hàng đạt mức tăng trưởng khá như: Dệt may, gia công cơ khí, hàng điện tử, đồ gỗ, chế biến lương thực...

Để sản xuất công nghiệp đạt mức tăng trưởng ổn định, các cấp, ngành liên quan của huyện Đông Hưng đã tập trung tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về nguồn vốn; hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm và tăng cường thu hút đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp.

Trong đó, để xây dựng được hạ tầng công nghiệp, Huyện tập trung vào nhiệm vụ hàng đầu là tuyên truyền, vận động người dân chấp thuận việc giải phóng mặt bằng để giao đất cho nhà đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật. Sau đó kêu gọi đầu tư giai đoạn tiếp theo, từng bước lựa chọn các nhà đầu tư thứ cấp để phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại tạo ra giá trị sản xuất cạnh tranh lớn.

Do làm tốt công tác giải phóng mặt bằng nên các nhà đầu tư hạ tầng đã triển khai thi công đúng tiến độ, hoàn thành hạ tầng CCN Đô Lương và CCN Đông La; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật tại CCN Đông Phong, CCN Nguyễn Xá, CCN Mê Linh, CCN Hồng Việt, CCN Phong Châu. Về cơ bản, các công trình xây dựng đang được thực hiện theo đúng kế hoạch. Đến nay, trên địa bàn huyện đã có 7 cụm công nghiệp đi vào hoạt động và tiếp tục quy hoạch bổ sung CCN Đô Lương 2 và CCN Đông Phương.

Đông Hưng khuyến khích phát triển các CCN, tập trung vào ngành chủ lực có lợi thế cạnh tranh như: chế biến lương thực thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử, công nghiệp phụ trợ; ưu tiên lựa chọn các dự án công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, thân thiện với môi trường, công nghiệp sạch, công nghệ sinh học.

Song song với thu hút đầu tư các cụm công nghiệp tập trung, Đông Hưng còn khuyến khích phát triển làng nghề có thế mạnh của địa phương; đồng thời chú trọng công tác đào tạo nghề, nâng cao tay nghề cho công nhân và người lao động; xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư vào các làng nghề, trong đó ưu tiên cho các ngành như chế biến nông sản thực phẩm và ngành nghề có hiệu quả kinh tế cao, không gây ô nhiễm môi trường.

Để tạo niềm tin đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư, UBND huyện đã tập trung kiểm soát chặt chẽ việc cập nhật công khai các thủ tục hành chính trên Cổng thông tin điện tử của huyện <https://donghung.thaibinh.gov.vn> và tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả huyện nhằm kịp thời phục vụ nhu cầu tra cứu của các cá nhân, tổ chức, nhà đầu tư.

Cùng với đó, huyện chú trọng nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, ứng dụng mạnh mẽ, có hiệu quả công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và phục vụ người dân, tổ chức; chú trọng xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, đưa chữ ký số vào triển khai trên phần mềm quản lý văn bản; tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ trong xử lý công việc; thực hiện trao đổi các văn bản, tài liệu qua mạng với 100% cán bộ, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử.

Chính điều này đã tạo ra những thay đổi lớn trong phương thức giải quyết TTHC, tác động tích cực trong việc đơn giản hóa TTHC, góp phần hiện đại hóa nền hành chính công; giảm văn bản, giấy tờ, bảo đảm giờ nhận an toàn, nhanh chóng, thuận lợi và tăng cường công tác an toàn thông tin.

Hoạt động của các doanh nghiệp trong cụm công nghiệp và khu vực làng nghề đã ổn định, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm nghìn người lao động nông thôn. Các dự án đầu tư triển khai đạt tiến độ và đi vào hoạt động sản xuất ổn định như: Công ty TNHH MTV G8 khu công nghiệp Nguyễn Xá, dự án mở rộng sản xuất sản phẩm thạch cao của Công ty cổ phần sông Diêm.../.

Thanh Hà



Những khu làm việc “xanh” trong các nhà máy sản xuất tại các CCN của huyện Đông Hưng



ĐÔNG LÂM

HƯỚNG TỚI XÂY DỰNG THÀNH CÔNG XÃ NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

Trong 5 năm vừa qua (2015-2020), phát huy truyền thống cách mạng quê hương anh hùng, dưới dự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, sự giúp đỡ của các ngành chức năng, Đảng bộ và nhân dân xã Đông Lâm, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình luôn phát huy tinh thần đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, thử thách, nỗ lực phấn đấu vươn lên, tiếp tục giành được những thắng lợi tương đối toàn diện trên mọi lĩnh vực. Kinh tế, văn hóa, xã hội, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân từng bước được nâng cao, bộ mặt nông thôn có nhiều khởi sắc...

Ông Phạm Trọng Ủy, Phó Bí thư Đảng ủy – Chủ tịch UBND xã Đông Lâm cho biết: Về phát triển kinh tế, tổng giá trị sản xuất bình quân 5 năm toàn xã đạt 258 tỷ đồng. Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 ước đạt 54,3 triệu đồng/người/năm. Trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp: Tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt bình quân 5 năm đạt 16,7 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh mẽ, tiếp thu các tiến bộ khoa học kỹ thuật về giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, 100% các giống lúa ngắn ngày được đưa vào gieo trồng; trong đó, giống lúa chất lượng cao chiếm 45%-50% diện tích. Sản lượng thóc bình quân mỗi năm đạt 3.098 tấn. Lĩnh vực chăn nuôi từng bước trở thành ngành sản xuất chính và mang lại thu nhập khá cho nhiều hộ gia đình. Đàn trâu, bò phát triển mạnh, bình quân hằng năm có khoảng 174 con; đàn lợn 22.443 con; đàn gia cầm có 33.767 con. Toàn xã có 1 trang trại và 15 gia trại.



Khu Di tích lịch sử văn hóa xã Đông Lâm được đầu tư theo hướng đồng bộ, hiện đại, hứa hẹn là điểm dừng chân tham quan lý tưởng của du khách xa gần

Tổng giá trị sản xuất chăn nuôi bình quân 5 năm đạt 23,9 tỷ đồng, bằng 109% chỉ tiêu, kế hoạch đề ra.

Bên cạnh đó, sản xuất công nghiệp, TTCN trên địa bàn xã tiếp tục có bước phát triển, giá trị sản xuất bình quân 5 năm đạt 129,1 tỷ đồng, bằng 131% KH. Để nâng cao thu nhập cho người dân, Đảng bộ, chính quyền xã Đông Lâm đã tạo điều kiện thuận lợi thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài địa bàn phát triển công nghiệp tại địa phương: Luôn chú trọng, tạo điều kiện và khuyến khích du nhập nghề mới. Hằng năm xã có khoảng 1800 lao động làm việc, lao động sản xuất trực tiếp tại các công ty, doanh nghiệp cho thu nhập ổn định từ 5 triệu đồng/tháng trở lên. Ngoài ra, trên địa bàn xã còn có khoảng 300 hộ gia đình với trên 600 lao động làm việc thường xuyên trong các nhóm nghề như: Nghề mộc, xây dựng, cơ khí, sửa chữa máy, điện dân dụng, chế biến lương thực, thực phẩm, nghề thủ công mỹ nghệ xuất khẩu và các mặt hàng gia công khác. Về lĩnh vực thương mại dịch vụ: Toàn xã có 353 hộ kinh doanh buôn bán nhỏ, chế biến lương thực, thực phẩm. Ngoài ra, 78 hộ có máy cơ khí

phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp; 17 hộ đầu tư mua 20 phương tiện ô tô chở khách, vận tải hàng hóa phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế và đời sống, sinh hoạt của nhân dân. Tổng giá trị sản xuất lĩnh vực dịch vụ, thương mại bình quân 5 năm đạt 81,2 tỷ đồng, bằng 134,7% kế hoạch.

Về kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới nâng cao: Ngày 8/01/2020 xã Đông Lâm vinh dự được đoàn thẩm định của tỉnh về thẩm định xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2019. Kết quả của hoàn thành xây dựng NTM nâng cao là kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của xã phát triển nhanh chóng, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

Với quan điểm xây dựng nông thôn mới chỉ có điểm khởi đầu mà không có điểm kết thúc, thời gian tới, Đảng bộ và nhân dân xã Đông Lâm quyết tâm huy động sức mạnh tổng hợp, phát huy tinh thần đoàn kết, nội lực từ sức dân, củng cố và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM nâng cao, hướng tới mục tiêu xây dựng xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu./

Trọng Nghĩa

XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO Ở YÊN CHÍNH

Năm 2016, xã Yên Chính được UBND tỉnh Nam Định công nhận xã đạt chuẩn NTM. Sau khi về đích NTM, căn cứ vào các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh và huyện về xây dựng xã NTM nâng cao, thôn/xóm NTM kiểu mẫu, Đảng bộ và nhân dân xã Yên Chính tiếp tục tập trung nguồn lực để xây dựng NTM nâng cao.

Đồng chí Phạm Trần Lý, Chủ tịch UBND xã cho biết: Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh về nhiệm vụ xây dựng NTM là quá trình thường xuyên, liên tục, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, xã đã kiện toàn tất cả các ban xây dựng NTM và phân công nhiệm vụ cụ thể, phù hợp với năng lực, chuyên môn của từng thành viên. Trên nền tảng cơ sở vật chất đã có từ giai đoạn trước, Yên Chính xây dựng kế hoạch cụ thể, có lộ trình phù hợp với điều kiện của địa phương để tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiểu mục, các tiêu chí theo bộ tiêu chí xây dựng NTM nâng cao.

Một trong những nội dung quan trọng vừa là động lực, vừa là mục tiêu mà Yên Chính chú trọng quan tâm đó là đẩy mạnh phát triển kinh tế. Để giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, xã đã phối hợp với các cấp, ngành tổ chức các lớp đào tạo nghề chăn nuôi lợn, gà; kỹ thuật canh tác lúa; nghề nấu ăn; chuyển giao công nghệ sản xuất... Nhiều lao động sau đào tạo đã có việc làm tại các doanh nghiệp may công nghiệp, điện tử trên địa bàn huyện và các huyện lân cận.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, xã Yên Chính đã chuyển đổi nhiều diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các hình thức sản xuất khác như: Mô hình lúa - cá ở khu vực Cổ Bàu, Chiều Chèm, Chiều Ngói; phát triển

Với việc xây dựng thành công nông thôn mới (NTM) nâng cao đã làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt nông thôn xã Yên Chính (Ý Yên, Nam Định), tạo thế và lực mới để xã phát triển kinh tế xã hội toàn diện, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người dân.

trang trại tổng hợp khu vực Chiều Ngói đem lại hiệu quả kinh tế cao hơn gấp 6-7 lần so với trước. Năm 2021, giá trị thu nhập bình quân canh tác đạt gần 90 triệu đồng/ha. Bên cạnh đó, xã đã xây dựng được mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm lúa BT7 theo quy trình VietGAP với diện tích 30ha tại cánh đồng mẫu lớn của các thôn Thống Nhất, Độc Lập, Trung Thành, Quyết Thắng.

Năm 2020, thu nhập bình quân đầu người của Yên Chính đạt 55,17 triệu đồng, tăng hơn 2,5 lần so với khi đạt chuẩn NTM năm 2016. Thu nhập của người dân tăng lên giúp Yên Chính có điều kiện huy động nguồn lực để thực hiện xã hội hóa kết hợp vốn ngân sách đầu tư, nâng cao chất lượng các tiểu mục của từng tiêu chí NTM nâng cao.

Đến tháng 4 năm 2021, sau một thời gian tập trung cao độ, tổ chức thực hiện nghiêm túc, đồng bộ, xã Yên Chính đã đạt 19/19 tiêu chí NTM nâng cao và được UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn NTM nâng cao năm 2020, có 01 thôn được huyện công nhận đạt NTM kiểu mẫu.

Hoàn thành xây dựng NTM nâng cao giúp cho kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của Yên Chính phát triển nhanh chóng, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần cho người dân. Đến nay, 100% các tuyến đường trục xã, trục thôn,

đường dọc ngõ xóm của xã đã được bê tông hóa sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện lưu thông; 100% đường trục chính nội đồng được cứng hóa tạo thuận lợi cho việc đẩy mạnh cơ giới hóa các khâu sản xuất. Hệ thống thủy lợi nội đồng đảm bảo chủ động tưới tiêu, đáp ứng yêu cầu ứng phó với mức độ rủi ro thiên tai cấp độ 3.

Bên cạnh đó, cơ sở vật chất giáo dục được đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hiện nay, các trường mầm non, THCS đã đạt chuẩn quốc gia; trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 và đạt chuẩn "xanh - sạch - đẹp - an toàn". Trại y tế xã được đầu tư đạt yêu cầu "xanh - sạch - đẹp", có đầy đủ cơ sở thuốc, vật tư y tế, hóa chất đảm bảo chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao tiếp tục phát triển sôi nổi ở các thôn, xóm; mỗi xóm đều có 1 câu lạc bộ dưỡng sinh, 1 đội bóng đá, 1 đội văn nghệ... hoạt động thường xuyên, qua đó góp phần nâng cao sức khỏe, tạo động lực tinh thần cho cán bộ, nhân dân hăng hái thi đua lao động sản xuất và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Từ một vùng quê thuần nông trước đây, nay Yên Chính đã trở dậy, vươn lên, trở thành xã phát triển về kinh tế, ổn định về chính trị, đẹp trong lối sống và vững về quốc phòng, an ninh. Thành quả ngọt ngào mà người dân Yên Chính được hưởng thụ hôm nay đã minh chứng cho sự nỗ lực, cố gắng của cấp ủy, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và tầng lớp nhân dân trong xã đã biết tranh thủ những thuận lợi, thời cơ, vượt qua những khó khăn, thách thức, xây dựng thành công xã NTM nâng cao./

Minh Châu

TRƯỜNG CAO ĐẲNG KINH TẾ VÀ CÔNG NGHỆ NAM ĐỊNH

PHÂN ĐẦU TRỞ THÀNH TRƯỜNG CHẤT LƯỢNG CAO

Được thành lập trên cơ sở việc hợp nhất 7 trường trung cấp và cao đẳng trên địa bàn tỉnh Nam Định, Trường cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định đã trải qua giai đoạn khó khăn khi vừa phải kiện toàn tổ chức, sắp xếp tinh gọn đội ngũ song vẫn phải tập trung đổi mới chương trình, nâng chất lượng đào tạo, đặc biệt với những ngành/ngành trọng điểm. Vượt gặp nhiều thách thức, đến nay, các hoạt động của Trường đi vào nề nếp, chất lượng đào tạo được đảm bảo, các chỉ tiêu về tuyển sinh đều tăng qua từng năm học và tỷ lệ học sinh, sinh viên có việc sau đào tạo đạt rất cao.

Năm 2019, khi thực hiện việc hợp nhất các đơn vị đào tạo, Ban Giám hiệu Trường CĐ Kinh tế và Công nghệ Nam Định xác định đây là cơ hội tốt để nhà trường mở rộng quy mô, tăng cường cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên song cũng là áp lực trong việc duy trì chất lượng đào tạo bởi các trường đều có ngành đào tạo có thế mạnh và đặc thù. Theo đó, công tác cán bộ được coi là nhiệm vụ tiên quyết hàng đầu được thực hiện dân chủ, công khai, đúng thẩm quyền, đúng quy trình. Đến nay, tổng số cán bộ giáo viên nhân viên của Trường hiện còn 334 người, trong đó có 69 người có trình độ trên đại học, 203 người có trình độ đại học, 23 người có trình độ từ trung cấp tới cao đẳng, 5 thợ bậc cao.

Mặt khác, Trường sắp xếp các khoa phòng và chuyên ngành đào tạo theo hướng tinh gọn, duy trì ngành nghề mũi nhọn, có thế mạnh. Sau khi hợp nhất, Nhà trường hiện đang đào tạo 11 nghề trình độ cao đẳng, 30 nghề trình độ trung cấp và 36 nghề trình độ sơ cấp và dạy nghề ngắn hạn dưới 3 tháng. Trong các nghề Trường đào tạo, có một nghề cấp độ quốc tế là nghề hàn; cấp độ khu vực Asean có 02 nghề và cấp độ quốc gia là 15 ngành/ngề.

Để tồn tại và phát triển trong tình hình mới, Trường xác định cần tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước tiệm cận với chuẩn đầu ra ở tầm khu vực và quốc tế. Hiện nay, Trường có 13 cơ sở, trong đó 9 cơ sở có tổ chức đào tạo, tổng diện tích khuôn viên ở tất cả cơ sở là hơn 20ha, diện tích sàn xây dựng là hơn 52 nghìn m². Hằng năm, Trường đều dành nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất,



Lễ ký biên bản hợp tác giữa Trường Cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định và Công ty Cổ phần phát triển nguồn nhân lực LOD nhằm đẩy mạnh tư vấn giới thiệu việc làm ngoài nước cho HSSV sau tốt nghiệp của Trường

trang thiết bị phục vụ dạy học và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, đội ngũ giáo viên của Trường cũng nỗ lực để nâng cao trình độ, trau dồi kỹ năng sư phạm, nghề nghiệp thông qua các khóa đào tạo và các hội thi giáo viên dạy nghề giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia.

Để tăng cường kỹ năng nghề nghiệp, trong quá trình học tập, Nhà trường thường xuyên tổ chức cho học sinh, sinh viên tham quan trải nghiệm thực tế hoặc học sản xuất tại doanh nghiệp. Hoạt động này vừa giúp cho học sinh, sinh viên được củng cố kiến thức chuyên môn đã học tại Trường vừa tạo cơ hội để các em tiếp xúc trực tiếp với môi trường sản xuất công nghiệp cũng như mang lại nguồn thu nhập cho bản thân. Ngoài ra, Trường ký biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo và tuyển dụng cho sinh viên của Trường, một số doanh nghiệp, tập đoàn lớn đã và đang hợp tác với Trường, hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng như Công ty CP Kim khí Thăng Long, Công ty Điện lạnh Hòa Phát..

2 năm học năm học gần đây, dịch Covid-19 ảnh hưởng lớn tới

kế hoạch đào tạo, nhưng bằng tinh thần chủ động khắc phục khó khăn, chất lượng đào tạo của Nhà trường vẫn từng bước nâng cao. Tỷ lệ tốt nghiệp của học sinh, sinh viên luôn đạt 100%. Qua khảo sát của Nhà trường, tỷ lệ học sinh, sinh viên sau 12 tháng kể từ khi tốt nghiệp có việc làm ổn định đạt trên 95%, một số nghề trọng điểm, chất lượng cao đạt 100%.

Với những kết quả đạt được trong công tác đào tạo, trong 3 năm học vừa qua, Trường cao đẳng Kinh tế và Công nghệ Nam Định vinh dự được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Lao động Thương binh, Xã hội, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, UBND tỉnh Nam Định, các Sở, Ban ngành tỉnh Nam Định tặng bằng khen, giấy khen, cờ thi đua cho các cá nhân và tập thể. Thời gian tới, Trường tiếp tục được Bộ Lao động Thương binh xã hội và UBND tỉnh Nam Định đầu tư triển khai dự án nâng cao năng lực đào tạo các nghề trọng điểm. Đây là cơ hội tốt để Trường hướng tới trở thành một trung tâm đào tạo chất lượng cao, trọng điểm của vùng Nam đồng bằng Sông Hồng./.

Trịnh Long



TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT NAM ĐỊNH

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định là cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo GDNN, cán bộ kỹ thuật có trình độ Đại học và sau đại học theo định hướng ứng dụng thuộc các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ, kinh tế; nghiên cứu và triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 và hội nhập quốc tế.



Đ. Phù Nghĩa, P. Lộc Hạ, Tp. Nam Định
0228. 3630858
bants.skn@moet.edu.vn
www.nute.edu.vn